

Luật sư ĐÀO TĂNG DỰC

DỰ THẢO

**SÁCH LƯỢC CHUYỂN HÓA DÂN CHỦ
CHO MỘT VIỆT NAM HẬU CỘNG SẢN**

**(Cải Tổ Hệ Thống Hành Chánh, Quân Đội, Trị An Và Hệ
Thống Pháp Lý Việt Nam)**



THE VIETNAM DEMOCRACY FEDERATION



LỰC LƯỢNG DÂN TỘC CỨU NGUY TỔ QUỐC

Special illustrated 2024

Draft strategy for the democratic transition of government in post-communist Vietnam
(Reform of the administration, armed forces, police and judicial system of Vietnam)

By

Tang Duc Dao, solicitor

Dự thảo sách lược chuyển hóa dân chủ cho một Việt Nam hậu cộng sản
(Cải tổ hệ thống hành chính, quân đội, công an và hệ thống pháp lý Việt Nam)

Luật Sư Đào Tăng Dục

Ủy Ban Nghiên Cứu Sách Lược Hưng Quốc

Lực lượng Dân Tộc cứu Nguy Tổ Quốc

(c) Copyright Dao, Tang Duc 2024

All rights reserved. However, subject to giving due recognition to particulars of author and publication (such as name of author, edition and publisher), the author consents to the use, publication, and dissemination by all interested parties, by any means including in print or electronically of this book, without any restrictions and without any financial obligations to the author and publisher.

(c) Bản Quyền Đào Tăng Dục 2024

Tác giả giữ toàn bộ bản quyền. Tuy nhiên, với điều kiện phải công nhận và ghi rõ chi tiết về tác giả và xuất bản (như tên họ tác giả, ấn bản và người xuất bản) tác giả đồng ý mọi sự sử dụng, xuất bản và phổ biến do những thành phần quan tâm, bằng mọi phương tiện, kể cả in ấn hoặc điện tử, cuốn sách này, không giới hạn, và không bị ràng buộc bởi những trách nhiệm tài chính đối với tác giả và người xuất bản.

Dự thảo sách lược chuyển hóa dân chủ cho một Việt Nam hậu cộng sản

(Cải tổ hệ thống hành chính, quân đội, công an và hệ thống pháp lý CSVN)

Tang Duc Dao

Draft strategy for the democratic transition of government in post-communist Vietnam
(Reform of the administration, armed forces, police and judicial system of Vietnam)

Địa chỉ thư tín:

Email: khaicat2@gmail.com

Website: www.daotangduc.blogspot.com

Hình bìa: Tổng thống Vaclav Havel chào đón ông Trần Quốc Bảo, Trưởng phái đoàn NVTD (9/1995)

Mục Lục

Lời giới thiệu

Lời mở đầu:

Vì sao có nhu cầu chấp bút dự thảo sách lược chuyển hóa dân chủ này?

Phần I:

Nhu cầu cải tổ hệ thống công quyền

Phần II:

Tương quan nền tảng trong hệ thống công quyền.

1. Thực thể thứ nhất là một cấu trúc thượng tầng cấp chính trị (political super-structure).
2. Thứ nhì là một cấu trúc hạ tầng cấp hành chính, quân đội và trị an (administrative, military, and public safety infra-structure).
3. Thực thể thứ ba là hệ thống pháp lý hoàn toàn độc lập (An absolutely independent judicial system).

Phần III.

Tính thường trực, phi chính trị và chuyên nghiệp của cấu trúc hạ tầng

Phần IV.

Phác họa sách lược cải tổ.

1. Nền tảng quan trọng nhất, trên bình diện chiến lược, là hiến định hóa một bản tân hiệp pháp “dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên” chân chính
2. Nền tảng kế tiếp, trên bình diện chiến thuật ngắn hạn, là luật hóa một bộ luật “Chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền” qua một tân quốc hội dân chủ, chiếu theo tân hiến pháp, với một số đặc tính căn bản
3. Nền tảng thứ ba, trên bình diện chiến thuật trung hạn, là một Ủy Ban Đặc Nhiệm Cải Tổ Pháp Lý của Quốc Hội (với sự cố vấn của những luật sư chuyên nghiệp nhất của quốc gia và quốc tế) sẽ được thành lập với các trách nhiệm được quy định
4. Nền tảng thứ tư là song song với Ủy Ban Đặc Nhiệm Luật Pháp Quốc Hội, hành pháp phải thành lập một “Bộ chuyển hóa dân chủ”.
5. Nền tảng thứ năm, cũng trên bình diện chiến lược, song hành với bản tân hiến pháp dân chủ “hiến định, pháp trị và đa nguyên” là nhu cầu phát động một phong trào phục hưng văn hóa dân tộc hùng mạnh

Phần V.

Vấn nạn cần lưu ý:

1. Các cấu trúc đảng ủy của CSVN
2. Các con số thống kê bất khả tín của CSVN
3. Những bí mật quốc gia không cần thiết và không thể biện minh

Phần VI.

Nhận diện các lãnh vực cần nghiên cứu cải tổ:

- a. Hệ thống hành chính trung ương (Central administrative system)
- b. Hệ thống hành chính địa phương (Local administrative system)
- c. Hệ Thống Quân đội (The armed forces)
- d. Hệ thống trị-an bao gồm cảnh sát và công an (The public security system)
- e. Hệ thống pháp lý (The legal system)
- f. Chấp bút một Dự Luật “Chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền” (Cải tổ hệ thống Hành Chánh, Quân Đội, Công An và hệ thống Pháp Lý hậu cộng sản)

Hệ thống thứ nhất:

Sách lược cải tổ hệ thống hành chính trung ương (Central administrative system)

- I. Cấu trúc hành chính
- II. Nhân số
- III. Định nghĩa các danh từ
- IV. Tính thiếu khả tín của các con số thống kê
- V. Nguyên nhân của tính thiếu khả tín của thống kê
- VI. Hậu quả của những con số thống kê gian dối
- VII. Đề nghị cải tổ
 1. Luật hóa đặc biệt vị trí của Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia như một định chế độc lập
 2. Luật hóa tính minh bạch trong chính quyền (Transparency in government) và quyền tiếp cận thông tin (Freedom to access government information) của mọi công dân.
 3. Nhu cầu chuyên nghiệp hóa công viên chức
 4. Nhu cầu triệt để bảo vệ phúc lợi cho công viên chức nhà nước.
 5. Thành lập một tòa án hành chính chuyên biệt giải quyết các tranh chấp sau đây:
 - Tranh chấp chủ thợ giữa công viên chức cá thể và chính quyền trên các bình diện: mướn nhân viên và sa thải nhân viên, lương bổng và phúc lợi
 - Tranh chấp giữa những công dân cá thể và những cơ quan chính quyền

Hệ Thống thứ nhì:

Sách lược cải tổ hệ thống hành chính địa phương (Local administrative system)

I. Tổng quan

II. Thực trạng cấu trúc hành chính địa phương tại Việt Nam:

1. Cấu trúc chính quyền
2. Nhân số công viên chức nhà nước tại các cấp chính quyền địa phương
3. Những khuyết điểm và nguyên nhân của chúng

III. Chúng ta phải cải tổ như thế nào?

1. Nhu cầu trao cho địa phương tính độc lập hiến định cần thiết cho một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên
2. Chuyên nghiệp hóa
3. Một nhu cầu quan trọng nữa là triệt để bảo vệ phúc lợi cho công viên chức nhà nước tại địa phương tương tự như tại trung ương
4. Bảo vệ quyền lợi pháp lý của công nhân viên.

Hệ thống thứ ba:

Sách lược cải tổ hệ thống quân đội (The armed forces)

- I. Tương quan quyền lực giữa quân đội và công an trong Hiến Pháp
- II. Hiện trạng quân đội
- II. Phân tích bản chất hiện tại của Quân Đội CSVN
- IV. Thảo luận về vai trò của người quân nhân trong Nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính:
 1. Sự tôn quý của một quân nhân chân chính
 2. Sự tôn quý của quân nhân phát xuất từ trách nhiệm bảo vệ tổ quốc
 3. Tương quan nghiêm chỉnh giữa người quân nhân và chính quyền dân sự trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính
- V. Đề nghị cải tổ hệ thống quân đội
 1. Trên bình diện chiến lược ngân sách quốc phòng phải tăng đáng kể
 2. Trên bình diện binh pháp
 3. Hiện đại hóa Hải Lục Không Quân
 4. Phân biệt giữa quốc phòng và trị an
 5. Đứng về phía nhân dân và chống lại mọi hình thức độc tài
 6. Đạo đức của quân nhân

7. Cải tổ hệ thống Tòa Án Quân Sự

Hệ thống thứ tư:

Sách lược cải tổ hệ thống tri-an bao gồm cảnh sát và công an (The public security system)

- I. Vai trò cai trị của công an
- II. Vị trí hiến định của công an
- III. Hiện trạng công an
 1. Tổng quát
 2. Lãnh đạo
 3. Nhân số trong ngành công an
 4. Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân gồm những lực lượng nào?
 5. Quy định luật pháp về Công An
 - I. “Quân số” ngành công an là một bí mật quốc gia
 - II. Tại sao cùng là lực lượng vũ trang được ghi nhận trong Chương IV Hiến Pháp như lực lượng “Bảo Vệ Tổ Quốc” mà Quân đội lại lép vế so với Công an?
 - III. Công an có phải là công cụ vạ năng của một chế độ độc tài hay không?
 - IV. Đề nghị cải tổ:
 1. Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ
 2. Tác động cải tổ sẽ nhằm vào các mục tiêu sau đây:
 - (i) Thay đổi phẩm trật và cấp bậc trong ngành công an.
 - (ii) Tu chính Luật Công An Nhân dân, nhất là điều 16.
 - (iii) Phân loại và tinh giản các nhiệm vụ khác nhau trong ngành công an
 - (iv) Áp dụng nguyên tắc địa phương phân quyền.
 - (v) Để đáp ứng các vấn đề hình sự và nhu cầu phản gián, Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu đề án thành lập một cơ quan phản gián tương tự như Tổng Cục Điều Tra Liên Bang Hoa Kỳ (FBI), từ trong lực lượng công an.
 - (vi) Để đáp ứng nhu cầu tình báo bên ngoài, Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu đề án thành lập một Cơ Quan Tình Báo Trung Ương tương tự CIA của Hoa Kỳ, từ trong lực lượng công an.

Hệ thống thứ năm:

Sách lược cải tổ hệ thống pháp lý

(Reform of the legal system)

I. Hệ thống pháp lý hiện hành:

1. Những khuyết điểm của hệ thống pháp lý CSVN

2. Hệ thống pháp lý Việt Nam trên hình thức
3. Các khuyết điểm của hệ thống pháp lý VN trên thực tế:
 - a. Tính phản công lý của nguyên tắc “tập trung dân chủ”
 - b. Nhiệm kỳ giới hạn 5 năm
 - c. Thẩm phán CSVN được bổ nhiệm vì “Hồng” không phải “Chuyên”
 - d. Lương bổng các Thẩm Phán VN không tương xứng với vị trí xã hội
4. Chúng ta cần làm gì hầu cải tổ hệ thống pháp lý VN?

II. Đề nghị Hệ Thống Pháp Lý Việt Nam Tương Lai:

A. Phương diện cấu trúc hành chính (Administrative structure):

1. Tối cao pháp viện hoặc một danh từ khác như Tòa án tối cao (Supreme court)
2. Các tòa thượng thẩm cấp quốc gia (National courts of superior jurisdiction)
3. Các tòa án cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương (provincial or city level courts of superior jurisdiction):
4. Các tòa án cấp quận hoặc huyện (district courts)
5. Các tòa án chuyên biệt (courts of special jurisdictions)

B. Tương quan giữa công viên chức trong ngành tư pháp và các thẩm phán chủ tọa các phiên xử của tòa (Relationship between administrative employees and members of the judiciary)

C. Phương diện động lực vận hành (Aspects of functional dynamics):

1. Tiến trình thi hành công lý (process of administration of justice)
2. Tính bình đẳng của mọi hữu thể pháp lý (equality between all legal entities)
3. Phân biệt giữa hình và hộ (distinction between criminal and civil matters)
4. Nguyên tắc kháng cáo (the appeal process)
5. Thẩm quyền các tòa án và thẩm quyền đặc biệt của Tối Cao Pháp Viện (Jurisdiction of courts and special jurisdiction of the Supreme Court)
6. Vị trí của nền luật pháp truyền thống- Bộ Luật Hồng Đức (The special status of our traditional Hong Duc Legal Code)
7. Tương quan vận hành giữa các cấp tòa án (The functional dynamics between courts of various levels)
8. Những vấn đề khác cần nghiên cứu (Matters for further studies):

Dự Luật Chuyển Hóa Dân Chủ Việt Nam hậu cộng sản

(Cải tổ nền tảng Hệ Thống Hành Chính, Quân Đội, Công An và Hệ Thống Pháp Lý)

QUỐC HỘI
CỘNG HÒA VIỆT NAM

Luật số: ...

Thủ Đô, ngày...tháng ...năm 20...

LUẬT CHUYỂN HÓA DÂN CHỦ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật chuyển hóa dân chủ.

Chương I. Tổng quan

Chương II. Phạm vi thẩm quyền và nguyên tắc chỉ đạo của Bộ luật này

Chương III. Cải tổ định chế

Chương IV. Hệ thống hành chính trung ương

Chương V. Hệ thống hành chính địa phương

Chương VI. Hệ thống quân đội quốc gia

Chương VII. Hệ Thống trị an quốc gia

Chương VIII. Hệ Thống pháp lý quốc gia

Chương IX. Nhu cầu phục hưng văn hóa dân tộc

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa Việt Nam khóa..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 20XX.

CHỦ TỊCH THƯỢNG VIỆN
QUỐC HỘI: XXXX

CHỦ TỊCH HẠ VIỆN QUỐC
HỘI: XXXX

Kết Luận

Phụ Đính A

Phụ Lục

Dự Thảo Hiến Pháp Việt Nam

Lực Lượng Dân Tộc Cứu Nguy Tổ Quốc

Ủy Ban Nghiên Cứu Sách Lược Hưng Quốc

Sách lược chuyển hóa dân chủ cho một Việt Nam hậu cộng sản (Cải tổ hệ thống hành chính, quân đội, công an và hệ thống pháp lý Việt Nam)

Tác giả: Luật sư Đào Tăng Dực

Lời giới thiệu:

Tiến trình dân chủ hóa Việt Nam, tuy có thể chậm hơn nhân dân mong đợi, nhưng vẫn là một tiến trình bất khả vãn hồi, như một phần của trào lưu thời đại.

Đảng CSVN tuy bề ngoài nắm giữ quyền lực tuyệt đối, nhưng bên trong đang mục nát qua tiến trình “tự chuyển hóa, tự diễn biến” cũng bất khả vãn hồi không kém.

Sau biến cố 30 tháng 4, 1975, dân tộc Việt đã từng bước xây dựng một cộng đồng hải ngoại lên đến khoảng 5 triệu người, đại đa số sinh sống tại các quốc gia dân chủ chân chính và phát triển bậc nhất nhân loại.

Ngoài những thành công vượt bậc về kinh tế, giáo dục cho các thế hệ kế thừa, người Việt hải ngoại còn học hỏi và thẩm nhuần truyền thống sinh hoạt dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên tại các quốc gia sở tại. Ngọn lửa dân chủ cũng đã được chuyển tải về Việt Nam qua tương tác giữa cộng đồng hải ngoại và gia đình tại quê nhà.

Thêm vào đó, với cuộc cách mạng tin học của kỷ nguyên mới, nhân dân trong nước không còn ngụp lặn trong bóng tối của vô minh chính trị và luôn hướng về một tương lai dân chủ chân chính cho tổ quốc Việt Nam.

Chính vì thế, trách nhiệm của giới đấu tranh, trong nước lẫn hải ngoại, là phải phác họa ngay bây giờ, không những một trật tự chính trị dân chủ chân chính, hầu thay thế trật tự chính trị Mác Lê, mà còn có nhu cầu phác họa một sách lược chuyển hóa dân chủ thực tế và khả thi.

Nhiều bình luận gia cho rằng các đảng CS nhất là CSVN gian manh đến mức độ họ đã kiến tạo một guồng máy cai trị chằng chịt như xương thịt với đảng, và sự chuyển hóa dân chủ sẽ muôn vàn khó khăn, thậm chí bất khả thi và sẽ gây nhiều đổ máu.

Đây là một huyền thoại một phần do đảng CSVN dựng lên, hầu trì hoãn tiến trình dân chủ hóa.

Thực ra, sự chuyển hóa dân chủ từ độc đảng qua đa đảng, từ CS sang dân chủ đa nguyên, đã xảy ra thường xuyên trong lịch sử đương đại, từ đông sang tây và hoàn tất trong hòa bình, thịnh vượng. Chúng ta có thể nhắc đến các quốc gia sau đây để chứng minh điều này: Nam Hàn, Đài

Loan, Mông Cổ, các quốc gia Trung Á, các quốc gia Đông Âu cựu chủ hâu Liên Bang Xô Viết như Estonia, Lithuania, Latvia...

Trong mục đích đả phá huyền thoại này, Lực Lượng Dân Tộc Cứu Nguy Tổ Quốc (LLCQ) đã yêu cầu Luật sư Đào Tăng Dực, chủ tịch Ủy Ban Nghiên Cứu Sách Lược Hưng Quốc, nghiên cứu một sách lược chuyển hóa dân chủ cho Việt Nam hậu CS, bao gồm sách lược cải tổ hệ thống hành chính trung ương, địa phương, quân đội, hệ thống trị an và hệ thống pháp lý CSVN.

Sách lược này chỉ là một đóng góp nhỏ cho tiến trình dân chủ hóa đất nước và các đề xuất đều là những gợi ý, hâu rộng đường dư luận.

Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

Ký tên,

Phạm Thiên Thanh

Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hợp Trung Ương

Lực Lượng Dân Tộc Cứu Nguy Tổ Quốc (2024)

Lời mở đầu:

Vì sao có nhu cầu chấp bút sách lược chuyển hóa dân chủ này?

Ngoài cuốn “Việt Nam dân chủ tranh đấu luận” tôi đã viết trước khi LLDTCNTQ được thành lập năm 2010, LLDTCNTQ đã có các sách lược sau đây:

1. Đả phá trật tự chính trị Mác Lê qua cuốn “Phê Bình Song Ngữ Toàn Diện Hiến Pháp 2013 của Việt Nam”
2. Phác họa một trật tự chính trị hậu cộng sản qua cuốn “Dự Thảo Hiến Pháp Việt Nam, trên quan điểm dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên”
3. Xây dựng một xã hội dân sự hậu cộng sản qua cuốn “Cẩm nang thành lập hội đoàn trong bối cảnh xã hội dân sự tại Việt Nam.” mới đổi tên thành “Cẩm nang 3 ngôn ngữ về hội đoàn và xã hội dân sự tại Việt Nam”

Các sách trên đều là song ngữ và các cơ quan thẩm quyền ngoại quốc cũng như người Việt có thể truy cứu để tìm hiểu về hướng đi của tiến trình dân chủ hóa nói chung. Các Ấn bản 2024 có thể được truy cứu trên Website: www.daotangduc.blogspot.com.

Tuy nhiên vẫn còn một mắc xích đang thiếu (missing link) vô cùng quan trọng. Đó là làm sao chuyển tiếp trong hòa bình, bất bạo động và hiệu năng, từ một guồng máy chính quyền chuyên chế, công kênh, bảo thủ trở thành một chính quyền dân chủ, tiến bộ, xứng đáng cho một dân tộc văn hiến và văn minh. Các quốc gia cựu cộng sản Đông Âu đã thành công trong tiến trình chuyển hóa dân chủ này.

Tổ chức Phục Hưng Việt Nam (một trong 3 tổ chức thành lập Lực Lượng Dân Tộc Cứu Nguy Tổ Quốc vào năm 2010 là Tập Hợp Đồng Tâm, Phong Trào Sài Gòn và Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam) đã đánh giá cao kinh nghiệm dân chủ hóa Đông Âu từ rất sớm.

Tổ chức PHVN đã tổ chức tại thủ đô Tiệp Hội Nghị PRAHA '95 "Kinh Nghiệm Dân Chủ Hóa Đông Âu" từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 9, 1995.

Theo Kỷ Yếu 35 Năm Phục Hưng Việt Nam 1978-2014 “Chiều ngày 5 tháng 9 năm 1995, tổng thống Václav Havel nước Cộng Hòa Tiệp (Czech Republic) đã chính thức tiếp kiến phái đoàn người Việt tự do tại thủ đô Praha, Tiệp. Phái đoàn Việt Nam do ông Trần Quốc Bảo, chủ tịch Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam hướng dẫn gồm 13 người, trong đó có hai phụ nữ, bao gồm quý vị lãnh đạo tôn giáo, đại diện các đoàn thể chính trị, cộng đồng, xã hội và truyền thông, đến từ nhiều quốc gia trên thế giới.”

Sách lược chuyển hóa dân chủ này là một tiếp nối và khai triển tinh thần của Hội Nghị PRAHA 95 nêu trên.

Ngoài đáp ứng nhu cầu chuyển hóa một cách cụ thể, sách lược còn chứng minh trọn vẹn các điều sau đây:

1. Công viên chức nhà nước mọi cấp: Các công viên chức cấu trúc hạ tầng của chế độ, từ trung ương đến địa phương, sẽ nhận ra rằng, sự chuyển hóa dân chủ đem lại những ích lợi toàn

diện cho dân tộc và cho chính họ như những nhân sự chuyên nghiệp, và ở mức độ nào đó trân trọng trao trả cho công viên chức mọi cấp, sự tự trọng của những sĩ phu công chính, phục vụ nhân dân trong tinh thần chí công vô úy, không hề bị áp lực phi pháp từ bất cứ một ý thức hệ hoặc thế lực đen tối nào.

2. Người quân nhân: Sự chuyên hóa dân chủ cũng trân trọng trao lại cho người quân nhân Việt Nam quyền thiêng liêng bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nhân dân, danh dự và trách nhiệm của tập thể quân nhân, đứng trên và ngoài những tranh chấp chính trị bình thường của một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính.

3. Người cảnh sát và công an: Sự chuyên hóa dân chủ cũng phục hồi danh dự cho giới cảnh sát và công an của dân tộc. Họ sẽ có cơ hội trở thành những nhân tố bảo vệ an ninh trật tự cũng như tính mạng và tài sản của từng người dân. Họ sẽ được người dân ngưỡng mộ và biết ơn chân thật.

Thêm vào đó, sẽ có một hệ thống điều chỉnh lương bổng công bằng theo luật định, các nhân viên công lực như cảnh sát công an, sẽ được những nghiệp đoàn chân chính đại diện, tranh đấu thật sự cho quyền lợi và lương bổng của họ. Nghề nghiệp của họ cũng sẽ được bền vững và bảo đảm trong phạm vi luật pháp công minh. Ngoài những nghiệp đoàn độc lập tranh đấu cho quyền lợi của họ, còn có những tòa án nghiêm minh, xét xử các tranh chấp giữa chính phủ và họ nếu có tranh chấp.

Các chính quyền có thể đến và đi trong một nền dân chủ chân chính, nhưng người cảnh sát và công an sẽ thường trực phục vụ cho dân tộc và vị trí của họ được dân chúng nể trọng.

4. Các thẩm phán trong hệ thống pháp lý VN: Họ sẽ có được vị trí tôn kính của họ, như những cột trụ trong một nền dân chủ pháp trị chân chính. Địa vị của họ không những vô cùng tôn quý mà lương bổng và phẩm trật sẽ vượt trội nhiều thành phần khác trong xã hội, xứng đáng với trách nhiệm cao cả là bảo vệ công lý trong tinh thần vô úy chân thật.

Từ sự hiểu biết đó, mọi thành tố của bộ máy công quyền sẽ nhìn tiến trình dân chủ hóa, cũng như tiến trình chuyển tiếp dân chủ, với hiểu biết và nhiều thiện cảm hơn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Anh Trần Quốc Bảo, Chị Phạm Thiên Thanh và các thành viên của Ủy Ban Nghiên Cứu Sách Lược Hưng Quốc đã khuyến khích, ủng hộ, giúp đỡ và góp ý trong việc hoàn tất tác phẩm này.

Luật sư Đào Tăng Dục

Constitution Hill, New South Wales, Australia

Wednesday 13 March, 2024

HỘI NGHỊ “PRAHA ’95 - KINH NGHIỆM DÂN CHỦ HÓA ĐÔNG ÂU”

Để tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm đấu tranh xóa bỏ chế độ CS của dân chúng Đông Âu, Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam đã tổ chức Hội Nghị PRAHA '95 "Kinh Nghiệm Dân Chủ Hóa Đông Âu" tại Praha, thủ đô Cộng Hòa Tiệp, từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 9 năm 1995. Hội nghị qui tụ gần 50 người Việt, gồm đại diện các tôn giáo, đoàn thể chính trị, cộng đồng, cơ quan truyền thông báo chí, đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Các đề tài thảo luận gồm nhiều lãnh vực, từ sự hình thành phong trào đấu tranh đến vai trò của truyền thông, sự yểm trợ từ hải ngoại, cũng như khó khăn và kinh nghiệm chuyển hóa xã hội Đông Âu từ CS qua dân chủ. Diễn giả đều là những nhân vật dày kinh nghiệm đấu tranh chống CS của Đông Âu, một số đã bị chế độ CS hành hạ, cầm tù. Xen kẽ với các buổi thảo luận, thành viên tham dự Hội Nghị cũng được chia thành nhiều phái đoàn chính thức thăm viếng Phủ Tổng Thống, Bộ Nội Vụ, Bộ Ngoại Giao, và Quốc Hội nước Cộng Hòa Tiệp. Hội Nghị kết thúc bằng một Tuyên Bố Chung gửi đến Tổng thống, các giới chức chính phủ Tiệp và công bố rộng rãi cho báo giới Tiệp trong cuộc họp báo kết thúc Hội Nghị vào lúc 4 giờ chiều ngày 7 tháng Chín, 1995.



Quang cảnh Hội Nghị



Đại diện Người Việt tự do tham dự Hội Nghị



Linh mục diễn giả Václav Malý (thứ hai, bên phải), một trong những nhân vật lãnh đạo cuộc cách mạng Tiệp Khắc 1989, nhận quà lưu niệm của BTC



Diễn giả Dana Nemcova (bên phải), là một trong số những nhân vật đối kháng đầu tiên ký Hiến Chương 77, nhận quà lưu niệm của BTC

TỔNG THỐNG CỘNG HÒA VAACLAV HAVEL TIẾP KIẾN PHÁI ĐOÀN NGƯỜI VIỆT TỰ DO

Chiều ngày 5 tháng 9 năm 1995, tổng thống Václav Havel nước Cộng Hòa Tiệp đã chính thức tiếp kiến phái đoàn người Việt tự do tại thủ đô Praha, Tiệp. Phái đoàn Việt Nam do ông Trần Quốc Bảo, chủ tịch Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam hướng dẫn gồm 13 người, trong đó có hai phụ nữ, bao gồm quý vị lãnh đạo tôn giáo, đại diện các đoàn thể chính trị, cộng đồng, xã hội và truyền thông, đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Cuộc hội kiến lịch sử này diễn ra lúc 2 giờ chiều, tại phòng khánh tiết rất uy nghi, tráng lệ của Phủ Tổng Thống, và trong không khí trang nghiêm, nhưng thân mật. Tổng thống Havel, được tháp tùng với đông đảo cố vấn, đã đàm với phái đoàn Người Việt tự do về tình trạng mất nhân quyền và phân dân chủ mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu dưới chế độ CS độc tài toàn trị. Ông Trần Quốc Bảo cũng đã chuyển tay đến tổng thống Václav Havel một bức Thư Ngỏ kêu gọi Tổng thống Havel áp lực Hà Nội để thả các tù nhân chính trị, và can thiệp giúp đỡ 50 nghìn thuyền nhân ở các trại tỵ nạn. Cuộc tiếp kiến kéo dài 45 phút. Trước khi từ giã, họa sĩ Vũ Hối đã thay mặt phái đoàn tặng tổng thống Havel bức tranh lưu niệm, vẽ hình cánh chim bồ câu trắng do chính ông Vũ Hối sáng tác.



Phái đoàn Người Việt tự do chuẩn bị gặp Tổng Thống Cộng Hòa Tiệp Vaclav Havel



Tổng thống Vaclav Havel chào đón ông Trần Quốc Bảo, Trưởng phái đoàn NVTD



Ông Trần Quốc Bảo giới thiệu từng thành viên phái đoàn NVTD với Tổng Thống Havel



Quang cảnh buổi tiếp kiến của Tổng Thống Havel và phái đoàn NVTD

Phần I: Nhu cầu cải tổ hệ thống công quyền.

1. Xin phác họa những nét chính của sách lược này như sau:

Trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên hậu cộng sản, dân tộc chúng ta cần bắt kịp đà tiến của nhân loại.

Một trong những điều kiện tất yếu là chúng ta phải có một hệ thống công quyền (public authorities) bao gồm một bên là các cấu trúc chính quyền dân chủ (hành pháp, lập pháp), và bên kia là guồng máy hành chánh, một quân đội, một cơ chế trị-an và một hệ thống pháp lý (trên nguyên tắc là tư pháp trong tam quyền phân lập) phi ý thức hệ, phi chính trị và hoàn toàn chuyên nghiệp.

Hệ thống công quyền như thế, một mặt đáp ứng nhu cầu của một xã hội tiên bộ, mặt khác thể hiện tinh túy của nền văn hóa Đông Á truyền thống, qua sự phát huy những bản giá trị nền tảng của tinh thần sĩ phu phục vụ cho quốc gia, dân tộc như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Có thể nói trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Tộc, giới sĩ phu của chúng ta chưa bao giờ có đủ điều kiện chủ quan và khách quan, hầu thể hiện tinh thần phục vụ nêu trên, trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính.

Trừ giai đoạn họ sống dưới những triều đại huy hoàng của lịch sử như Lê, Lý và Trần, tinh thần phục vụ đó của giới sĩ phu Việt Tộc thường bị mai một bởi một ngàn năm đô hộ từ phương Bắc, những triều đại hôn quân, những nội chiến liên miên và gần 100 năm ô nhục làm thuộc địa của Thực Dân Pháp. Sau khi dành được độc lập thì miền Bắc rơi vào độc tài cộng sản, miền Nam qua hai nền cộng hòa phôi thai (trong lịch sử của 2 nền cộng hòa tại miền Nam, chưa bao giờ có một cuộc bầu cử tổng thống dân chủ có đối lập thực sự) và sau 1975, cả 2 miền Nam Bắc của đất nước rơi vào độc tài đảng trị.

Một sách lược phục hưng văn hóa dân tộc triệt để, song hành với thực thi quan điểm dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên, không những sẽ thăng hoa đất nước mà còn khai sáng một thời đại hoàng kim cho giới sĩ phu Việt Nam.

Giới sĩ phu ở đây có thể được định nghĩa như giới trí thức có tinh thần phục vụ xã hội, bao gồm, nhưng không giới hạn ở chính giới, công viên chức mọi cấp, quân đội, thành viên các lực lượng an ninh trị an như cảnh sát, công an và thành viên của hệ thống pháp lý.

2. Tiền lệ và các bài học từ Đông Âu:

Chuyển tiếp từ một chế độ độc tài CS sang một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên không hề đơn giản. Tuy nhiên chúng ta đã có tiền lệ từ các quốc gia Đông Âu và có thể rút nhiều bài học.

Theo Marian Tupy, trong một bài viết trên website Reason.com ngày 19 tháng 7, 2016 có tựa đề: “Countries That Transitioned Rapidly From Communism to Capitalism Fare Better” thì quốc gia cựu khối Liên Xô nào chuyển hóa dân chủ nhanh chóng thì phát triển về mọi mặt, kể cả kinh tế, nhanh hơn các quốc gia chuyển hóa dân chủ chậm hơn. Nga Sô và Ukraine là những quốc gia chuyển hóa chậm và Tiệp chuyển hóa nhanh chóng nên vượt trội 2 quốc gia này.

Theo Andrei Shleifer và Daniel Treisman (trong cuốn “Normal Countries: The East 25 Years

after Communism” September 12, 2014 (p.14) online publication) thì:

“Ở hầu hết các quốc gia hậu cộng sản, cuộc sống đã được cải thiện, thường là đáng kể. Công dân được hưởng mức sống cao hơn, quyền chính trị rộng lớn hơn, quyền tự chủ và phẩm giá cá nhân lớn hơn. Các quốc gia của họ không nhất thiết phải giống ở phương Tây, mà giống những quốc gia khác ở mức độ phát triển kinh tế tương đương...Bức màn sắt cứng nhắc của khối cộng sản đã nhường chỗ cho một mô hình nhẹ nhàng hơn.

Đã đến lúc (chúng ta phải) đánh giá lại những nhận thức sai lầm về dữ kiện cho các cuộc tranh luận liên hệ đến giai đoạn này. Cải cách thị trường, nỗ lực xây dựng dân chủ và đấu tranh chống tham nhũng không thất bại, mặc dù chúng vẫn chưa được hoàn tất. (Chúng ta có thể) khẳng định rằng một con đường cải cách kinh tế dần dần sẽ hiệu quả hơn và ít gây đau khổ hơn là đi ngược với thực tế khách quan. (Tuy nhiên) quá trình chuyển hóa hậu cộng sản không hề xác định sự bất cập của chủ nghĩa tư bản tự do hay những khuyết điểm của khái niệm dân chủ: (trái lại) nó cho thấy sự ưu việt của cả hai, khi so sánh với tất cả các giải pháp khác. Đây là những bài học mà các nhà sử học tương lai sẽ rút được. Chúng ta nên nhận diện những bài học này ngay bây giờ”.

Caroline Hornstein Tomić, trong chương East vs West của cuốn “CHALLENGES OF TRANSITION IN EASTERN EUROPE: Lessons for Civic Education” Edited by Louisa Slavkova & Nora Korte, Ấn bản, online trang 71, nhận xét như sau:

“Những thay đổi chính trị, kinh tế và xã hội tiếp theo sự chuyển hóa có nghĩa là Đông Phương phải kết hợp và thi hành những tiêu chuẩn, quy luật pháp lý và chính trị hầu bắt kịp Tây Phương.”

(The political, economic and social transformations that followed the transition meant for the East to incorporate and implement legal and political standards and rules in order to catch up with the West).

Dĩ nhiên, Đông Phương có nghĩa là các quốc gia Đông Âu cựu Xô Viết và Tây Phương là các quốc gia dân chủ Tây Âu. Thay đổi cả hệ thống chính trị lẫn pháp lý sẽ là bài học nền tảng cho Việt Nam hậu cộng sản.

Trên bình diện dân chủ hóa, các quốc gia Đông Âu cựu CS vào năm 2023 hoặc đã là những quốc gia dân chủ chân chính, hoặc trên đà dân chủ hóa bất khả vãn hồi. Dĩ nhiên trên bình diện phát triển kinh tế, họ không hoàn toàn đồng bộ.

Theo Wikipedia (List of sovereign states in Europe by GDP (nominal) per capita - Wikipedia) chúng ta có những dữ kiện sau đây về GDP đầu người theo IMF như sau, năm 2021:

Albania \$6.285; Armenia \$4.692; Belarus \$10.487; Bulgaria \$11.321; Bosnia and Herzegovina \$7.041; Croatia \$16.247; Czech Republic \$25.732; Estonia \$26.470; Georgia \$5.014; Hungary \$18.075; Kazakhstan \$9.828; Kosovo \$4.401; Latvia \$19.824; Lithuania \$22.245; Poland \$18.109; Romania \$14.968; Russia \$12.074; Serbia \$8.748; Slovakia \$21.529; Slovenia \$28.104; Ukraine \$4.164; France \$44.995; Germany \$53.988; Spain \$30.996.

Thêm một vài quốc gia không thuộc Đông Âu hoặc Tây Âu để đối chiếu:

USA (2023) \$80.412

Vietnam (2023) \$4.316 và China (2023) \$12.541 (là 2 quốc gia cộng sản, các con số thống kê, nhất là về phát triển kinh tế, đều do đảng thao túng hoặc thổi phồng bị quốc tế nghi ngờ)

Chúng ta có thể rút ra các kết luận từ các con số trên như sau:

Sau nhiều thập niên dân chủ hóa, mức độ phát triển kinh tế không đồng bộ. Nếu lấy LB Nga là hậu duệ của LBXV làm chuẩn, thì một số quốc gia vẫn chưa qua mặt được LB Nga như: Albania \$6.285, Armenia \$4.692, Belarus \$10.487, Bulgaria \$11.321, Bosnia and Herzegovina \$7.041, Georgia \$5.014, Kazakhstan \$9.828, Kosovo \$4.401, Serbia \$8.748 và Ukraine \$4.164.

Trong khi đó một số quốc gia khác lại tiến bộ vượt bậc, qua mặt LB Nga và hầu như bắt kịp các nước Tây Âu, vượt thoát hẳn khỏi bẫy thu nhập trung bình (từ \$4.000 đến \$12.500) như: Croatia \$16.247, Czech Republic \$25.732, Estonia \$26.470, Hungary \$18.075, Latvia \$19.824, Lithuania \$22.245, Poland \$18.109, Romania \$14.968, Slovakia \$21.529 và Slovenia \$28.104.

Như một quy luật tổng quát thì các quốc gia Đông Âu hoặc cựu thành viên LBXV, càng bảo thủ không dân chủ hóa, càng lệ thuộc vào LB Nga thì càng tham nhũng trong công quyền, nền kinh tế càng trì trệ chậm phát triển.

Thành tựu cụ thể nhất là nhiều quốc gia Đông Âu đã được chấp nhận trở nên thành viên của Liên Hiệp Âu Châu (European Union) với những tiêu chuẩn kinh tế và chính trị nghiêm chỉnh theo Hội Nghị Thượng Đỉnh Copenhagen vào tháng 6 năm 1993 (Copenhagen Criteria), đòi hỏi quốc gia thành viên phải có chính quyền dân chủ ổn định (stable democratic government) và tinh thần thượng tôn pháp trị (rule of law) cũng như tôn trọng các quyền tự do và định chế liên hệ (Theo Wikipedia Anh ngữ)

Các quốc gia Đông Âu gia nhập bao gồm: Bulgaria, Croatia, Czech Republic, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Poland, Rumania, Slovakia và Slovenia.

Như đã nêu trên, Tiệp đã chuyên hóa dân chủ thành công và nghiêm nhiên trở thành một quốc gia phát triển kinh tế lẫn dân chủ qua mặt LB Nga (Czech Republic GDP \$25.732).

3. Có 3 ưu điểm chính cho sự phát triển kinh tế phát xuất từ sự cải tổ triệt để guồng máy công quyền:

a. Ưu điểm thứ nhất là việc cải tổ hệ thống công quyền, ngoài tối đa hóa hiệu năng phục vụ cho nhân dân và tinh giản guồng máy hầu phát triển kinh tế, sẽ minh bạch hóa cũng như trung thực hóa tất cả mọi thông tin và thống kê chính thức của chính quyền. Tại các quốc gia dân chủ chân chính thì cơ quan chịu trách nhiệm về thống kê như Sở Thống Kê Úc Đại Lợi (Australian Bureau of Statistics) là một cơ quan hoàn toàn độc lập, không bị ảnh hưởng bởi bất cứ thế lực chính trị nào.

Trong khi đó, tại các quốc gia độc tài, nhất là độc tài CS thì các số thống kê thường xuyên bị bóp méo hầu thỏa mãn nhu cầu tuyên truyền của chính quyền.

Chính vì thế, con số GDP đầu người và GDP toàn quốc của TQ bị rất nhiều bình luận gia quốc tế nghi ngờ là đã được đảng CSTQ thổi phồng lên đến từ 10% đến 60% trên con số thực sự.

Trong một bình luận “China tipped to overtake the US economy, despite 'unreliable' and 'faked' data” tháng 7/2021 (China tipped to overtake the US economy, despite 'unreliable' and 'faked' data” tháng 7/2021

data - ABC News), David Chau ước lượng thối phòng thêm 10%.

Theo Youtube của Đài VOA (Satellites Shed Light on Dictators' Lies About Economic Growth | VOANews - YouTube) ngày 1/11/2022 thì Tập Cận Bình đã thối phòng GDP của TQ thêm 1/3 tức 33%.

Một Youtube Video nữa của Money & Macro lên mạng cách đây một năm với tựa đề “China’s Economy is 60% smaller than we thought” (China’s Economy is 60% Smaller Than We Thought - YouTube) thu hút 1 triệu views cũng đề xuất như tựa đề.

Dĩ nhiên với dân số khủng 1.4 tỷ người thì dù giảm đi 60%, TQ vẫn là nền kinh tế lớn thứ nhì thế giới. Tuy nhiên sẽ không còn ở tầng cao của bẫy thu nhập trung bình (\$4.000 đến \$12.500) mà chỉ nằm tầng thấp của bẫy này ở khoảng \$5.000.

CSVN cũng là một chế độ tương tự CSTQ. Mức độ thu nhập chính thức của VN, theo thống kê chính thức của đảng hoàn toàn có thể bị nghi ngờ và sự thật, có thể là VN chưa hề đạt đến mức độ thu nhập trung bình như đảng tuyên truyền qua cơ quan thống kê chính thức của nhà cầm quyền.

Cuộc tương tranh phát triển kinh tế giữa các quốc gia Đông Nam Á và Đông Á là một cuộc tương tranh khốc liệt, căn cứ trên thực lực và sự thật. Gian dối sẽ đem lại những hậu quả vô cùng tai hại cho dân tộc.

b. Ưu điểm thứ nhì là sự tinh giản guồng máy hành chánh và công an, sẽ khai phóng cho nền kinh tế, một lực lượng lao động lớn hơn, để tham gia các lãnh vực sản xuất kinh tế, trong một chế độ kinh tế thị trường chân chánh. Nếu cấu trúc của nền kinh tế quốc gia bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp quốc tế và doanh nghiệp tư nhân thì thông thường các doanh nghiệp nhà nước (sử dụng các công chức và viên chức) là thiếu hiệu năng nhất và trở thành một gánh nặng cho toàn dân. Chính vì thế, mục tiêu của mọi quốc gia muốn phát triển kinh tế là phải tập chú vào sự phát triển tối đa các doanh nghiệp tư nhân và giới hạn tối đa các doanh nghiệp nhà nước, ngoại trừ những dịch vụ trọng yếu như quốc phòng, điện nước, bưu chính v...v...

Sự tinh giản guồng máy chính quyền và nới rộng phạm vi nền kinh tế tư nhân phải xảy ra tuy dứt khoát, nhưng tiệm tiến, tránh gây các bất ổn xã hội, làm sao sự lớn mạnh của các doanh nghiệp tư nhân phát triển vững chắc trước và sau đó đủ tiềm lực thu dụng lực lượng lao động rời khỏi guồng máy chính quyền.

c. Ưu điểm thứ 3 là khi cải tổ luôn cả hệ thống pháp lý, chúng ta sẽ hoàn thiện nhu cầu giám sát và duyệt xét những sai sót (judicial review of administrative actions) khi guồng máy công quyền vận hành, hầu chỉnh đốn các cấu trúc, bảo vệ quyền lợi công viên chức và ngăn chặn những lạm dụng quyền lực từ giới cầm quyền.

Chính vì thế cải tổ guồng máy chính quyền và dân chủ hóa đất nước là một mệnh lệnh của lịch sử và mọi thành phần dân tộc cần phải nghiêm cần tuân thủ.

Phần II: Tương quan nền tảng trong hệ thống công quyền.

Chúng ta phải phân biệt rõ tương quan giữa 3 thực thể quan trọng trong guồng máy công quyền có trách nhiệm điều hành quốc gia.

Guồng máy công quyền này bao gồm 3 thực thể chính:

A. Thực thể thứ nhất là một cấu trúc thượng tầng cấp chính trị (political super-structure).

Cấu trúc này gồm 2 cấp bậc trung ương và địa phương với các chính trị gia dân cử, những viên chức do họ bổ nhiệm mà nhiệm kỳ hoàn toàn lệ thuộc vào nhiệm kỳ các chính trị gia, trừ các quan tòa trong ngành tư pháp hoàn toàn độc lập.

B. Thứ nhì là một cấu trúc hạ tầng cấp hành chính, quân đội và trị an (administrative, military and public safety infra-structure) .

Cấu trúc này gồm những chuyên viên công chức (kể cả các công viên chức phục vụ trong các tòa án, nhưng không phải quan tòa), quân nhân và công an thường trực, phục vụ cho nhân dân mà nhiệm kỳ không tùy thuộc vào nhiệm kỳ của các chính trị gia, nhưng lệ thuộc vào quy chế riêng dành cho công viên chức, quân nhân hoặc nhân viên trị an, được thông qua theo luật định.

Tuy trong sự vận hành của các chính sách quốc gia, hạ tầng cấu trúc phải tuân hành các sách lược hoặc chính sách do thượng tầng cấu trúc quyết định, nhưng hạ tầng cấu trúc này lại là một thực thể trường tồn để phục vụ cho nhân dân. Trong khi đó, thượng tầng cấu trúc sẽ thay đổi, tùy theo kết quả của những cuộc bầu cử dân chủ.

Trong tổng thống chế, với tam quyền phân lập, cấu trúc thượng tầng là chính phủ hoặc ngành hành pháp của chính quyền trung ương do tổng thống dân cử lãnh đạo, ngang hàng với 2 ngành khác là Tư Pháp (do Tối Cao Pháp Viện đứng đầu) và Lập Pháp (tức Quốc Hội).

Trong quốc hội chế, cấu trúc thượng tầng là chính phủ, cũng có thể do một thủ tướng đứng đầu, ngang hàng với ngành Tư Pháp (do Tối Cao Pháp Viện đứng đầu) và một đảng đối lập chính thức (official opposition) trong quốc hội kiểm soát. Trong hệ thống Quốc Hội Chế thì Lập Pháp là mẹ đẻ của hành pháp và chỉ có nhị quyền phân lập (hành pháp phát xuất từ quốc hội và tư pháp độc lập), chứ không có tam quyền phân lập như theo tổng thống chế vì nguyên tắc “Tính tối cao của Quốc hội” (Supremacy of Parliament).

Tại cấp địa phương cũng có một tương quan tương tự giữa cấu trúc thượng tầng dân cử địa phương và cấu trúc hạ tầng hành chính và trị an địa phương, nhưng không bao gồm quân đội.

Tuy vậy trong cả 2 trường hợp, chúng ta đều phải phân biệt rõ biên giới giữa chính phủ bên này và guồng máy hành chính, quân đội (trong trường hợp trung ương) và công an bên kia. Hệ thống pháp lý tức tòa án là một thực thể độc lập có trách nhiệm duyệt xét sự hành xử của cả 2.

Chính phủ bao gồm các chính trị gia hoặc những nhân sự được các chính trị gia bổ nhiệm. Trong hệ thống tổng thống chế thì tổng thống dân cử có thể bổ nhiệm các bộ trưởng, các bộ trưởng có thể bổ nhiệm những nhân vật khác giúp cho mình thi hành nhiệm vụ. Trong hệ thống quốc hội chế (còn gọi là nội các chế), không những thủ tướng mà các bộ trưởng cũng là những

dân biểu dân cử. Họ có thể bổ nhiệm những nhân sự giúp họ thi hành nhiệm vụ.

Tuy nhiên khi một vị tổng thống khác lên nhậm chức hoặc một vị thủ tướng hoặc bộ trưởng khác được bầu lên thì tất cả những nhân sự này có thể thay đổi.

C. Thực thể thứ ba là hệ thống pháp lý hoàn toàn độc lập (An absolutely independent judicial system).

Cấu trúc pháp lý này có trách nhiệm sau đây bao gồm nhưng không giới hạn ở:

1. Giải quyết mâu thuẫn giữa mọi hữu thể pháp lý trong xã hội, căn cứ trên hiến pháp và luật pháp,
2. Bao gồm trách nhiệm duyệt xét mọi tác động của guồng máy chính quyền (judicial review of administrative actions), hầu phục vụ cho nhu cầu công lý và công dân cá thể trong xã hội,
3. Một mặt ngăn chặn hoặc chế tài mọi lạm dụng quyền lực của guồng máy công quyền đối với công dân cá thể
4. Mặt khác bảo vệ quyền lợi chính đáng của các công viên chức cá thể, kể cả cá nhân trong quân đội và lực lượng công an, đối diện với quyền lực lớn lao của hệ thống công quyền.

Phần III. Tính thường trực, phi chính trị và chuyên nghiệp của cấu trúc hạ tầng:

Guồng máy hành chánh, quân đội hoặc công an thì trái lại. Vị trí của họ phải được luật pháp bảo vệ dù chính quyền có thay đổi.

Chính vì thế, người đứng đầu guồng máy hành chánh dưới các bộ trưởng và thứ trưởng tại Anh Quốc thường được gọi là Permanent Heads, dịch tiếng Việt là “Thủ trưởng vĩnh viễn”, trong bản chất họ có thể được gọi là “thủ trưởng thường trực” và không thể bị cách chức, trừ khi vi phạm trọng tội hình luật và bị cách chức theo luật định.

Trong trường hợp của quân đội thì tuy Tổng Thống, tức nguyên thủ quốc gia, dân cử theo hiến định sẽ là tổng tư lệnh quân lực, nhưng vị Tham Mưu Trưởng Quân Lực, vốn là một quân nhân cấp tướng, sẽ là vị lãnh đạo thường trực hơn, vì chức vụ tổng thống có thể thay đổi theo nhiệm kỳ luật định hoặc hiến định, nhưng chức vị tham mưu trưởng sẽ trường tồn.

Tương tự, trong trường hợp của các lực lượng trị-an như cảnh sát và công an, vị chỉ huy trưởng các lực lượng trị an sẽ là vị lãnh đạo thường trực, và tùy theo chế độ chính trị, vị nguyên thủ quốc gia hoặc bộ trưởng Công An sẽ thay đổi tùy theo nhiệm kỳ của chính phủ hoặc tình hình chính trị.

Những viên chức bình thường trong guồng máy hành chính cũng hoàn toàn được bảo vệ trong chức vụ của mình. Họ chỉ có thể bị cách chức theo luật định, khi phạm tội hình luật, tặc trách hay sai trái trong trách nhiệm. Các chính trị gia hoặc dân cử không có quyền xen lấn vào trách nhiệm chuyên nghiệp của họ, và họ có quyền theo bất cứ một quan điểm chính trị nào luật pháp và hiến pháp cho phép mọi công dân.

Nếu họ bị cách chức hoặc kỷ luật, họ có quyền yêu cầu một tòa án công tâm, chủ trì công đạo và tại các nước dân chủ chân chính, một viên chức bị cách chức sai trái, có thể được bồi thường đích đáng là chuyện thường xảy ra. Đó là nhờ sự hiện diện của một nền tư pháp thật sự độc lập.

Một trong những trách nhiệm người công chức Việt Nam hậu cộng sản có thể học hỏi từ người công chức Úc Đại Lợi, hoặc những quốc gia dân chủ khác, là trách nhiệm phục vụ cho chính quyền đương nhiệm bằng tinh thần chính trực và “cố vấn cho chính quyền một cách thẳng thắn và vô úy” (provide frank and fearless advice), trên tất cả mọi vấn đề sách lược công ích từ an ninh quốc gia, chủ trương về ngân sách đến chính sách an sinh xã hội, trải rộng trên toàn bộ guồng máy chính quyền (Theo Australian Public Service. Wikipedia)

Những giá trị nền tảng mà Hệ Thống Hành Chánh Công Quyền Úc Đại Lợi đã luật hóa trong bộ Luật Australian Public Service Act 1999 bao gồm:

1. Không thiên vị (Impartial)
2. Dấn thân phục vụ nhân dân (committed to service)
3. Chịu trách nhiệm theo luật định (accountable)
4. Tôn trọng người dân (respectful)
5. Đạo đức và liêm chính (Ethical and acts with integrity)

Sách này sẽ nghiên cứu và học hỏi từ một số quốc gia dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính, như Hoa Kỳ, Anh Quốc, Pháp, Nam Hàn, Đài Loan, Nhật bản và phối hợp với những tư tưởng hiện đại nhất về quản trị công quyền, hầu góp phần cải tổ hạ tầng cấu trúc của hệ thống công quyền tại Việt Nam hậu cộng sản.

Câu hỏi chúng ta đặt ra là:

Một quốc gia, trong truyền thống văn hóa Đông Á như Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Singapore hoặc đặc khu kinh tế Hồng Kong, cần một guồng máy công quyền như thế nào hầu, một mặt đáp ứng nhu cầu phục hưng văn hóa dân tộc và mặt khác thể hiện trọn vẹn tinh thần dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên của kỷ nguyên mới?

Câu trả lời ngắn gọn là:

Trước hết, guồng máy này phải bao hàm trong những bảng giá trị nền tảng (core values) hướng dẫn sự hành xử (conduct) của các thành viên mọi cấp trong công quyền, điển hình là những bảng giá trị đạo đức Đông Á như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín, ngoài những bảng giá trị của thời đại có tính hoàn vũ như dân quyền và nhân quyền.

Sau đó, chúng ta phải ý thức rằng, tuy nhiệm vụ của guồng máy công quyền phức tạp nhưng nhiệm vụ này có thể tóm lược như sau:

1. Cố vấn và cung cấp mọi dữ kiện cần thiết cho chính phủ dân cử hầu chính phủ có thể quyết định nghiêm chỉnh các chính sách quốc gia
2. Thi hành mọi chính sách quốc gia do chính phủ dân cử quyết định
3. Cung cấp những phản hồi về hậu quả của sách lược quốc gia cho chính phủ dân cử hầu có thể duyệt xét và điều chỉnh kịp thời để đạt đến thành quả tối đa.

Phần IV. Phác họa sách lược cải tổ.

Nhiều thức giả bi quan cho rằng đảng CSVN gian manh, đã cai trị đất nước trên 70 năm và rừng luật cũng như những truyền thống cai trị của đảng phức tạp đến mức độ không thể nào cải tổ được.

Thực tế là rất nhiều quốc gia cựu LBXV từ Âu sang Á và nhất là các quốc gia Đông Âu đã cải tổ được, như nêu trên, và Việt Nam cũng sẽ thành công trong công tác trọng yếu này.

Chúng ta hoàn toàn có thể lạc quan về xác xuất thành công, không những vì các tiền lệ nêu trên, mà còn vì một thực tế khách quan về bản chất con người. Đó là con người, trong bản chất như nhau. Không có một dân tộc nào thông minh hay cao cả hơn những dân tộc khác. Các dân tộc vươn lên hay suy vi phần lớn vì những hoàn cảnh lịch sử ngoài tầm kiểm soát của họ. Dân tộc Việt Nam, kể cả những người CSVN đang phục vụ trong guồng máy hành chính, quân đội và công an, không thông minh hay cao cả hơn, ngu đần hay thấp hèn hơn, bất cứ dân tộc nào và ngược lại.

Tuy dân tộc ta đang trầm luân dưới độc tài CS, nhưng suốt lịch sử gần 5.000 năm của đất nước, chúng ta đã tùy thời cơ hoặc phấn đấu, hoặc thích ứng, mà tồn tại trên dải non sông gấm vóc tiền nhân để lại. Tương lai tươi sáng của chúng ta còn nằm trước mắt nếu chúng ta biết nắm bắt cơ hội cải tổ kịp thời.

Lịch sử chứng minh rằng, một dân tộc vươn lên và tỏa sáng, vì trong một thời điểm nhất định, một luồng tư tưởng khai phóng và cao đẹp thổi qua tâm thức của họ.

Chẳng hạn Hoa Kỳ và các quốc gia Tây Âu tỏa sáng vì bắt đầu từ thế kỷ 18, luồng tư tưởng khai phóng của các triết gia Hy Lạp cổ xưa, được các tư tưởng gia Âu Châu thời Ánh Sáng (age of enlightenment) khuếch trương, giúp họ vượt thoát sự tăm tối ý thức hệ của thời Trung Cổ và tiến hành 2 cuộc cách mạng song hành về kỹ nghệ (industrial revolution) và dân chủ (democratic revolution).

Các dân tộc Nga Sô, Đông Âu, Trung Quốc, Bắc Hàn, Việt Nam, Cuba suy vi tụt hậu, vì vào một thời điểm nhất định của lịch sử, luồng tư tưởng ý thức hệ thấp hèn Mác- Lê đã du nhập vào tâm thức của họ.

Sách lược của chúng ta, như sẽ trình bày sau đây sẽ gồm 2 vế chính: Vế thứ nhất là phục hưng nền văn hóa và văn hiến phi ý thức hệ ngàn đời của dân tộc. Vế thứ hai là du nhập những tư tưởng dân chủ tiến bộ và khai phóng nhất của nhân loại trên bình diện chính trị.

Một khi ý thức hệ Mác- Lê bị đào thải khỏi tâm thức của dân tộc, thì dân tộc sẽ vươn lên và tỏa sáng. Dĩ nhiên mọi sự chuyển hóa tư tưởng, nhất là cho cả một dân tộc, luôn cần thời gian. Tuy nhiên vì tương lai của các thế hệ mai sau, chúng ta phải chấp nhận thử thách này.

Châm ngôn hành động của chúng ta là:

Những con người bình thường, làm việc đúng phương pháp, sẽ đạt những thành quả phi thường. Chúng ta không nên và không cần chờ bất cứ nhân vật phi thường nào lãnh đạo chúng ta. Chúng ta có thể bắt tay làm việc ngay bây giờ.

Trong hàng ngũ dân tộc, trong những người Việt quốc gia, trong những người Việt cộng sản, luôn có người tốt kẻ xấu, kẻ trước người sau. Một khi dân trí nâng cao và tỏa sáng thì toàn thể

sẽ tỏa sáng, không hề phân biệt.

Sách lược cải tổ sẽ bao gồm các nền tảng chính sau đây:

1. Nền tảng quan trọng nhất, trên bình diện chiến lược, là hiến định hóa một bản tân hiệp pháp “dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên” chân chính:

Tính phi chính trị của hệ thống hành chính công quyền (cả hệ thống hành chính trung ương và hệ thống hành chính địa phương), nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc của quân đội và bảo vệ trị an của công an, đòi hỏi một bản hiến pháp dân chủ chân chính, thay thế cho bản Hiến Pháp 2013 hiện hành. Tác giả sẽ sử dụng bản Dự Thảo Hiến Pháp VN Trên Quan Điểm Dân Chủ Hiến Định, Pháp Trị và Đa Nguyên do tác giả soạn thảo trong cuốn sách cùng tên do Lực Lượng Cứu Quốc Xuất Bản, như một cứ điểm để lập luận cho những cải tổ được đề xuất trong khi chờ đợi một tân hiệp pháp hậu cộng sản do toàn dân quyết định. Bản Dự Thảo Hiến Pháp này sẽ được tìm thấy ở Phụ Đính A.

Hậu quả lập tức là bất cứ sắc luật nào, liên hệ không những đến các lãnh vực của sách này (hệ thống hành chính, quân đội, trị an và hệ thống pháp lý), mà liên hệ đến mọi khía cạnh khác của quốc gia (như kinh tế, ngoại giao, nhân quyền, hạ tầng cơ sở...) nếu đi ngược với tinh thần của hiến pháp, đều vi hiến và vô hiệu lực.

Bản hiến pháp nêu trên, hay một bản hiến pháp dân chủ tương tự, sẽ tác động như một viên thuốc trị ung thư thần kỳ, đưa vào cơ thể của Mẹ Việt Nam, qua nhiều thập niên đã bị các tế bào ung thư Mác Lê tàn phá. Thuốc thấm đến đâu thì tế bào ung thư sẽ bị hủy diệt đến đó và nhanh chóng căn bệnh sẽ bị hủy diệt toàn diện nhờ bản hiến pháp này.

2. Nền tảng kế tiếp, trên bình diện chiến thuật ngắn hạn, là luật hóa một bộ luật “Chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền” qua một tân quốc hội dân chủ, chiếu theo tân hiệp pháp, với một số đặc tính căn bản:

- a. Sắc luật này là một sắc luật có tính chuyển tiếp dân chủ (Democratic Transition Act)
- b. Sắc luật sẽ tập chú vào công tác cải tổ hệ thống hành chính, quân đội, trị an và hệ thống pháp lý
- c. Sắc luật này sẽ cho phép tân quốc hội dân chủ thành lập nhanh chóng một Ủy Ban Đặc Nhiệm Cải Tổ Pháp Lý của quốc hội hầu duyệt xét mọi sắc luật của CSVN, vi phạm tinh thần tân hiệp pháp hoặc vi phạm tinh thần của Sắc Luật “Chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền” này.
- d. Tất cả mọi điều khoản trong các sắc luật, sắc lệnh, nghị định hoặc tác động của lập pháp và hành pháp CSVN, trước khi sắc luật này có hiệu lực, đi ngược với tinh thần của sắc luật này đều vô giá trị và không có hiệu lực pháp lý ở mức độ của sự mâu thuẫn.
- e. Sắc luật này có thể được tu chính bởi những sắc luật khác của quốc hội ở một thời điểm sau đó.
- f. Sắc luật này sẽ luật hóa hầu đặt ngoài vòng pháp luật, như những tội trọng hình, tất cả mọi âm mưu của tập thể, phe nhóm, đảng phái với ý đồ khống chế hệ thống công quyền, quân đội, trị an và hệ thống pháp lý.

- g. Sắc luật sẽ thiết lập một hệ thống pháp lý hầu truy tố trước luật pháp những vi phạm hình luật nặng nề này
- h. Sắc luật này sẽ luật hóa tính độc lập của Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia và hình sự hóa mọi can thiệp hoặc xen lấn vào sự hoạt động chuyên nghiệp của Tổng Cục.
- i. Sắc luật này sẽ đặt ngoài vòng pháp luật các cơ cấu đảng ủy của CSVN hay bất cứ một tổ chức chính trị nào trong guồng máy hành chánh cấp trung ương, địa phương, quân đội, lực lượng trị an, hay hệ thống pháp lý Việt nam.
- j. Một cách tổng quát thì sắc luật này có thể ví như một viên thuốc thần kỳ thứ hai, giúp cho cơ thể của mẹ Việt Nam phòng ngừa sự tái sinh của mầm móng ung thư Mác Lê hay những mầm móng ung thư ý thức hệ tương tự.

3. Nền tảng thứ ba, trên bình diện chiến thuật trung hạn, là một Ủy Ban Đặc Nhiệm Cải Tổ Pháp Lý của Quốc Hội (với sự cố vấn của những luật sư chuyên nghiệp nhất của quốc gia và quốc tế) sẽ được thành lập với các trách nhiệm được quy định:

- a. Duyệt lại để hoặc tu chính, hoặc hủy bỏ tất cả mọi pháp luật của chế độ trước đi ngược với tinh thần tân hiến pháp hoặc tinh thần của bộ luật “Chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền” (Cải tổ hệ thống hành chánh, quân đội, trị an và hệ thống pháp lý)
- b. Soạn thảo và thông qua những sắc luật mới, hầu cải tổ canh tân đất nước.
- c. Sau khi tất cả những sắc luật vi hiến hoặc vi phạm ‘Sắc luật chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền’ nêu trên đã được tu chính hoặc hủy bỏ thì chính sắc luật này không còn hữu dụng và có thể được quốc hội hủy bỏ.

Biện pháp thứ ba này có thể ví như những liều thuốc bổ cần thiết để bồi bổ cho cơ thể của mẹ Việt Nam sau cơn tàn phá của vi khuẩn Mác Lê.

4. Nền tảng thứ tư là song song với Ủy Ban Đặc Nhiệm Luật Pháp Quốc Hội, hành pháp phải thành lập một “Bộ chuyển hóa dân chủ”.

Đây là cơ quan hành chánh cấp bộ, dưới quyền điều khiển của một bộ trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổng Thống, hầu điều hợp sự thi hành và áp dụng các sắc luật của quốc hội liên hệ đến sự nghiệp chuyển hóa dân chủ. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ bao gồm:

- a. Thi hành và áp dụng các sắc luật của quốc hội liên hệ đến sự nghiệp chuyển hóa dân chủ, hầu hoàn tất tiến trình dân chủ hóa guồng máy chính quyền
- b. Liên lạc và điều hợp mọi công tác chuyển hóa dân chủ liên bộ, liên ngành, liên cơ quan trong nhà nước và những thành phần liên hệ ngoài xã hội dân sự như các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức chuyên gia, trong lẫn ngoài nước.

- c. Liên lạc và điều hợp tiến trình chuyển hóa dân chủ tại các cấp chính quyền địa phương bao gồm tỉnh, các thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận xã và các chính quyền địa phương khác.
- d. Soạn thảo sách lược chuyển hóa dân chủ, đệ trình sách lược cho tổng thống và nội các, đề nghị ngân sách và nhân sự, thi hành sách lược và duyệt xét thành quả của sách lược chuyển hóa dân chủ.
- e. Soạn thảo các chương trình huấn nghệ, huấn luyện cho công viên chức liên hệ để công tác chuyển hóa dân chủ.

5. Nền tảng thứ năm, cũng trên bình diện chiến lược, song hành với bản tâm hiến pháp dân chủ “hiến định, pháp trị và đa nguyên” là nhu cầu phát động một phong trào phục hưng văn hóa dân tộc hùng mạnh:

Mục tiêu là phục hưng và quang đại những truyền thống văn hóa, giá trị đạo đức, những dòng tư tưởng và tình tự ngàn đời đã bị ý thức hệ Mác- Lê làm đứt đoạn, góp phần đặc sắc của dân tộc cho văn hóa nhân loại. Tính nhân văn và phi ý thức hệ của nền văn hóa Việt Tộc sẽ củng cố và hoàn thiện nền móng của công cuộc cải tổ này của chúng ta. Phong trào này sẽ được chính quyền tài trợ và với sự lãnh đạo cũng như cố vấn của các nhà văn hóa và lãnh đạo tôn giáo hàng đầu của quốc gia.

Sách lược tổng quát nêu trên không những có thể áp dụng riêng cho các lãnh vực đề tài của sách lược này, mà còn có thể được các chuyên gia kinh tế, ngoại giao, nhân quyền, dân sinh... tùy nghi linh động, chi tiết hóa để áp dụng cho sự cải tổ các lãnh vực liên hệ khác trong giai đoạn kiến quốc hậu cộng sản.

Phần V. Vấn nạn cần lưu ý

Có ba vấn nạn chính:

1. Các cấu trúc đảng ủy của CSVN:

Một vấn nạn mà nhân dân phải đối diện trong tiến trình cải tổ này là sự hiện diện của các cấp đảng ủy của đảng CSVN trong mọi giai tầng của bộ máy hành chánh, quân đội, tri an và hệ thống pháp lý. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một tâm hiến pháp dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên, cũng như những tu chính hoặc tân sắc luật chi tiết hóa, phát xuất từ bản hiến pháp này, tất cả những cấu trúc đảng ủy hoặc thành viên các cấu trúc này sẽ bị đặt ngoài vòng pháp luật. Bộ máy hành chánh, quân đội, tri an cũng như tòa án sẽ hoàn toàn độc lập, công chính, trong sáng và phục vụ cho nhân dân trực tiếp, không hề bị thao túng, hoen ố bởi bất cứ một thế lực phi pháp nào.

2. Các con số thống kê bất khả tín của CSVN:

Vấn nạn thứ nhì là chế độ CSVN là một chế độ độc tài, như tại Trung Quốc, Bắc Hàn và Cuba. Không những các tòa án, cơ quan hành chánh, quốc hội hoàn toàn nằm dưới sự thao túng của

đảng mà quan trọng hơn, đối với các công trình nghiên cứu, thì các con số thống kê chính thức của chính phủ hoàn toàn không đáng tin cậy, vì không theo thực tế khách quan, mà tuân theo ý chí của đảng, hầu đáp ứng các nhu cầu chính trị khác của đảng.

Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia của VN không hề có sự độc lập và tính chuyên nghiệp luật định như tại Hoa Kỳ và các quốc gia dân chủ khác. Một trong những con số thống kê quan trọng là GDP, chi phí quốc phòng và an ninh, chi phí cho y tế v.v.. dĩ nhiên bị điều hướng và không mấy khả tín. Quy luật trên cũng áp dụng cho các quốc gia CS khác, trong đó có CSTQ.

Các sách lược cải tổ hậu cộng sản không thể căn cứ trên các số thống kê chính thức do CSVN lưu lại. Các chuyên gia cần duyệt xét nghiêm cẩn các thống kê nêu trên và nghiên cứu phương thức khách quan để truy tầm dữ kiện làm nền tảng cho các sách lược hưng quốc.

Dĩ nhiên, tân hiến pháp cũng như những tu chính hoặc tân bộ luật xuất phát từ tân hiến pháp sẽ tuân tự giải quyết vấn nạn này.

3. Những bí mật quốc gia không cần thiết và không thể biện minh:

Trái với trách nhiệm thông tin mà các quốc gia dân chủ cho là bình thường, bạch hóa cho nhân dân trong chủ trương “chính quyền minh bạch” (transparency in government), thì VN hoàn toàn bưng bít thông tin như những bí mật quốc gia. Chẳng hạn sức khỏe các lãnh đạo, nhân số và ngân sách công an... Nếu có đưa ra các con số thì những con số hoàn toàn sai sự thật. Phương thức hành xử này không những khinh thường sự thông minh của nhân dân mà còn tích cực ngăn chặn nhân tài trong xã hội dân sự, đóng góp vào công tác phục hưng đất nước. Đất nước là của toàn dân nhưng người CS dành độc quyền cai trị và lãnh đạo.

Phần VI. Nhận diện các lãnh vực cần nghiên cứu cải tổ:

Hầu hoàn tất công tác cải tổ, chúng ta cần nghiên cứu và duyệt xét các lãnh vực sau đây:

- a. Hệ thống hành chánh trung ương (Central administrative system)
- b. Hệ thống hành chánh địa phương (Local administrative system)
- c. Hệ Thống Quân đội (The armed forces)
- d. Hệ thống trị-an bao gồm cảnh sát và công an (The public security system)
- e. Hệ thống pháp lý (The legal system)
- f. Chấp bút một Dự Luật “Chuyển tiếp dân chủ guồng máy công quyền” (Cải tổ hệ thống Hành Chánh, Quân Đội, Công An và hệ thống Pháp Lý hậu cộng sản)

Sách này bao gồm một dự luật mẫu, như một “sắc luật khởi động” hầu hiện thực hóa các biện pháp cải tổ, để một quốc hội với thẩm quyền có thể thông qua và lập tức khởi động tiến trình chuyên hóa dân chủ.

Hệ thống thứ nhất:

Sách lược cải tổ hệ thống hành chính trung ương (Central administrative system)

I. Cấu trúc hành chính:

Hệ thống hành chính trung ương là thực thể thi hành các chính sách nhà nước ở cấp trung ương.

Nền tảng pháp lý của hệ thống hành chính hiện hành là Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008, sửa đổi bổ sung 2019.

Theo Wikipedia tiếng Việt thì cơ quan hành chính Nhà nước ở cấp trung ương bao gồm chính phủ, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, gồm 18 bộ sau đây:

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Và 4 cơ quan ngang Bộ: Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Văn phòng Chính phủ

Ngoài ra, Chính phủ còn có các cơ quan trực thuộc (không phải cơ quan hành chính) hiện tại bao gồm:

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Thông tấn xã Việt Nam

Đài Tiếng nói Việt Nam

Đài Truyền hình Việt Nam

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia

II. Nhân số:

Phương Thảo và Thùy Trang (Báo Pháp Luật online ngày 31/08/2022) cho biết:

(PLO)- “Theo thông tin từ Bộ Nội vụ, tính đến hết năm 2021, tổng số công chức của các cơ quan Trung ương tại 16/18 bộ, ngành (không tính Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và địa phương là 233.219 người. Trong số này có 59.918 người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Tổng số viên chức cả nước là 1.761.045, Từ cấp huyện trở lên 1.630.574, Trung Ương 130.471.

Tổng số công chức là 233.219, từ cấp huyện trở lên là 133.719, trung ương là 99.487.

Cán bộ công chức cấp xã: 210.333”

III. Định nghĩa các danh từ:

CSVN quy định công nhân viên nhà nước tương đối phức tạp và lối viết luật hoặc quy định rất vòng vo khó hiểu. Chúng ta phải phân biệt các danh từ như công chức, viên chức và cán bộ, trước khi nắm bắt các khái niệm hành chính VN.

Trước hết, công chức và viên chức khác nhau như thế nào?

Muốn biết thêm thật chi tiết sự khác biệt giữa công chức và viên chức CSVN, chúng ta có thể truy cập Website Luatsux.vn ([Công chức và viên chức khác nhau như thế nào? So sánh chi tiết luatsux.vn](http://luatsux.vn)).

Tuy nhiên một cách tổng quát thì chúng ta có thể tóm lược như sau:

Công chức hoặc mang đảng tính hoặc gần với đảng, tức lực lượng thiên về “**Hồng**” và Viên chức ít mang đảng tính hơn và thiên về “**Chuyên**” hơn (là những chuyên gia). Công chức thông thường hưởng lương từ ngân sách. Viên chức thông thường hưởng lương từ đơn vị sự nghiệp công lập. Có thể các quy luật này là tổng quát nhưng không tuyệt đối.

Ví dụ, công chức điển hình như: Kiểm sát viên, điều tra viên, Phó viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán, Chánh án, Phó chánh án, thư ký tòa các cấp, Chủ tịch UBND Huyện, ... Viên chức điển hình như: Giảng viên trường Đại học Hà Nội, bác sĩ bệnh viện E, ...”

Tiếp theo, khác biệt giữa Cán Bộ và Công Viên Chức là gì?

Theo Luật Cán Bộ, Công Chức (Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008, thì:

Điều 4. Cán bộ, công chức

“1. Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản

lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đối với công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập thì lương được bảo đảm từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị – xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.”

Tuy phương pháp viết luật của VN tròng tráo, dài dòng và thường lặp lại, khó hiểu, nhưng từ “công chức” đã được định nghĩa phía trên. Từ “cán bộ” là một danh từ bao gồm các nhân sự được bầu, vào các chức vụ dân cử có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của cơ quan, hoặc bổ nhiệm vào các cơ quan đảng, nhà nước hay ngoại vi cũng với nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của cơ quan. Cấp cao thì bao gồm trung ương, tỉnh, huyện (hoặc tương đương). Cấp thấp tại xã (bao gồm phường và thị trấn) thì được bầu vào các chức vụ.

Sự khác biệt giữa cán bộ và công chức là cán bộ thì được bầu hoặc bổ nhiệm theo nhiệm kỳ của cơ quan, còn công chức thì không có nhiệm kỳ hoặc nếu có nhiệm kỳ thì cũng không theo nhiệm kỳ của cơ quan. Chẳng hạn một thẩm phán (công chức) có nhiệm kỳ riêng, không theo nhiệm kỳ của cơ quan. Ngược lại một đại biểu được bầu vào Hội Đồng Nhân Dân Tỉnh (cán bộ) thì nhiệm kỳ tùy thuộc vào nhiệm kỳ của Hội Đồng.

IV. Tính thiếu khả tín của các con số thống kê:

Khi chúng ta tiếp cận các số thống kê chính thức của CSVN, thì chúng ta mới ý thức được mức độ bất khả tín lớn lao của những con số này.

Trước hết, tìm con số chính thức về nhân số công nhân viên và viên chức cán bộ nhà nước CSVN vô cùng khó khăn. Nhất là nhân số công an thì hơn cả bí mật quốc phòng.

Nếu tính theo các con số thống kê của bộ Nội Vụ CSVN thì số viên chức 16/18 bộ trừ Quốc Phòng và Công An là 130.471 viên chức và 99.487 công chức. Tổng cộng là 229.958 công viên chức trung ương. Tổng viên chức và cán bộ công viên chức từ trung ương đến địa phương (cấp xã) là 1.761045 cộng thêm 210.000 là 1.971.045.

Một quốc gia với dân số 100 triệu mà chỉ có gần 2 triệu công viên chức là một con số không tưởng.

Những con số trên nhằm đưa đến kết luận là guồng máy hành chính của CSVN vô cùng tinh giản, hiệu năng và khả năng chuyên môn của công viên chức còn cao hơn các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

Chẳng hạn, Úc là một quốc gia có dân số khoảng 25 triệu tức 1 phần 4 dân số Việt Nam mà theo Tổng Cục Thống Kê con số công viên chức nhà nước đã là:

2.430.400 vào tháng 6, 2023 bao gồm:

- 350.300 nhân viên (kể cả lực lượng quân đội là 57.346)
- 1.871.900 nhân viên các chính phủ tiểu bang (kể cả cảnh sát các tiểu bang và lãnh thổ là 59.955)
- 208.200 nhân viên chính quyền địa phương.

V. Tại sao con số thống kê CSVN không khả tín?

Khi chúng ta kiểm chứng bằng những con số khác, thì theo Wikipedia tiếng Anh về Communist Party of Vietnam ([Communist Party of Vietnam - Wikipedia](#)), vào năm 2021, số đảng viên là 5.300.000 người.

Chúng ta chỉ cần lấy con số chính thức đảng viên là 5.300.000 này, trừ cho tổng số công viên chức toàn quốc là 1.971.045, thì sự khác biệt còn lại sẽ là 3.328.955 đảng viên. Chẳng lẽ trên 3 triệu đảng viên này không có việc gì làm trong bộ máy công quyền, không cần lãnh lương, nuôi bản thân và gia đình, hay đi ăn xin, hoặc đi bán vé số hay sao?

Câu trả lời là: Dĩ nhiên các đảng viên này đều nằm trong guồng máy công quyền, trừ một số nhỏ chóp bu vào các chức vụ dân cử. Đó là chưa kể các viên chức được tuyển dụng vào các chuyên ngành sẽ làm con số thực sự lên cao.

Vì sự bùng bít thông tin của đảng, chúng ta không thể tính con số công viên chức tổng quát là bao nhiêu, nhưng chắc chắn sẽ cao hơn con số đảng viên nhiều triệu (chưa kể lực lượng vũ trang và công an CSVN).

Các chỉ dẫn khách quan hơn cho thấy, guồng máy hành chánh VN là một trong những thực thể tham nhũng và thối nát nhất thế giới. Theo Wikipedia ([Corruption in Vietnam - Wikipedia](#)) thì tỷ lệ công dân Việt Nam phải quạ cáp cho công viên chức là 65%, chỉ thấp hơn Ấn Độ là 69%. Tham nhũng được coi là một trở lực lớn lao cho kinh doanh tại Việt Nam và hồi lộ là thường xuyên đối với công viên chức nhà nước từ trên xuống dưới.

Dĩ nhiên khi cơ quan Transparency International xếp hạng Việt Nam thứ 77 trong số 180 quốc gia và với số điểm 42 trên 100, tức là một trong những quốc gia tham nhũng nhất, thì sự xếp hạng này vẫn chưa đúng sự thật vì căn cứ trên nhiều số thống kê do chính CSVN cung cấp. Sự thật còn tệ hại hơn nhiều.

Khi duyệt lại các con số do Bộ Nội Vụ CSVN cung cấp, trong số 233.219 công chức thì có 59.918 người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tức gần 25.69%. Tỷ lệ còn cao hơn nếu tính luôn những người có trình độ trung học kỹ thuật hay bằng đại học.

Theo thông tin chính thức của Australian Public Service Commission (Table 28: All employees: highest educational qualification by base classification and gender, 31 December 2020 | Australian Public Service Commission (apsc.gov.au)) thì đến cuối tháng 12, 2020, trong tổng số 148.736 công chức liên bang, thì có 2.645 người có bằng tiến sĩ và 9.324 người có bằng Masters (tức thạc sĩ). Như vậy, tổng số người có bằng thạc sĩ và tiến sĩ là 11.969.

Tức tỷ số công chức Úc có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ chỉ ở mức độ 8.04%. Nên nhớ Úc là một quốc gia phát triển, nền giáo dục bậc nhất thế giới, mức thu nhập GDP đầu người \$63.487 mà bằng cấp chuyên môn lại thua xa một quốc gia chậm tiến như Việt Nam, nơi mà nền giáo dục thuộc loại tệ nhất thế giới, GDP khoảng \$4.316 tức chỉ bằng 1/15 của GDP Úc.

Đó là chưa kể con số GDP tại Việt Nam cũng như TQ, thiếu yếu tố độc lập. Chính quyền luôn chỉ đạo cho Tổng Cục Thống Kê thổi phồng vì lý do chính trị.

Theo thống kê của cơ quan Asian Productivity Organisation thì giá trị sản xuất lao động (labour productivity) của Việt Nam là \$5.20 mỗi giờ, cao hơn Cambốt và Myanmar, nhưng thấp hơn Lào. Giá trị của Việt Nam chỉ bằng 1/8 của Singapore và gần 36% của Thái Lan. Giá trị sản xuất lao động của quốc gia bao gồm cả lực lượng lao động trong guồng máy công quyền và điều này chứng tỏ trị giá sản xuất lao động của công viên chức CSVN vô cùng thấp kém, mặc dù, theo bộ Nội Vụ VN, thì bằng cấp cao hơn cả một quốc gia phát triển như Úc Đại Lợi.

VI. Hậu quả của những con số thống kê gian dối:

Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia giữ một vai trò vô cùng trọng yếu trong guồng máy điều hành quốc gia. Từ những dữ kiện khách quan của cơ chế này:

- (1) Chính quyền có thể đánh giá sự thành công hay thất bại của các chính sách quốc gia hầu điều chỉnh kịp thời trên mọi lãnh vực.
- (2) Các chính đảng đối lập có thể hoạch định các sách lược thực tế hầu tham gia vào tiến trình hưng quốc.
- (3) Các chuyên gia nghiên cứu chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa ... có thể nghiên cứu góp phần vào sự hiểu biết cho cộng đồng dân tộc
- (4) Mọi thành phần của xã hội dân sự có những dữ kiện khách quan đánh giá hoạt động của chính quyền và góp phần thực tế cho quốc gia.

Ngược lại, những con số thống kê gian dối không những làm ngu dân, củng cố cho độc tài mà còn làm chính đảng lãnh đạo ngày càng u mê, vô minh và lạc lối trong những đối trá của chính mình.

Các bình luận thế giới hiện nay đang đặt vấn đề với CSTQ về mức độ khả tín của những con số thống kê về mức độ phát triển kinh tế của quốc gia này. Họ cho rằng, mức độ phát triển kinh tế thực sự của CSTQ đã bị đảng CSTQ thổi phồng lên từ 10% đến 60%.

Hiện giờ GDP đầu người của TQ theo những con số chính thức ở mức độ khoảng \$12.500, tức mức cao nhất của Bẫy Thu Nhập Trung Bình (Middle Income Trap). Trong khi đó GDP đầu người của Việt Nam, theo con số chính thức khoảng hơn \$4.000, tức mức thấp nhất của bẫy này.

Nếu con số GDP này giảm khoảng 30% cho cả TQ lẫn VN thì các con số sẽ là \$8.750 cho TQ và \$2.800 cho VN. Kết quả là TQ nằm khoản giữa bẫy và VN chưa đạt đến mức độ thu nhập trung bình.

Trong thế kỷ 21, sự cạnh tranh kinh tế vô cùng khốc liệt. Dân tộc chúng ta không thể cạnh tranh và ưu thắng được nếu cặp mắt bị mù lòa vì những sự bùng bít thông tin của chính quyền.

VII. Đề nghị cải tổ

Trước những khiếm khuyết nêu trên chúng ta cần những cải tổ quan trọng như sau:

1. Luật hóa đặc biệt vị trí của Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia như một định chế quốc gia với các đặc tính sau:

- a. Là một bộ phận của guồng máy hành chính quốc gia nhưng hoàn toàn độc lập đối với hành pháp, lập pháp trên bình diện công tác
- b. Luật pháp quy định, bất cứ một cá nhân hay hữu thể pháp lý nào, cố tình xen lấn, ngăn trở hoặc ảnh hưởng đến công tác hợp pháp, hoặc kết quả hợp pháp và khách quan của Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia đều vi phạm một trọng tội hình luật, có thể bị án tù đến 10 năm.
- c. Người đứng đầu tức Tổng Giám Đốc Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia và những viên chức cấp cao, từ trưởng phòng trở lên, phải tuyên thệ tuyệt đối trung thành với tổ quốc, phục vụ quốc gia và luôn hành xử trong tinh thần liêm chính, theo đúng lương tâm nghề nghiệp và cương quyết không chấp nhận bất cứ áp lực hay ảnh hưởng nào từ đệ tam nhân.
- d. Người đứng đầu tức Tổng Giám Đốc Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia và phó tổng giám đốc được bổ nhiệm qua sự đề nghị của vị bộ trưởng liên hệ, với sự phê chuẩn của quốc hội, với nhiệm kỳ là 6 năm, có thể được tái nhiệm và không thể bị cách chức trừ khi có đề nghị của bộ trưởng và phê chuẩn của lưỡng viện quốc hội.

2. Một Sắc Luật Tự Do Tiếp Cận Thông Tin (Freedom of Information Act) sẽ được ban hành: Tiếp theo sự cải tổ Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia, là công tác luật hóa tính minh bạch trong chính quyền (Transparency in government) và quyền tiếp cận thông tin (Freedom to access government information) của mọi công dân. Tức là một mặt các cơ quan chính quyền (kể cả bộ quốc phòng và bộ công an) có trách nhiệm thông báo trên các cổng thông tin chính thức, như tại các quốc gia dân chủ chân chính, những thông tin nền tảng như ngày thành lập, tên bộ trưởng và các viên chức lãnh đạo, địa chỉ trụ sở, số công nhân viên nhà nước, ngân sách mỗi bộ ngành, các sắc luật liên hệ... Những thông tin này phải khách quan, chính xác, không bị hoen ố bởi ý đồ tuyên truyền hay lừa gạt như đảng CSVN thường xuyên vi phạm. Mặt kia, khi một công dân hay hữu thể pháp lý trong xã hội muốn tìm hiểu thêm thông tin sâu hơn, hầu nghiên cứu, góp ý hoặc giải quyết những vấn đề khác, thì chính quyền có trách nhiệm trao những thông tin cần thiết, không dấu diếm, trừ khi có thể chứng minh rằng, bạch hóa những thông tin này là đi ngược lại quyền lợi quốc gia (national interests) hoặc công ích (public interests). Khi có tranh chấp giữa công dân cá thể và cơ quan chính quyền liên hệ về quyền tự do tiếp cận thông tin, thì một tòa án công minh và pháp định sẽ giải quyết.

3. Tiếp theo là nhu cầu chuyên nghiệp hóa và tách rời khỏi sự chi phối của bất cứ cá nhân, tập thể chính trị hoặc ý thức hệ chính trị nào trong môi trường chính trị hoặc xã hội. Giai cấp chính trị qua các cá nhân chính trị gia, hoặc tập thể như tổ chức và đảng phái chính trị, có thể thay đổi theo nhiệm kỳ hoặc các kỳ bầu cử khác nhau, nhưng các công viên chức chuyên nghiệp không lệ thuộc vào các chu kỳ này, thông thường làm việc vĩnh viễn (trừ những trường hợp có giao kèo lao động ngắn hạn) và phục vụ cho nhân dân bền vững đến tuổi hưu trí hoặc đến khi muốn từ chức theo sự chọn lựa của mình. Luật pháp sẽ nghiêm chỉnh và nghiêm khắc bảo vệ tính độc lập và chuyên nghiệp của các công viên chức nhà nước theo luật định. Luật pháp cũng sẽ nghiêm trị như một tội hình luật bất cứ một cá nhân hay tập thể nào xen lấn, ảnh hưởng hoặc áp đặt ý chí của mình trên những công viên chức trong tiến trình thi hành nhiệm vụ pháp định của họ.

4. Một nhu cầu quan trọng nữa là triệt để bảo vệ phúc lợi cho công viên chức nhà nước. Một quốc gia chỉ hoạt động tốt, nếu công viên chức nhà nước cảm thấy hoan hỉ và hãnh diện khi

làm việc cho chính quyền, phục vụ cho nhân dân và nhất là quyền lợi của họ được pháp luật bảo vệ. Muốn như thế chúng ta phải thành lập nghiệp đoàn công viên chức độc lập hoàn toàn với chính quyền với nhiệm vụ luật định là:

- Bảo vệ quyền lợi và phúc lợi của công viên chức cá thể
- Thay mặt công viên chức thương thuyết với chủ nhân (tức chính quyền) về chế độ nhân dụng và lương bổng
- Thay mặt cho công viên chức cá thể, biện minh trước một tòa án có thẩm quyền khi có sự tranh chấp giữa công viên chức cá thể và chủ nhân (tức chính quyền)

5. Thêm vào đó, chúng ta cần thành lập một tòa án hành chánh chuyên biệt giải quyết các tranh chấp sau đây:

- Những tranh chấp chủ thợ giữa công viên chức cá thể và chính quyền trên các bình diện: mướn nhân viên và sa thải nhân viên, lương bổng và phúc lợi
- Tranh chấp giữa những công dân cá thể và những cơ quan chính quyền

Những quyết định của tòa án hành chánh chuyên biệt này có thể được kháng cáo lên các tòa cấp thượng thẩm và sau cùng là tối cao pháp viện của quốc gia.

Hệ Thống thứ nhì: Sách lược cải tổ hệ thống hành chính địa phương (Local administrative system)

I. Tổng quan:

Theo Hiến Pháp 2013, Điều 110 ghi rõ:

“Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau:

- Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh;
- Thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương;
- Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã
- Thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã;
- Quận chia thành phường.
- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định.”

Điều 111 Hiến Pháp 2013 ghi thêm:

“- Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do luật định.

Hội Đồng Nhân Dân trên nguyên tắc gồm những đại biểu do nhân dân bầu lên và Ủy Ban Nhân Dân gồm những công viên chức, thi hành các chính sách do Hội Đồng chủ đạo.”

Dĩ nhiên trên thực tế thì qua Điều 4 Hiến Pháp, Việt Nam là một chế độ độc đảng. Đảng CSVN lãnh đạo độc quyền và vĩnh viễn. Qua Luật Bầu Cử Quốc Hội và Các Hội Đồng Nhân Dân, ít nhất 90% dân biểu và đại biểu là đảng viên. Qua Điều 8 hiến pháp, mọi cấp chính quyền phải thực hiện nguyên tắc “Tập trung dân chủ”. Kết quả là Hội Đồng Nhân Dân không phải của nhân dân mà của đảng CS. Hội Đồng nhân dân cũng không thể hiện được ý chí của nhân dân địa phương mà phải chấp hành các quyết định của trung ương. Các ủy ban nhân dân, tức cấu trúc hành chính, cũng phải chấp hành các quyết định của trung ương và của đảng CS tương tự.

II. Thực trạng cấu trúc hành chính địa phương tại Việt Nam:

A. Cấu trúc chính quyền địa phương :

Theo báo mạng Việt Nam Thời Báo (VNTB) ngày 3 tháng 3, 2024 với tựa đề “Phó thủ tướng

thừa nhận: cơ chế nặng nề, xử lý kém”, thì:

“Phó thủ tướng Trần Lưu Quang vừa chủ trì phiên họp Ban chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025. Tại đây ông Quang thừa nhận: ‘So sánh với các quốc gia trên thế giới, đúng là bộ máy của chúng ta nặng nề thật. Chính vì vậy chúng ta khó tăng lương cho mọi người, mặt khác vì đông người nên có nhiều ý kiến, chúng ta khó làm cho hiệu quả’.

Dự kiến cả nước sẽ giảm 14 huyện và 619 xã, phường sau khi thực hiện sáp nhập. Ông Quang cho rằng việc tinh giảm biên chế sẽ đụng chạm đến các địa phương, đụng chạm đến chế độ chính sách của rất nhiều người.”

Như vậy thì, tuy bung bít, nhưng cũng chính người CSVN công nhận sự công kênh, thư lại, tham nhũng trong hệ thống công quyền tại Việt Nam và sự cải tổ là cấp bách để phát triển quốc gia.

Theo Wikipedia thì Việt Nam có tất cả 63 đơn vị địa phương gồm 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ).

Cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương là các Ủy ban Nhân dân với các chi tiết như sau:

“Tương ứng với mỗi cấp địa phương có một cấp Ủy ban Nhân dân:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.
- Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
- Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Các cơ quan hành chính theo ngành tại địa phương bao gồm các cơ quan chuyên môn của Ủy ban Nhân dân và cơ quan đại diện của các bộ tại địa phương:

- Tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: các sở, ban, cục.
- Tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: các phòng, chi cục.
- Tại các xã, phường, thị trấn: các đội.

Các cơ quan đại diện của các Bộ tại địa phương bao gồm các cục và chi cục. Chẳng hạn như Tổng cục Thống kê có các đại diện tại các tỉnh là cục thống kê tỉnh, tại các huyện là chi cục thống kê.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh (cơ quan hành chính Nhà nước thẩm quyền chuyên môn) được tổ chức theo Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014[1] và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020[2] của Chính phủ. Bao gồm:

- Sở Nội vụ
- Sở Tư pháp
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Tài chính
- Sở Công Thương
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Giao thông Vận tải
- Sở Xây dựng
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Sở Thông tin và Truyền thông
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (một số tỉnh tách thành Sở Văn hóa và Thể thao và Sở Du lịch)
- Sở Khoa học và Công nghệ
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Sở Y tế
- Thanh tra tỉnh
- Văn phòng Ủy ban Nhân dân
- Các cơ quan chuyên môn được tổ chức theo đặc thù riêng của từng tỉnh, gồm có: Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Ban Dân tộc, Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện (là cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền chuyên môn) được tổ chức theo Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014[3] và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020[4] của Chính phủ. Bao gồm:

Các cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

- Phòng Nội vụ
- Phòng Tư pháp
- Phòng Tài chính – Kế hoạch
- Phòng Tài nguyên và Môi trường
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
- Phòng Văn hoá và Thông tin
- Phòng Giáo dục và Đào tạo
- Phòng Y tế
- Thanh tra huyện
- Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân

Ngoài cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh như trên, còn có một số cơ quan chuyên môn để phù hợp với từng loại hình đơn vị

hành chính cấp huyện:

Ở các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

- Phòng Kinh tế
- Phòng Quản lý đô thị

Ở các huyện:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng
- Phòng Dân tộc

Tổ chức các cơ quan chuyên môn ở các huyện đảo (căn cứ vào các điều kiện cụ thể của từng huyện đảo, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân huyện đảo).

Cấp xã, phường, thị trấn không có cơ quan chuyên môn, song có chức danh chuyên môn sau đây:

- Trưởng Công an
- Chỉ huy trưởng Quân sự
- Văn phòng-Thống kê
- Địa chính-Xây dựng
- Tài chính-Kế toán
- Tư pháp-Hộ tịch
- Văn hóa-Xã hội”

B. Nhân số công viên chức nhà nước tại các cấp chính quyền địa phương

Nếu suy diễn từ những số thống kê Phương Thảo- Thùy Trang lấy từ Bộ Nội Vụ (Báo Pháp Luật Tp HCM trên Google News ngày 31/08/2022 18:05) thì nhân số công viên chức địa phương là: viên chức 1.630.574 (từ cấp huyện trở lên) cộng thêm công chức từ cấp huyện trở lên là 133.719 và công chức cấp xã là 210.333. Như thế tổng số công viên chức địa phương là 1.974.626 trên toàn quốc.

Như bộ công an đã công nhận hiện nay có 2.000.000 công an bán chuyên trách. Phần lớn và có thể tuyệt đại đa số làm việc tại các cấp xã trở xuống. Số công an bán chuyên trách này sẽ làm số công chức địa phương lên đến gần 4 triệu người.

C. Những khuyết điểm và nguyên nhân của chúng:

Những khuyết điểm của guồng máy hành chính địa phương và nguyên nhân của chúng hoàn toàn tương tự với những khuyết điểm và nguyên nhân áp dụng cho chính quyền trung ương và đã được chi tiết hóa phía trên.

III. Chúng ta phải cải tổ như thế nào?

1. Nhu cầu trao cho địa phương tính độc lập hiến định cần thiết cho một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên:

Trước hết tuy bề mặt thì các cấp chính quyền địa phương có cơ quan dân cử. Tuy nhiên dưới chế độ CSVN, đây không phải là một chế độ phân quyền hàng dọc (vertical decentralisation of powers) như tại các nước dân chủ chân chính. Các chính quyền địa phương từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đến huyện, quận và xã đều là những cánh tay nối dài của chính quyền trung ương, theo đúng quy định của Hiến Pháp 2013, nhất là Điều 8 hiến pháp, quy định mọi cấp chính quyền phải thực hiện nguyên tắc “tập trung dân chủ” của nội quy đảng, tức thiểu số phục tùng đa số và địa phương phục tùng trung ương. Vấn nạn này sẽ được giải quyết khi một bản hiến pháp dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên được quốc hội hậu cộng sản thông qua.

Bản tân hiến pháp sẽ minh thị phân chia quyền lực giữa trung ương và địa phương. Chính quyền trung ương sẽ không thể trực tiếp xen lấn vào những lãnh vực hiến định của chính quyền địa phương và các chính quyền địa phương sẽ hoàn toàn độc lập trên bình diện quản lý công viên chức trong thẩm quyền của mình. Chẳng hạn, bản “Dự thảo hiến pháp trên quan điểm dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên” (Xem phụ đính A) quy định chính quyền tỉnh và các thành phố trực thuộc trung ương có các quyền hiến định sau đây:

“Điều 39 (Quyền hạn chính quyền địa phương):

Các chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền thông qua và thi hành các sắc luật trên các lãnh vực sau đây trong địa phận của mình:

1. Kinh tế, Tài chánh và thuế khóa trừ thuế lợi tức và các thuế liên hệ đến các lãnh vực thuộc thẩm quyền chính quyền trung ương.
2. Cầu cống và đường sá.
3. Y tế .
4. Giáo dục
5. Quy hoạch đất đai.
6. Kỹ nghệ, nông nghiệp và ngư nghiệp.
7. Các lãnh vực từ thiện và vô vị lợi.
8. Tài sản hoặc nợ nần của tỉnh hoặc thành phố.
9. Cảnh sát và trị an.
10. Phục hưng văn hóa và bảo tồn di tích lịch sử.
11. Chế độ lao động và lương bổng của các viên chức trong thẩm quyền của mình kể cả các chức vụ dân cử.
12. Ấn định số lượng và ranh giới giữa các đơn vị hành chánh trong phạm vi các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương
13. Chế độ và phương thức quản trị các đơn vị hành chánh trong phạm vi các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 40 (Các lãnh vực quyền hạn còn lại):

Tất cả những lĩnh vực nào không được nhắc tới trong chương V đều thuộc về thẩm quyền của chính quyền trung ương. Tuy nhiên với sự đồng thuận của các chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương liên hệ, chính quyền trung ương có thể thông qua các sắc luật nhưng chuyển quyền thi hành các sắc luật này cho các chính quyền tỉnh hoặc thành phố này.”

2. Chuyên nghiệp hóa:

Công viên chức hành chính tại địa phương cũng có nhu cầu chuyên nghiệp hóa và tách rời khỏi sự chi phối của bất cứ cá nhân, tập thể chính trị hoặc ý thức hệ chính trị nào trong môi trường chính trị hoặc xã hội. Giai cấp chính trị tại địa phương, qua các Hội Đồng Nhân Dân, hoặc tập thể như tổ chức và đảng phái chính trị có thể thay đổi theo nhiệm kỳ hoặc các kỳ bầu cử khác nhau, nhưng các công viên chức chuyên nghiệp không lệ thuộc vào các chu kỳ này, thông thường làm việc vĩnh viễn (trừ những trường hợp có giao kèo lao động ngắn hạn) và phục vụ cho nhân dân bền vững đến tuổi hưu trí hoặc đến khi muốn từ chức theo sự chọn lựa của mình. Luật pháp sẽ nghiêm chỉnh và nghiêm khắc bảo vệ tính độc lập và chuyên nghiệp của các công viên chức nhà nước địa phương theo luật định. Luật pháp cũng sẽ nghiêm trị như một tội hình luật bất cứ một cá nhân hay tập thể nào xen lấn, ảnh hưởng hoặc áp đặt ý chí của mình trên những công viên chức trong tiến trình thi hành nhiệm vụ pháp định của họ.

3. Một nhu cầu quan trọng nữa là triệt để bảo vệ phúc lợi cho công viên chức nhà nước tại địa phương tương tự như tại trung ương:

Một quốc gia chỉ hoạt động tốt, nếu công viên chức nhà nước cảm thấy hoan hỉ và hãnh diện khi làm việc cho chính quyền, phục vụ cho nhân dân và nhất là quyền lợi của họ được pháp luật bảo vệ. Muốn như thế chúng ta phải thành lập nghiệp đoàn công viên chức độc lập hoàn toàn với chính quyền, kể cả tại các cấp địa phương, với nhiệm vụ luật định là:

- Bảo vệ quyền lợi và phúc lợi của công viên chức cá thể
- Thay mặt công viên chức thương thuyết với chủ nhân (tức chính quyền) về chế độ nhân dụng và lương bổng
- Thay mặt cho công viên chức cá thể, biện minh trước một tòa án có thẩm quyền khi có sự tranh chấp giữa công viên chức cá thể và chủ nhân (tức chính quyền)

4. Bảo vệ quyền lợi pháp lý:

Thêm vào đó, các công viên chức nhà nước địa phương cũng có quyền khiếu kiện qua tòa án hành chính chuyên biệt như các công viên chức trung ương để giải quyết các tranh chấp sau đây:

- Những tranh chấp chủ thợ giữa công viên chức cá thể và chính quyền trên các bình diện: mướn nhân viên và sa thải nhân viên, lương bổng và phúc lợi
- Tranh chấp giữa những công dân cá thể và những cơ quan chính quyền
- Những quyết định của tòa án hành chính chuyên biệt này có thể được kháng cáo lên các tòa thượng thẩm và sau cùng là tối cao pháp viện của quốc gia.

Hệ thống thứ ba:

Sách lược cải tổ hệ thống quân đội (The armed forces)

Hiến pháp 2013 quy định cả quân đội lẫn công an đều nằm trong chương IV với nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

I. Tương quan quyền lực giữa quân đội và công an trong Hiến Pháp:

Đảng CSVN cướp được chính quyền bằng vũ lực và giữ được chính quyền bằng công an, nên nền tảng pháp lý của 2 thực thể quân đội và công an, được hiến định hóa trong Hiến Pháp 2013, qua chương IV (Bảo vệ tổ quốc).

Khi các điều 64, 65 và 68 của Hiến Pháp 2013 nhắc đến cụm từ “Lực lượng vũ trang nhân dân”, thì lực lượng này bao gồm cả quân đội lẫn công an. Chính vì thế, khác với các quốc gia dân chủ trên thế giới, công an CSVN cũng như công an tại LBXV xưa và LB Nga hôm nay, đều được tổ chức theo các đẳng cấp tương đương với quân hàm trong quân đội. Ở điểm này công an CSVN khác với công an CSTQ. Công an CSTQ không theo quân hàm của quân đội, trừ ngành cảnh sát vũ trang. Lý do là vì CSVN, trong cấu trúc quyền lực, nghiên về mô hình Liên Xô, coi trọng công an mật vụ và sử dụng công an để khống chế quân đội, như Lê Nin và Stalin từng làm. Hồ Chí Minh là một thành viên của Phong Trào Đệ Tam Quốc Tế và được huấn luyện trong trường đảng của Stalin, sau đó mới tiếp xúc và xây dựng liên hệ với đảng CSTQ, dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông.

Chính vì thế công an giữ một vai trò vượt trội quân đội trong hệ thống quyền lực đảng CSVN, mặc dù quân đội nắm vai trò chủ động trong công cuộc kháng Pháp và chống Mỹ.

Trong khi đó, đảng CSTQ, dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông, cướp được chính quyền qua cuộc Vạn Lý Trường Chinh lịch sử, xây dựng quân đội hùng mạnh, đánh bại quân đội của Trung Hoa Quốc Dân Đảng (có sự ủng hộ của Hoa Kỳ) vào năm 1949 và thống trị Hoa Lục. Trong đảng CSTQ, chức vụ Chủ tịch Quân Ủy Trung Ương còn quan trọng hơn chức Tổng Bí Thư đảng hoặc chủ tịch nước nữa. Công an chỉ là một công cụ của đảng và hoàn toàn không phải là đối thủ của quân đội.

Khi duyệt xét hiện trạng của quân đội CSVN, chúng ta phải ý thức rõ tương quan quyền lực giữa quân đội và công an này.

II. Hiện trạng quân đội:

Theo Wikipedia tiếng Việt (Quân đội nhân dân Việt Nam – Wikipedia tiếng Việt):

1. Một cách tổng quát quân đội CSVN được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 1944.
Địa chỉ: Sở chỉ huy Bộ Quốc phòng, Số 7 Nguyễn Tri Phương, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội.
2. Khẩu hiệu “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng

vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

3. Hệ thống đảng cấp lãnh đạo (từ quân sự đến chính trị như hệ thống chính ủy)

Bí thư Quân ủy Trung ương: TBT Nguyễn Phú Trọng

Thống lĩnh: CTN Võ Văn Thưởng (*vừa từ chức khi sách này được chấp bút*)

Bộ trưởng Quốc phòng: Tướng Phan Văn Giang

Tổng Tham mưu trưởng: Tướng Nguyễn Tân Cương

Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị: Lương Cường

1. Quân số mỗi ngành (hải lục không quân)

Các nhánh phục vụ:

- Lục quân
- Phòng không-Không quân
- Hải quân
- Biên phòng
- Không gian mạng
- Cảnh sát biển

4. Nhân lực

- Tuổi nhập ngũ 18-25 tuổi (18-27 tuổi đối với công dân theo học tại các trường Cao đẳng, Đại học)
- Cường bách tổng quân Nghĩa vụ quân sự bắt buộc 24 tháng đối với nam công dân khỏe mạnh
- Số quân tại ngũ 482.000
- Số quân dự bị 5.040.000

5. Ngân sách cho Quân đội

Ngân sách US\$ 5.3 tỷ (2021)

Tuy nhiên theo Wikipedia Anh ngữ thì

Ngân sách: US\$ 7.8 billion (2023)

6. Thực trạng về vũ trang của quân đội (các loại vũ khí khác nhau)

Công nghiệp, Nhà cung cấp nội địa: VDI, Viettel

Nhà cung cấp nước ngoài Hiện nay: Nga, Ấn Độ, Cộng hòa Séc, Israel, Hoa Kỳ

III. Phân tích bản chất hiện tại của Quân Đội CSVN:

Sau khi đọc kỹ chương IV (Bảo vệ tổ quốc) của Hiến Pháp 2013, chúng ta có thể rút các kết luận sau đây về vai trò hiến định của quân đội CSVN:

(1). Đảng CSVN không chấp nhận đổi lập chính trị, nên công an cũng được xếp vào “lực lượng vũ trang” ngang hàng với quân đội và nằm trong chương IV (Bảo vệ tổ quốc). Có nghĩa là

quân đội thì bảo vệ tổ quốc chống ngoại xâm, còn công an bảo vệ “tổ quốc xã hội chủ nghĩa” chống lại các thành phần quốc gia, phát xuất từ chính nhân dân. Dĩ nhiên điều này không có nghĩa là nếu đảng bị lâm nguy, vì nhân dân nổi dậy, thì đảng sẽ không sử dụng quân đội để đàn áp.

(2). Điều 64 minh thị định nghĩa “Bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân”. Có nghĩa là quân đội và công an chỉ có trách nhiệm bảo vệ tổ quốc VN “xã hội chủ nghĩa”. Hai lực lượng này không cần bảo vệ tổ quốc VN, nếu nhân dân quyết định buông bỏ xã hội chủ nghĩa, như các quốc gia Đông Âu và các quốc gia cựu thành viên của LBXV đã buông bỏ.

(3). Điều 65 tuy ngôn từ dài dòng và hàm hồ nhưng tựu trung quy định Lực lượng vũ trang nhân dân (tức quân đội và công an) tuyệt đối trung thành và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng CSVN, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tóm lại Quân đội và công an là công cụ chỉ trung thành và bảo vệ đảng CSVN vì đảng chủ trương tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(4). Tuy 2 điều 66 (Quân đội) và 67 (công an) được tách rời, nhưng điều 68, cũng với ngôn từ hàm hồ, nhưng tựu trung lại kết chặt vai trò hiến định của quân đội và công an trong trách nhiệm bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa và đảng CSVN.

IV. Thảo luận về vai trò của người quân nhân trong Nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên dân chính:

(1) Sự tôn quý của một quân nhân dân chính:

Làm người lính, hay quân nhân chuyên nghiệp, là một trong những nghề nghiệp tôn quý nhất của xã hội. Chính vì thế, trong những nền dân chủ dân chính như tại Hoa Kỳ, Anh Quốc hoặc Úc Đại Lợi, nhiều vị tướng lãnh hưu trí có uy tín, thường được vinh danh, truy tặng các tước hiệu hoặc bổ nhiệm vào các định chế công quyền cấp cao (higher public institutions), các ủy ban điều tra quan trọng, để giải quyết những vấn nạn xã hội mà các chính trị gia không đủ uy tín và niềm tin của quần chúng để giải quyết.

Như tại Úc Đại Lợi, nhiều vị tướng lãnh được bổ nhiệm vào các chức vụ toàn quyền (governor) của tiểu bang hay tổng toàn quyền (governor general) của liên bang, đại diện cho quốc vương.

Câu hỏi chúng ta phải đặt ra là:

1. Thế nào là định nghĩa nghiêm chỉnh về vai trò một người lính hay một quân nhân trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên?
2. Tại sao các quân nhân trong các nền dân chủ dân chính được tôn quý trên nhiều giai cấp khác trong xã hội?
3. Tại sao tập thể quân nhân trong các chế độ cộng sản đã trở thành những tập thể thoái hóa và là một trong những trở lực lớn lao cho tiến trình dân chủ hóa?

(2) Sự tôn quý của quân nhân phát xuất từ trách nhiệm bảo vệ tổ quốc:

Khi suy gẫm thật kỹ về các vấn nạn này, chúng ta phát hiện rằng, ý niệm về người lính hoặc

quân nhân đúng nghĩa, hầu như không thể tách rời khỏi ý niệm về tổ quốc.

Thật vậy, nếu trở về với thời buổi ban sơ của nhân loại, khi xã hội loài người còn ở tình trạng bộ lạc, di chuyển từ vùng đất này đến vùng đất khác để sống còn, thì chưa có sự xuất hiện của những quân nhân đúng nghĩa. Vào giai đoạn đó, tất cả mọi người, phần lớn là nam nhân, có khả năng săn bắn, hoặc bảo vệ sự an toàn của tập thể, đều phải thi hành nhiệm vụ của mình như một phần của bản năng sinh tồn tập thể. Không một ai có thể coi là một quân nhân chuyên nghiệp cả.

Tuy nhiên, khi các bộ lạc lớn mạnh, kết hợp với nhau hoặc bị chinh phục và kết hợp thành những tập thể lớn hơn, sau đó định cư và ấn định cương thổ, kinh tế, văn hóa phát triển và ý thức về quốc gia dân tộc hình thành, thì nhu cầu của những người lính hoặc quân nhân chuyên nghiệp, trong một cấu trúc quân đội quốc gia, được hình thành.

Lúc đầu có thể là những quân nhân bán thời. Tức thời bình họ là những nông dân, thợ thuyền, buôn bán hoặc thuộc giới quý tộc, quan quyền. Trong thời chiến họ có thể trở thành những chiến sĩ vì đã được huấn luyện. Sau đó, quân đội như một định chế quốc gia phát triển hơn. Những quân nhân trở thành chuyên nghiệp và thi hành nhiệm vụ toàn thời. Họ được trả lương và huấn luyện chuyên nghiệp gắt gao hơn.

Sự khác biệt căn bản giữa một quân nhân và một thường dân là một quân nhân phải được định nghĩa như là một thành phần trong một tập thể quân đội. Người quân nhân cũng được huấn luyện để sử dụng các vũ khí có tính sát địch. Tập thể quân đội cũng vì thế trở nên một vũ khí có tiềm năng áp đảo mọi đối thủ. Từ đó, quân đội trở thành một phương tiện thể hiện quyền lực tuyệt vời. Trong thời đại phong kiến, các vị lãnh chúa hùng cứ một phương, hoặc xưng bá một góc trời, các vị đế vương chinh phục thiên hạ, sáng lập triều đại, các đế quốc từ Đông sang Tây, nói rộng biên cương, thống trị một phần nhân loại, đều dựa vào sức mạnh quân đội.

Lãnh tụ Cộng Sản Trung Quốc Mao Trạch Đông tuyên bố công khai:

“Quyền lực chính trị phát xuất từ nòng súng”.

Sử dụng nòng súng (tức quân đội) như một công cụ hay tay sai để củng cố và bảo vệ quyền lực đảng phái hay phe nhóm, thay vì phụng sự cho quốc gia dân tộc hay tổ quốc, theo khuynh hướng của các chế độ cộng sản, là nguyên nhân các tập thể quân đội cộng sản trở nên những chướng ngại lớn lao cho tiến trình dân chủ hóa.

Trong các quốc gia dân chủ chân chính, ý niệm về những quân nhân và quân đội chuyên nghiệp luôn gắn liền với ý niệm quốc gia dân tộc. Chính vì thế trung thành với tổ quốc phải luôn luôn là trách nhiệm tiên quyết của tất cả mọi quân nhân.

(3). Tương quan nghiêm chỉnh giữa người quân nhân và chính quyền dân sự trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính:

Lịch sử nhân loại phát triển qua nhiều giai đoạn và vai trò của quân đội cũng thay đổi theo từng giai đoạn.

a. Giai đoạn bộ lạc:

Chúng ta không cần nhắc tới giai đoạn bộ lạc vì lúc đó quân đội chuyên nghiệp chưa hình thành. Tuy nhiên vào giai đoạn phong kiến (feudalism) thì quân đội có khuynh hướng trung thành với những lãnh chúa hoặc vương tử lãnh đạo các tiểu quốc chư hầu, trong khi ý niệm quốc gia, dưới sự lãnh đạo của một thiên tử từ xa chưa mạnh, và ái quốc còn là một ý niệm xa vời.

b. Giai đoạn quân chủ chuyên chế:

Sau đó, vào giai đoạn quân chủ chuyên chế (absolute monarchy), như Tần Thủy Hoàng tại Trung Hoa (259-210 TCN), Alexander the Great tại Hy Lạp (356-323 TCN) và Caesar Augustus tại đế quốc La Mã (27 TCN-14 CN), thì quân đội trên nguyên tắc trung thành với quốc gia, nhưng trên thực tế tuyệt đối trung thành với đế chế và cá nhân hoàng đế.

c. Giai đoạn dân chủ:

Khi nhân loại bước vào giai đoạn dân chủ (democracy) hiến định, pháp trị và đa nguyên thì vai trò của quân đội cũng thay đổi theo.

Trước hết, hầu như tất cả mọi hiến pháp dân chủ đều hiến định hóa vai trò của quân đội và đặt quân đội dưới quyền một nguyên thủ quốc gia, hoặc một chính quyền dân sự.

Sau đó, quân đội như một định chế, hoặc cá nhân người lính, đều phải sinh hoạt trong vòng kèm tỏa của luật pháp. Tuy có thể có những tòa án quân sự vì tính chuyên môn khi các quân nhân vi phạm quân kỷ hoặc pháp luật, nhưng các tòa án này vẫn chịu sự giám sát của một Tối Cao Pháp Viện dân sự, và những quân nhân can án hình sự vẫn chịu sự chế tài như tất cả những công dân khác.

Tiếp theo, vì yếu tính đa nguyên của môi trường chính trị, quân đội không không những không cần, mà thực ra không được phép trung thành với bất cứ một triều đại, đảng phái, hoặc phe nhóm nào. Bất cứ cá nhân, chính đảng, phe nhóm nào, được người dân tín nhiệm, trong một cuộc bầu cử công khai và công bằng, đều được nắm quyền. Tập thể quân đội luôn tôn trọng quyết định của người dân. Quân đội chỉ trung thành với tổ quốc và bảo vệ hiến pháp. Họ sẽ chấp hành mệnh lệnh của bất cứ chính quyền hợp hiến nào.

d. Vai trò của người quân nhân chân chính trong giai đoạn chuyển tiếp dân chủ:

Nhìn lại lịch sử nhân loại, giai đoạn chuyển tiếp từ đế quyền chuyên chế (absolute monarchy) sang giai đoạn dân chủ (democracy) là thời điểm hàm chứa nhiều thử thách nhất cho các quân nhân. Trong giai đoạn này, sự tinh trí, tự chế và liêm chính con tim của người quân nhân sẽ quyết định vận mệnh của cả dân tộc. Giai đoạn chuyển tiếp từ một chế độ độc tài theo mô hình Phát Xít (fascism), hoặc Quốc Xã (National socialism), hoặc Cộng Sản (communism), hoặc giáo phiệt (religious fundamentalism) sang dân chủ (democracy) cũng hàm chứa nhiều thử thách tương tự. Lý do chính là vì các hình thức chuyên chế, tuy phản dân chủ, nhưng tương đối ổn định bề mặt (prima facie stability). Giai đoạn chuyển tiếp sang dân chủ hàm chứa khả năng đem lại nhiều sự bất ổn chính trị và xã hội. Các tướng lĩnh có tham vọng luôn viện có nhu cầu ổn định xã hội hầu đảo chánh và cướp chính quyền.

Lịch sử cho chúng ta hàng trăm bài học cho giai đoạn này. Tuy nhiên dân tộc Việt chúng ta có

thể học hỏi nhiều khi so sánh các hiện tượng lịch sử sau đây:

- **Trường hợp thứ nhất xảy ra tại Hoa Kỳ:**

Liên quân các tiểu bang chống đế quốc Anh, lúc đó bị đế quyền cai trị như những thuộc địa, dưới sự thống lãnh của Tướng George Washington, trong cuộc chiến giành độc lập (1775-1783), đã chiến thắng quân viễn chinh của Đế Quốc Anh. Tướng George Washington lúc đó, nếu nhiều tham vọng, có thể cướp chính quyền và thậm chí thành lập đế chế, sau đó lên ngôi hoàng đế như Viên Thế Khải tại Trung Hoa sau cuộc cách mạng 1911 của Tôn Dật Tiên. Tuy nhiên vị tướng khả kính này đã biết tự chế. Ông được mọi phe phái và toàn dân ủng hộ làm tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ. Ông cũng chỉ chấp nhận làm tổng thống 2 nhiệm kỳ mà thôi. Hiến pháp dân chủ thành văn đầu tiên của nhân loại là hiến pháp Hoa Kỳ được hợp thức hóa năm 1788 và có hiệu lực năm 1789. Hiến pháp này hiến định hóa nhiều quan điểm quan trọng của các tư tưởng gia Âu Châu, đặc biệt là Montesquieu với quan điểm tam quyền phân lập. Hiến pháp này cũng phân biệt ranh giới giữa thế quyền và giáo quyền (separation between church and state) và đặt quân đội dưới quyền điều khiển của chính quyền dân sự.

- **Trường hợp cuộc cách mạng Pháp 1789:**

Trong khi đó, tại vùng đất khai sinh quan điểm tam quyền phân lập của Montesquieu là Pháp Quốc, thì cuộc cách mạng 1789, tuy khởi đầu với nhiều bạo động, máu và nước mắt, nhưng hàm chứa những tư tưởng dân chủ khai phóng nhất, đã bị quân đội, dưới sự lãnh đạo của vị tướng lãnh và thiên tài quân sự Napoleon (Nã Phá Luân) thanh toán, hầu tái thiết đế quyền dưới sự thống lãnh của ông. Có thể nói rằng Napoleon là vị tướng đứng lên đảo chánh và cướp chính quyền tiêu biểu của lịch sử cận kim. Quân đội vốn là một công cụ quyền lực tuyệt vời, và tự cổ chí kim nhiều tướng lãnh không cưỡng nổi sự cám dỗ của nó. Kết quả là Âu Châu chìm trong khói lửa (1799-1815) và dân chủ đến với dân tộc Pháp chậm trễ hơn Hoa Kỳ nhiều thập niên sau đó (1848).

Cựu tổng thống Hoa Kỳ Thomas Jefferson, trong bài diễn văn nhậm chức năm 1801 tuyên bố như sau:

“Chính quyền dân sự tuyệt đối điều hành quân đội và tôi xem đây chính là một trong những nguyên tắc căn bản của chính quyền chúng ta...”

(“The supremacy of the civil over the military authority I deem [one of] the essential principles of our Government...”)

Quan điểm trên của Thomas Jefferson tóm lược toàn diện vị trí của quân đội và các quân nhân, trong môi trường một nền dân chủ chân chính.

- **Cuộc cách mạng Bolshevik 1917 tại Nga:**

Một nhân vật lịch sử quan trọng là Vadimir Illitch Lê Nin học hỏi rất nhiều từ bài học của cuộc cách mạng Pháp, nhất là vai trò của quân đội. Tuy nhiên giải pháp về vai trò quân đội của Lê Nin còn trì hoãn tiến trình chuyển tiếp từ độc tài chuyên chế sang dân chủ hơn những cuộc đảo chánh của quân đội rất nhiều. Quân đội Liên Bang Xô Viết bị đảng CSLX khống chế toàn diện

và chỉ trung thành với đảng. Thật vậy, một trong những ý niệm chỉ đạo của chủ thuyết Mác Lê là quan điểm chuyên chính vô sản (dictatorship of the proletariat). Lập luận của Lê Nin là: vì đảng đại diện cho giai cấp vô sản, nên đảng trở thành định chế chuyên chính duy nhất, không phải là quân đội. Cũng theo lập luận của Lê Nin thì, nếu đảng là chuyên chính (tức độc tài) thì trong tương quan giữa đảng và quân đội, đảng phải là cứu cánh và quân đội chỉ là phương tiện. Cái khó của Lê Nin là: nếu quân đội là sức mạnh thuần túy và bạo lực thuần túy qua lịch sử loài người, thì lực lượng nào có thể kiểm soát quân đội?

Giải pháp của Lê Nin là: công an mật vụ là lực lượng duy nhất có thể không chế quân đội.

Lý do là vì các quân nhân chuyên nghiệp, tuy là thành phần của một tập thể có nhiều quyền lực, nhưng quyền lực của họ chỉ phát huy tột đỉnh trên chiến trường, có chiến thuật chiến lược. Trong những hành lang tối tăm của chính trị, họ không thể đối phó với công an mật vụ, vốn là những sát thủ chuyên nghiệp và phi nguyên tắc. Lê Nin ý thức triệt để yếu điểm này và xây dựng một hệ thống công an mật vụ không lồ, một mặt đàn áp và tiêu diệt mọi đối lập chính trị, mặt khác kiểm soát quân đội tuyệt đối. Hầu kiểm soát tuyệt đối, đảng CSLX có một đội ngũ chính ủy, theo sát các tướng lãnh và các đơn vị trưởng của Hồng Quân Liên Xô. Bất cứ tướng lãnh hoặc sĩ quan quân đội nào bị nghi ngờ, đều bị báo cáo và công an mật vụ sẽ thanh toán một cách dã man chớp nhoáng.

Đảng CSVN được tổ chức theo mô hình của Liên Xô, chính vì thế những kẻ nắm công an mật vụ như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, thừa sinh tiền, mặc dù vai vế và uy tín kém xa Đại Tướng Võ Nguyên Giáp, vẫn dư thừa khả năng hạ nhục vị tướng này không chút nương tay.

e. Trách nhiệm dân chủ hóa đất nước cao cả của những quân nhân Việt Nam trong thế kỷ 21 là gì?

Thế kỷ 21, ngoài là kỷ nguyên của tin học, còn là kỷ nguyên của sự thăng hoa tuyệt đỉnh cho quan điểm dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên.

Lịch sử đã chứng minh rằng nếu quan điểm dân chủ là cứu cánh của một dân tộc thì giai đoạn chuyển tiếp sang chế độ dân chủ, từ một chế độ cộng sản, nhiều chông gai và trở lực hơn từ một chế độ quân phiệt rất nhiều.

Nếu chúng ta coi đế chế của Napoleon như một chế độ mang bản chất quân phiệt, thì khoảng 50 năm sau cuộc cách mạng Pháp (1789), nước Pháp bắt đầu có dân chủ (1848). Nam Hàn, Đài Loan, Nam Dương, Thái Lan, Miến Điện và nhiều quốc gia Trung Đông hoặc Bắc Phi cũng mất những khoảng thời gian tương tự trước khi đạt đến dân chủ chân chính.

Tuy nhiên sự chuyển tiếp từ một chế độ cộng sản sang dân chủ gặp nhiều trở lực hơn. Tại Nga và Liên Bang Xô Viết cũ, phải mất 70 năm cộng sản chủ nghĩa mới sụp đổ. Tuy nhiên, chế độ chính trị bây giờ tại Nga chưa là một chế độ dân chủ thực sự. Chỉ có thể gọi chế độ này là một chế độ chuyển tiếp sang thể chế dân chủ tương lai mà thôi. Muốn đạt đến dân chủ thực sự như tại Tây Âu, có lẽ Nga Xô cần khoảng 10 đến 20 năm nữa.

Trung Quốc và Việt Nam hiện giờ vẫn là CS chuyên chính và chưa có dấu hiệu chuyển tiếp

sang dân chủ. Các chính quyền CS liên hệ trở thành những định chế quyền lực bảo thủ lớn lao. Trừ khi bị quân chúng đứng lên lật đổ, không hề có xác xuất có những cải tổ dân chủ chân chính. Bắc Hàn cho tới ngày hôm nay vẫn là một chế độ CS theo truyền thống hà khắc của Stalin. Tại các nước Đông Âu, từ khi bị Hồng Quân Liên Xô thanh toán năm 1945 đến thập niên 90, đã có những bước tiến dân chủ thực sự. Mông Cổ cũng tương tự.

Một trong những nguyên nhân tiến trình dân chủ hóa đến chậm với các quốc gia CS là vì sự kiểm soát quân đội chặt chẽ qua hệ thống công an mật vụ.

Chính vì thế, trách nhiệm quan trọng của người quân nhân là ý thức về vai trò cao quý của mình đối với tổ quốc. Đó là chỉ trung thành và bảo vệ tổ quốc, không cần và không được phép trung thành hoặc bảo vệ bất cứ một tập thể hoặc cá nhân nào.

Trách nhiệm của tất cả mọi quân nhân, nhất là những quân nhân VN ngày hôm nay, không những là trung thành với tổ quốc, mà còn phải tích cực đứng về phía dân tộc, đối lập với mọi hình thức độc tài và mãi quốc cầu vinh.

Một sự chuyển biến nội tâm hùng mạnh, trong tâm thức của các người quân nhân VN ngày hôm nay, đứng hẳn về phía dân tộc, như các quân nhân Hoa Kỳ, Anh Quốc, Âu Châu, Úc Đại Lợi, sẽ gia tốc tiến trình dân chủ hóa đất nước và những người quân nhân chân chính sẽ có địa vị tôn quý trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên của một nước Việt Nam tương lai.

Người quân nhân, trong giai đoạn chuyển tiếp sang một chế độ dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên, còn có trách nhiệm ổn định trị an xã hội, hầu tiến trình dân chủ hóa có thể được hoàn tất trong thời gian ngắn nhất và không đổ máu của đồng bào.

Muốn như thế, lòng ái quốc, quyết tâm đập tan mọi định chế độc tài, tôn trọng những giá trị dân chủ và nhân quyền nền tảng, trí tuệ và sự tự chế bản thân, phải là những hành trang quý báu nhất của người quân nhân Việt Nam chân chính của tương lai.

I. Đề nghị cải tổ hệ thống quân đội:

Việt Nam không phải là một nước nhỏ và sẽ không mãi mãi là một quốc gia nhược tiểu. Vị trí của đất nước trong môi trường địa chính trị toàn cầu rất hệ trọng cho hòa bình và an ninh thế giới. Chúng ta phải xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh vào bậc nhất thế giới, hầu bảo vệ tổ quốc và cảnh cáo tất cả những kẻ thù tiềm năng của dân tộc. Ngoài ra, chúng ta còn là một dân tộc văn hiến sẵn sàng hòa mình vào những bảng giá trị nhân bản của thời đại. Chính vì thế chúng ta sẽ cải tổ hệ thống quân đội như sau:

1. Trên bình diện chiến lược, ngân sách quốc phòng phải tăng đáng kể:

Khi chúng ta duyệt xét ngân sách quốc phòng của những quốc gia phải đối diện với những kẻ thù bá quyền như Đài Loan và Poland, chúng ta nhận thấy ngay rằng Đài Loan chi khoảng 2,1% (\$18,9 tỷ) ngân sách cho quốc phòng và Balan khoảng 2,37% (\$15,1) năm 2022. Trong khi đó Việt Nam chi khoảng 2% và các con số thay đổi tùy theo nguồn từ \$6.4 đến \$7.8 tỷ. Sự sai biệt lớn lao giữa Việt Nam và Đài Loan cũng như Poland là vì sự yếu kém về kinh tế. Chính vì thế, trong hoàn cảnh hiện tại, chúng ta phải tăng ngân sách quân sự lên đến 4% ngân

sách và khi nền kinh tế quốc gia phát triển ngang bằng Đài Loan và Poland, thì vẫn giữ ở mức tối thiểu là 3% vì vị thế địa chính trị đặc thù của Việt Nam.

2. Trên bình diện binh pháp:

Chiến tranh nhân dân và du kích chiến theo binh pháp Mao Trạch Đông không còn áp dụng thực tế cho thời đại mới. Quân đội chúng ta trong tương lai phải buông bỏ binh pháp Mao Trạch Đông và học hỏi binh pháp hiện đại từ Hoa Kỳ, nhất là binh pháp của Hoa Kỳ đã được ứng dụng thực tế tại các quốc gia đang đối đầu với TQ như Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan.

3. Hiện đại hóa Hải Lục Không Quân:

Công tác hiện đại hóa phải chú trọng vào các vũ khí phẩm chất cao của Hoa Kỳ và các nước tây phương, từng bước đào thải vũ khí của Nga và TQ vì phẩm chất kém. Thêm vào đó, phải xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh, bao gồm cả tàu sân bay hầu để có thể tuần tra trên vùng biển mệnh mông của đất nước, cảnh báo răn đe tất cả những kẻ có dã tâm bá quyền đối với chúng ta. Dĩ nhiên kỹ nghệ quốc phòng và sản xuất vũ khí nội tại của quốc gia cần phải được phát huy tốt đỉnh, theo gương của Nam Hàn.

4. Phân biệt giữa quốc phòng và trị an:

Trong một nền dân chủ chân chính, chúng ta phải phân biệt biên giới giữa trách nhiệm quốc phòng và trách nhiệm trị an xã hội. Cả 2 trách nhiệm đều cao cả và quan trọng như nhau. Tuy nhiên mỗi trọng trách đáp ứng một nhu cầu khác nhau của tổ quốc. Một sắc luật quốc phòng mới chiếu theo tân hiến pháp (Chẳng hạn Điều 37 (2) về thẩm quyền quốc phòng của chính quyền trung ương của mẫu hiến pháp theo Phụ Đính “A” của sách lược này), sẽ minh thị trao cho quân đội, và chỉ có quân đội mà thôi, nhiệm vụ cao cả là bảo vệ tổ quốc, chống ngoại xâm. Quân đội sẽ giữ vai trò cao cả này, vượt lên trên mọi tranh chấp ý thức hệ và chính trị, sẽ là một quân đội chuyên nghiệp, hiện đại và tuân thủ mệnh lệnh từ một vị tổng tư lệnh dân cử như tổng thống trong những quốc gia dân chủ chân chính.

5. Đứng về phía nhân dân và chống lại mọi hình thức độc tài:

Luật pháp sẽ minh thị quy định cho cá nhân các quân nhân cũng như tập thể quân đội trong một nước Việt Nam dân chủ tương lai là: ngoài sự dũng cảm trên chiến trường để bảo vệ tổ quốc, người quân nhân còn có trách nhiệm quan trọng hơn là: **sống và thể hiện trong mọi tình huống những giá trị nhân bản cốt lõi của dân tộc Việt. Đó chính là chặn đứng độc tài, đứng về phía nhân dân, trân trọng sinh mạng và nhân phẩm của từng cá nhân con dân nước Việt.**

6. Đạo đức của quân nhân:

Nhu cầu của một quy chế về đạo đức và nguyên tắc hành xử (code of moral and ethical conduct) cho những quân nhân sẽ được ban hành và luật hóa. Trong những chế độ độc tài độc đảng, sự tham ô và thối nát trong các định chế rường cột là không tránh khỏi. Hệ thống quân đội VN cũng thế. Sự tham nhũng tràn lan trong quân đội CSTQ nhất là trong lực lượng phi đạn vô cùng quan trọng để xâm chiếm Đài Loan (các phi đạn chứa đầy nước thay vì nhiên liệu) theo TTX Bloomberg, dĩ nhiên cũng hiện diện tương tự tại VN, làm suy yếu tiềm năng quốc phòng. Những quân nhân chân chính luôn hoan hỉ chấp nhận quy chế này.

7. Cải tổ hệ thống Tòa Án Quân Sự:

Hệ thống tòa án quân sự sẽ được cải tổ theo các nguyên tắc sau đây:

- a. Bản chất của tòa phải là chuyên nghiệp và phi chính trị.
- b. Các thẩm phán không thể là quân nhân hiện dịch vì không đủ tinh thần độc lập, đi ngược với tinh thần của HP.
- c. Các thẩm phán phải có sự hiểu biết về quân đội nhưng không lệ thuộc vào quân đội.
- d. Quy ước về nguyên tắc hành xử của quân nhân cập nhật của thời đại sẽ được soạn thảo và được luật hóa.
- e. Các quân nhân vi phạm các tội hình sự trong bộ luật hình sự sẽ bị truy tố như những người dân bình thường, tuy nhiên cơ quan tài phán sẽ là tòa quân sự thay vì tòa án bình thường.
- f. Ngoài ra quân nhân vi phạm quân kỷ và những tội liên hệ đến luật quân đội cũng sẽ bị truy tố và cơ quan tài phán sẽ là tòa quân sự.
- g. Các bị cáo hay nguyên cáo có quyền kháng cáo lên Tối Cao Pháp Viện Hoặc Tòa Án Tối Cao như cơ quan tài phán chung thẩm.
- h. Các tòa án quân sự các cấp sẽ có 2 loại thẩm quyền chính:
 - (i) Thẩm quyền quân kỷ và hình sự: khi các quân nhân vi phạm quân kỷ và các tội hình luật.
 - (ii) Thẩm quyền về các tranh tụng có tính hành chính như thăng cấp, sa thải hoặc lương bổng và các phúc lợi khác của quân nhân.

Hệ thống thứ tư:

Sách lược cải tổ hệ thống tri-an bao gồm cảnh sát và công an (The public security system)

I. Vai trò cai trị của công an:

Các quốc gia trên địa cầu, từ đông sang tây, đều có hai nhu cầu căn bản: đó là quốc phòng và trị an. Quân đội có trách nhiệm quốc phòng và công an cảnh sát có trách nhiệm trị an.

Trong một nước dân chủ như Hoa Kỳ, chịu ảnh hưởng của các tư tưởng gia khai quốc công thần, đặc biệt là Samuel Adams (1722-1803) và Alexander Hamilton (1755-1804) thì quân đội chịu sự điều khiển của một chính quyền dân sự. Tổng thống Hoa Kỳ là tổng tư lệnh quân lực (commander-in-chief) của các lực lượng vũ trang Hoa Kỳ. Các lực lượng an ninh từ tiểu bang đến Liên Bang như cảnh sát tiểu bang, cảnh sát liên bang hoặc FBI cũng chịu quyền điều khiển của các chính quyền dân cử các cấp.

Các quốc gia dân chủ trên thế giới, từ tổng thống chế như Hoa Kỳ, đến quốc hội chế như Anh Quốc, hoặc mô thức hỗn hợp như Pháp, đều chấp nhận nguyên tắc các lực lượng vũ trang và an ninh phải chịu sự điều khiển của chính quyền dân sự, được nhân dân bầu lên, trong một cuộc tranh cử dân chủ đa đảng.

Trong các nước dân chủ thì có sự cộng sinh giữa nhiều chính đảng và lực lượng chính trị khác nhau, luân phiên nắm quyền qua các cuộc bầu cử tự do và trong sáng. Dù chính quyền có thay đổi thì các lực lượng quân đội và an ninh vẫn phải phục tùng chính quyền tân lập, triệt để thuận theo lòng dân. Quân đội và các lực lượng an ninh không trung thành với bất cứ một cá nhân hoặc đảng phái nào. Họ chỉ trung thành và bảo vệ tổ quốc, qua sự quy định của một bản hiến pháp dân chủ thực sự.

Tuy nhiên, trong một thể chế độc tài thì vai trò của quân đội và công an không còn là trung thành và bảo vệ tổ quốc nữa. Lý do là vì, hơn ai hết, các chế độ độc tài ý thức toàn diện vai trò của quân đội và công an như là những phương tiện tuyệt vời để cướp chính quyền và nắm giữ chính quyền lâu dài.

Trong lịch sử loài người, các chính quyền độc tài, ngay từ thừa bình minh của nhân loại, đều thiện nghệ trong việc duy trì quyền lực độc tôn của mình bằng hai phương tiện chính. Đó là quân đội và công an.

Dĩ nhiên còn rất nhiều phương tiện khác các chế độ này sử dụng. Chẳng hạn kiểm soát thông tin, giới hạn sự đi lại, nghiêm cấm không được tụ tập mà không có xin phép hoặc được cho phép trước, hệ thống tòa án hoàn toàn do hành pháp kiểm soát, suy tôn và thần tượng hóa lãnh tụ v.v..

Tuy nhiên quân đội và công an là những phương tiện chính và được Đức Quốc Xã, dưới sự lãnh đạo của nhà độc tài khét tiếng Hitler, rèn luyện và sử dụng tuyệt luân. Quân đội Đức (Wehrmacht) là công cụ hùng mạnh để Hitler xâm chiếm các nước Âu Châu khác, xây dựng bá quyền. Công an mật vụ vũ trang (các lực lượng SS, SA và Gestapo) được sử dụng, không những để kiểm soát dân chúng và mọi thành phần khác của xã hội dân sự, mà không kém phần

quan trọng, là để kiểm soát quân đội và các tướng lĩnh có tham vọng khác.

Tuy nhiên, không có chế độ độc tài nào sử dụng công an sâu sắc và hiệu năng, để duy trì quyền lực lâu dài bằng hai nhân vật trùm cộng sản là Lê Nin (lực lượng mật vụ Cheka) và Stalin (lực lượng mật vụ KGB). Tuy Lê Nin là người tiên phong trên phương diện độc tài chuyên chính, nhưng Stalin mới là kẻ mài dũa phương thức đến độ lạnh lùng, tàn khốc chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Hitler giết 6 triệu người Do Thái vô tội qua các lực lượng an ninh, trong khi Stalin giết 20 triệu người Nga vô tội qua mật thám Xô Viết. Các chính quyền cộng sản trên thế giới, từ Trung Quốc, Bắc Hàn đến Việt Nam đều thừa hưởng truyền thống cai trị bằng công an này.

Đảng CSVN thừa hưởng di sản của Stalin và Lê Nin. Chính vì thế chế độ CSVN còn có thể gọi là một chế độ công an trị đúng nghĩa.

II. Vị trí hiến định của công an:

Đảng CSVN ý thức hơn ai hết vai trò quan trọng của công an nên Hiến Pháp 2013 đã minh thị hiến định hóa công an như một trong 2 định chế “Bảo vệ tổ quốc” trong cùng một chương IV của hiến pháp và công an không phải là một lực lượng “bán vũ trang” như tại các quốc gia dân chủ, mà là một lực lượng vũ trang ngang hàng với quân đội.

Thật vậy, Chương IV (Bảo vệ tổ quốc), Điều 67 ghi rõ:

“Nhà nước xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.”

Điều 68 ghi thêm:

“Nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân; xây dựng công nghiệp quốc phòng, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ, công nhân, viên chức phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc”.

Tóm lại, đảng CSVN chủ trương tổ chức công an, không phải như một lực lượng trị an (law enforcement) trang bị vũ khí nhẹ như những quốc gia dân chủ chân chính, mà như một lực lượng quân sự mạnh và trang bị cho công an những vũ khí hiện đại nhất, hầu đàn áp mọi cá nhân, phe nhóm đối lập, phát xuất từ nhân dân và xã hội dân sự.

Thêm vào đó, trong các chế độ dân chủ chân chính, khái niệm bảo vệ trị an phải là một khái niệm đem lại phúc lợi cho người dân, không phải cai trị họ bằng bàn tay sắt. Một chính quyền nghiêm chỉnh không thể sử dụng định chế công an như một vũ khí đánh dân như kẻ tử thù trên trận địa.

Trì an như một trách nhiệm, không thể là thành phần cấu trúc của phạm trù “Bảo vệ tổ quốc”. Phạm trù này riêng của quân đội như là lực lượng vũ trang chân chính, chống ngoại xâm.

Nhân dân phải là đối tượng phục vụ của mọi chính quyền chân chính, không phải là kẻ thù không đội trời chung của chính quyền như giặc ngoại xâm.

III. Hiện trạng công an:

Theo Wikipedia từ (1) đến (5) dưới đây:

“(1). Tổng quát:

Công an CSVN được thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1945 (de facto). Khẩu hiệu là “Bảo vệ An ninh Tổ quốc”

Bộ trưởng đầu tiên là Nguyễn Dương (Công an vụ), Trần Quốc Hoàn (Bộ Công an)

Địa chỉ: Phía Bắc (Trụ sở chính phía Bắc):

- Số 30 Trần Bình Trọng, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Số 47 đường Phạm Văn Đồng, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thủ đô Hà Nội, nước Việt Nam.

Phía Nam (Cơ sở phía nam):

- Số 258 đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 01, thành phố Hồ Chí Minh - Sài Gòn, nước Việt Nam.

Website www.mps.gov.vn

(2) Lãnh đạo:

Hệ thống đảng cấp lãnh đạo (từ mật vụ đến chính trị như hệ thống đảng ủy trong ngành công an)

Bộ trưởng đương nhiệm, Lãnh đạo đương nhiệm: Đại tướng Tô Lâm từ 9 tháng 4 năm 2016

Bổ nhiệm bởi: Chủ tịch nước Việt Nam

Nhiệm kỳ: 5 năm

Thứ trưởng: Trần Quốc Tỏ, Lương Tam Quang, Nguyễn Duy Ngọc,

Lê Quốc Hùng, Lê Văn Tuyền, Nguyễn Văn Long, Thứ trưởng Bộ Công an

(3). Nhân số trong ngành công an

- Nhân lực mỗi ngành công an

Lực lượng chính quy: không công bố

Lực lượng bán chuyên trách: 2.000.000 người

Sĩ quan cấp tướng: không quá 199

(4). Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân gồm những lực lượng nào?

Theo quy định tại Điều 17 Luật Công an nhân dân, hệ thống tổ chức của Công an nhân dân bao gồm:

- Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;
- Công an xã, phường, thị trấn.

Trong đó, Công an nhân dân chia thành 02 lực lượng là Cảnh sát nhân dân và An ninh nhân dân.

(5). Quy định luật pháp về Công An

a. Công an nhân dân là gì?

Điều 3 Luật Công an nhân dân 2018 nêu rõ:

“Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.”

b. Đảng lãnh đạo công an trực tiếp

Trong đó, Điều 4 Luật này quy định, Công an nhân dân được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:

- **Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng**, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Được tổ chức một cách tập trung, thống nhất, chuyên sâu, tinh gọn và tổ chức theo cấp hành chính từ trung ương đến cơ sở.

c. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân

Điều 16 Luật Công an nhân dân quy định, lực lượng Công an nhân dân có nhiệm vụ và quyền hạn quan trọng sau:

- Thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình và đề xuất với các cơ quan của Đảng, Nhà nước chỉ đạo đường lối, chính sách, pháp luật, chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội...

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia...

- Thực hiện hoạt động tình báo.

- Bảo vệ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, bảo vệ khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam; bảo vệ sự kiện về chính trị quan trọng...

- Quản lý về an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam...

- Quản lý an ninh mạng và phòng, chống tội phạm mạng.
- Quản lý về điều tra và phòng, chống tội phạm.
- Quản lý về thi hành án hình sự.
- Quản lý về xử phạt, xử lý vi phạm hành chính.
- Quản lý về cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân, con dấu, an toàn giao thông, trật tự công cộng, vũ khí, vật liệu nổ, phòng cháy, chữa cháy, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện...
- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”

d. Hệ thống cấp bậc, quân hàm trong công an nhân dân

Theo Website Công Ty Luật ACC (1 tin nhắn mới (accgroup.vn) Hệ thống cấp bậc, quân hàm trong ngành CAND được quy định tại Điều 20, 21 Luật Công an nhân dân năm 2018 như sau:

- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ:

Sĩ quan cấp tướng: Đại tướng, Thượng tướng, Trung tướng, Thiếu tướng

Sĩ quan cấp tá: Đại tá, Thượng tá, Trung tá, Thiếu tá

Sĩ quan cấp úy: Đại úy, Thượng úy, Trung úy, Thiếu úy

Hạ sĩ quan: Thượng sĩ, Trung sĩ

- Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật:

Sĩ quan cấp tá: Thượng tá, Trung tá, Thiếu tá

Sĩ quan cấp úy: Đại úy, Thượng úy, Trung úy, Thiếu úy

Hạ sĩ quan: Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ:

Hạ sĩ quan nghĩa vụ: Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ

Chiến sĩ nghĩa vụ: Binh nhất, Binh nhì.”

Kết luận: Trên phương diện cấp bậc, hệ thống công an CSVN theo mô hình LBXV và tổ chức như một lực lượng vũ trang ngang hàng với quân đội. Cũng chính vì thế vai trò của Công An CSVN được hiến định hóa trong Chương IV (Bảo Vệ Tổ Quốc) cùng với quân đội và như nêu trên Công an chịu sự điều khiển trực tiếp của đảng CSVN, một điều không thể xảy ra cho bất cứ một chính đảng nào trong một chế độ dân chủ chân chính.

IV. “Quân số” ngành công an là một bí mật quốc gia:

Chế độ CSVN là một trong những chính quyền hiếm hoi không minh bạch hóa nhân số ngành công an, mặc dù đây là một trong những cơ quan chính quyền lớn nhất nước.

Theo Wikipedia thì ngân sách cho Bộ Công An năm 2021 là 4,19 tỷ Mỹ Kim. Nhân số công an chính quy giữ bí mật. Nhân số công an bán chuyên trách là 2 triệu. Những con số trên rất khó tin.

Tính thiếu minh bạch trong hệ thống công an và tính thiếu khả tín của những con số chính thức về ngân sách cũng như 2 triệu công an bán chuyên trách, làm chúng ta khó có cơ sở để góp ý hoặc phê phán như trong các quốc gia dân chủ.

V. Tại sao cùng là lực lượng vũ trang được ghi nhận trong Chương IV Hiến Pháp như lực lượng “Bảo Vệ Tổ Quốc” mà Quân đội CSVN lại lép vế so với Công an?

Trước hết chúng ta nhận xét ngay rằng, tuy hiện giờ CSVN tôn CSTQ là quan thầy, nhưng trong tương quan giữa quân đội và công an thì quân đội CSTQ giữ vai trò vượt trội hệ thống công an. Các cấp bậc chính thức trong công an TQ không rập khuôn quân đội, như công an Việt nam. Tuy công an TQ cũng giữ vai trò kiểm soát nhân dân, nhưng uy tín thấp hơn quân đội rất nhiều.

Tình trạng tại Việt Nam thì ngược lại. Bộ trưởng công an Tô Lâm và guồng máy công an hầu như làm lu mờ quân đội và mọi khía cạnh khác của bộ máy công quyền. Chỉ cần nhìn vào con số 2 triệu công an bán chuyên trách mà Tô Lâm thừa nhận là chúng ta đã thấy choáng ngợp rồi.

Lý do thế mạnh của công an nằm nơi lịch sử hình thành của 2 đảng CS bề mặt là “anh em” này.

Khi chúng ta duyệt lại lịch sử thành lập các đảng CSVN (1930) và CSTQ (1921) thì chúng ta nhận xét ngay rằng đảng CSVN ngay từ đầu đã lệ thuộc rất nhiều vào Đệ Tam Quốc Tế dưới sự lãnh đạo của đảng CS Liên Xô. Ở điểm này, CSVN và CSTQ hoàn toàn khác nhau.

Khi mới thành lập thì người CSVN lấy tên là đảng Cộng Sản Việt Nam. Tuy nhiên sau đó thì theo chỉ thị của CS Liên Xô, Ông Hồ Chí Minh phải đổi tên lại là Đảng CS Đông Dương, bao gồm Lào và Cam Bốt. Điều này cho chúng ta thấy rằng, ngay từ những thập niên 30, CSLX đã e dè CSTQ và muốn đàn em của mình là CSVN phải ảnh hưởng đến Lào và Cam Bốt để giới hạn sự bành trướng của TQ.

Dĩ nhiên trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam (1962-1975), Ông Hồ Chí Minh được sự viện trợ của cả 2 đàn anh qua chính sách đu dây khéo léo. Tuy nhiên ảnh hưởng của CSLX vẫn vượt trội CSTQ cho đến ngày Liên Bang Xô Viết sụp đổ.

Tuy cùng là độc tài chuyên chính vô sản, nhưng có những sự khác biệt cơ bản trong phương thức cai trị độc tài của hai đảng đàn anh không lồ trên.

Trước hết, trước khi cuộc cách mạng Bolshevik thành công tại Nga năm 1917, thì Nga Hoàng cai trị đế quốc Nga bằng một bộ máy công an sắt máu. Chính Lê Nin là người chịu nhiều khốn đốn vì guồng máy công an của Nga Hoàng. Ngay sau khi vừa cướp được chính quyền năm 1917, việc đầu tiên của Lê Nin là giao cho Felix Dzerzhinsky trách nhiệm thành lập một hệ thống mật vụ siêu quyền lực, tuyệt đối trung thành với ông và có trách nhiệm đè bẹp tất cả mọi đối lập bằng tất cả mọi phương tiện dù là bá đạo nhất.

CSXV là một chế độ CS mang tính công an trị. Yếu tính này được chứng minh nổi bật khi chúng ta duyệt lại tranh chấp nội bộ giữa Stalin và Trotsky sau khi Lê Nin qua đời (1924).

Trotsky không những đã là Bộ Trưởng Quốc Phòng (1918-1925) mà còn chính là người được Lê Nin giao cho trách nhiệm sáng lập và chỉ huy hồng quân Liên Xô. Trotsky cũng được công nhận là lý thuyết gia CS sáng giá nhất sau Lê Nin.

Trong khi đó Stalin là tổng bí thư đảng, lúc đó chưa phải là một chức vụ tối quan trọng vì Lê Nin giữ chức vụ tương đương chủ tịch nước (tức Hội Đồng Bộ Trưởng- Council of People's Commissars) và uy tín của Lê Nin bao trùm đảng và nhà nước. Tuy nhiên Stalin kiểm soát mật vụ KGB. Qua mật vụ KGB, Stalin đã đánh bật Trotsky ra khỏi trung tâm quyền lực. Cuối cùng Trotsky phải lưu vong và bị KGB ám sát tại Mỹ Tây Cơ.

Vì thế, theo mô hình Liên Xô thì kẻ nào nắm được mật vụ KGB sẽ nắm được đảng và quyền lực tuyệt đối.

Trong khi đó, tình hình tại Trung Quốc khác hẳn. Đảng CSTQ sống còn và vươn lên trong khung cảnh hai cuộc chiến đẫm máu. Đó là, một mặt, cuộc nội chiến quốc cộng giữa Đảng CSTQ và Trung Hoa Quốc Dân Đảng dưới sự lãnh đạo của Tưởng Giới Thạch. Mặt kia là cuộc chiến chống lại sự xâm lăng của Nhật Bản chiếm cứ Mãn Châu và nhiều cứ điểm khác.

Sau khi đảng CSTQ được thành lập, Stalin cũng đã gọi rất nhiều cán bộ do CSLX huấn luyện để tranh giành quyền lực trong nội bộ đảng CSTQ với mục đích loại Mao Trạch Đông và phe nhóm của ông ra khỏi trung tâm quyền lực. Tuy nhiên Mao Trạch Đông, ngoài sự kiện là một tư tưởng gia có nhiều sáng tạo, ông còn là một thiên tài quân sự. Ông đã chỉ huy cuộc vận lý trường chinh lịch sử, thoát khỏi sự truy kích của Tưởng Giới Thạch, xây dựng cơ sở, củng cố quân lực, góp phần vào việc đánh đuổi quân đội Nhật và sau cùng chiến thắng Tưởng Giới Thạch, thống trị lục địa Trung Quốc. Dĩ nhiên Mao Trạch Đông cũng không quên thanh trừng và tận diệt bè phái do Stalin cấy vào nội bộ CSTQ.

Trong cuộc vận lý trường chinh, ông thường được gọi là Mao Chủ Tịch, không phải vì ông là chủ tịch đảng, hoặc chủ tịch nhà nước, vì lúc đó chưa có 2 chức vụ này. Ông được gọi là Mao Chủ Tịch vì Ông là chủ tịch Ủy Ban Quân Quản Trung Ương (UBQQTU), hoặc Quân Ủy Trung Ương, tương đương với chức vụ tổng tư lệnh quân lực ngày hôm nay.

Chính vì truyền thống này, căn bản quyền lực của hai đảng CSTQ và đảng CSLX hoàn toàn khác nhau.

Trong đảng CSTQ, kẻ nào nắm được quân đội sẽ nắm được đảng và sau đó chính quyền. Công an chỉ là một công cụ phụ thuộc để kiểm soát dân chúng mà thôi.

Chính vì lý do đó, chúng ta thấy Đặng Tiểu Bình, sinh tiền chỉ giữ một chức vụ phó thủ tướng tương đối khiêm nhượng trong chính quyền, nhưng vẫn được suy tôn là lãnh tụ tối cao (paramount leader), ra lệnh cho Thủ Tướng Lý Bằng và Chủ Tịch Đảng Triệu Tử Dương. Then chốt là vào thời điểm Thiên An Môn 1989, Đặng Tiểu Bình giữ chức vụ chủ tịch Ủy Ban Quân Quản Trung Ương như Mao Trạch Đông đã từng giữ. Cũng trong chức vụ này, họ Đặng đã ra lệnh quân đội đàn áp đẫm máu tại công trường Thiên An Môn, cứu đảng CSTQ.

Các lực lượng quân đội tại thủ đô Bắc Kinh đã từ chối không chịu nghe lệnh. Theo Wikipedia, họ Đặng phải triệu quân đoàn 27 từ miền Bắc Trung Quốc, gần Ngoại Mông về. Các binh sĩ này không nói được thổ ngữ Bắc Kinh, không hiểu được ý dân và bị tuyên truyền phải đàn áp phản loạn. Chính sự thiếu thông cảm giữa các binh sĩ và người dân biểu tình đã cứu chế độ

CSTQ.

Sau khi LBXV sụp đổ, tuy CSVN có xích lại gần TQ, nhưng chỉ là trên phương diện cải tổ kinh tế và ngoại giao. Trên bình diện tương quan quyền lực nội bộ, CSVN vẫn theo mô hình của Liên Xô thừa xưa.

Từ khi thành lập, dưới ảnh hưởng của Liên Xô, các phe công an luôn luôn lấn quyền quân đội. Từ Lê Duẩn, Lê Đức Thọ đến Nguyễn Tấn Dũng, Trần Đại Quang và Tô Lâm đều theo quy luật này. Tướng Lê Khả Phiêu chỉ nắm quyền một thời gian ngắn là bị truất phế.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp lúc sinh tiền và những lận đận buồn cười của ông ta là ví dụ điển hình nhất cho vị trí lép vế của quân đội so với công an trong nội bộ CSVN.

VI. Công an có phải là công cụ vạn năng của một chế độ độc tài hay không?

Thật sự không phải như thế.

Lịch sử các cuộc cách mạng gần nhất của kỷ nguyên tin học cho chúng ta biết rằng:

Có một điểm tương đồng trong mọi cuộc nổi dậy của quần chúng đập đổ độc tài là, tuy các chế độ độc tài có tính công an trị, nhưng mật vụ và công an lại hoàn toàn vắng bóng trong các biến động có tính quần chúng này. Chỉ có quân đội là giữ một vai trò then chốt. Đây là một hiện tượng các chiến lược gia từ Đông sang Tây, và nhất là tại các quốc gia cộng sản đặt biệt lưu ý.

Cuộc cách mạng Mùa Xuân Ả Rập (Arab Spring) (2010-2013) tại các nước Bắc Phi và Trung Đông như Tunisia, Ai Cập (đã thành công), Lybia, Bahrain, Yemen, Marocco, Saudi Arabia ...cho ta các nhận xét sau đây:

1. Các quốc gia này đều độc đảng trên thực tế hoặc trên nguyên tắc, hoặc quân chủ chuyên chế. Các chính quyền đã tại vị từ nhiều thập niên qua mà không có bầu cử tự do. Các cuộc bầu cử phần lớn là gian lận hoặc “đảng cử dân bầu” tương tự Việt Nam. Các quốc hội thông thường là quốc hội bù nhìn cũng tương tự Việt Nam.
2. Có ba thành phần xã hội liên hệ chặt chẽ với nhau và được phân phát của cải vượt lên trên những thành phần xã hội khác: đảng viên (hoặc hoàng gia), giới lãnh đạo quân đội và công an. Những thành phần này giàu có cỡ quốc tế trong những xã hội còn nghèo khổ. Hố sâu giữa người dân lao động, nông dân và 3 thành phần thượng lưu trên ngày càng đậm nét thêm.
3. Dân chúng căm phẫn công an nhiều hơn là căm phẫn quân đội, mặc dầu dân chúng đánh giá quân đội như là yếu tố có tính quyết định cao hơn công an, cho sự thành công hay thất bại của các cuộc cách mạng. Tuy công an là công cụ hữu hiệu để kiểm soát và đàn áp, nhưng một khi dân chúng đã hết sợ và đứng lên, thì công an được đánh giá như không còn khả năng đối phó nữa. Việc đầu tiên dân chúng Liên Xô làm sau khi lật đổ Bát Nhân Bang là đập đổ tượng của Felix Dzerzhinsky, người sáng lập công an mật vụ Cheka và OGPU là tiền thân của KGB.
4. Thực tế cho thấy rằng, mặc dầu quân đội có khả năng đàn áp dân chúng và giải tán biểu tình, nhưng quân đội tại Tunisia và Ai Cập đã đứng hẳn về phía dân tộc và ủng hộ những cải cách dân chủ thay vì tiếp tục trung thành với các thể chế độc tài.
5. Cường độ chống đối chính quyền trong những quốc gia có quá trình cải cách dân chủ thực sự (Marocco, Jordan) thấp hơn cường độ chống đối tại những quốc gia có chính quyền bảo thủ và tham quyền cố vị (Tunisia, Egypt, Yemen, Bahrain, Saudi Arabia). Điều này chứng tỏ một

chân lý mà người cộng sản Trung Quốc lẫn Việt Nam luôn chối bỏ. Đó là một quốc gia càng dân chủ thì càng ổn định trên phương diện chính trị. Duy trì các chính quyền độc tài tại Trung Quốc cũng như Việt Nam, về lâu về dài, sẽ đưa đến những bất ổn sâu xa cho quốc gia, khu vực và cho nền hòa bình thế giới. Dân chủ hóa Trung Hoa, Việt Nam và Bắc Hàn sẽ đóng góp vô cùng lớn lao cho hòa bình nhân loại trong thế kỷ 21.

Tuy công an là một vũ khí tuyệt vời để kiểm soát và đàn áp nhân dân, nhưng công an có nhiều yếu điểm. Giả tử, trong trường hợp xảy ra biến động quần chúng nổi dậy tại Việt Nam như Thiên An Môn(1989) tại Trung Quốc hoặc tại Bắc Phi trước đây, thì quân đội và công an sẽ giữ vị trí nào?

Chúng ta nhận ngay rằng, sau Thiên An Môn, các chiến lược gia CSVN đã nghiên cứu bài học này. Họ thấy rằng, tuy công an là công cụ quan trọng để kiểm soát, hù dọa dân chúng và ngăn cản sự nổi dậy của người dân, nhưng lực lượng công an tự bản chất có nhiều khuyết điểm như một công cụ của độc tài.

Trước hết, muốn kiểm soát dân thì công an phải gần với dân. Điều này hàm chứa nhiều hiểm nguy cho chế độ:

1. Trước hết là gần dân thì dễ bị tha hóa qua hối lộ hoặc những biện pháp tham nhũng khác.
2. Sau đó vì gần gũi sẽ có những quan hệ riêng tư, dân chúng lòng mặt và không còn sợ hãi.
3. Công an dễ bị nhận diện và có thể bị trả thù cá nhân. Công an trong các chế độ độc tài bị dân phục kích và đánh hội đồng hoặc sát hại là chuyện thường xảy ra.
4. Một trong những trách nhiệm của công an là kiểm soát những thông tin về dân chủ và nhân quyền không cho lọt vào tai dân chúng. Nhưng chính các công an lại hiểu biết thêm về dân chủ và nhân quyền nên dễ bị tha hóa như là một công cụ đàn áp.
5. Kinh nghiệm trên khắp thế giới cho thấy, một khi quần chúng đã vượt qua sự sợ hãi đứng lên, thì công an triệt để trốn chạy và biến mất toàn diện. Ngay cả tại Thiên An Môn hoặc tại Bắc Phi, những kẻ bị quần chúng nghi ngờ là công an trá hình bị người dân đánh đập đến chết không thương tiếc.

Vì ý thức được khả năng đàn áp các cuộc nổi dậy có tính quần chúng của quân đội, vượt trội trên công an, nên CSVN đã có những cố gắng để nâng số đại diện quân đội trong Trung Ương Đảng và Bộ Chính Trị sau Thiên An Môn. Điển hình nhất là Thượng Tướng Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí Thư (1997-2002).

Các lãnh tụ CSVN cũng thường xuyên thăm viếng Võ Nguyên Giáp trong tuổi già, trao thêm huy chương, quà cáp, tưởng thưởng vv... để lấy lòng giới quân đội. Sau khi Võ Nguyên Giáp từ trần thì tìm cách thần tượng hóa ông lên chín tầng mây để núp bóng quân đội.

Thêm vào đó, Đại Hội 11 của đảng đã giao Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng giữ luôn chức vụ bí thư Quân Ủy Trung Ương (QUTU), trong niềm hy vọng củng cố thêm sự kiểm soát của đảng hầu hy vọng quân đội sẽ nghe lệnh đảng, đàn áp những cuộc nổi dậy của dân chúng trong tương lai, nếu công an bất lực.

Đây là một mô thức CSVN học hỏi từ kinh nghiệm của Đặng Tiểu Bình.

VII. Đề nghị cải tổ:

Công an là định chế gắn bó với chế độ nhiều nhất trong các định chế. Thông tin về công an đều là những bí mật quốc gia nên rất khan hiếm. Điều này làm tác động cải tổ vô cùng khó khăn.

Chính vì thế, tác động cải tổ sẽ bao gồm các yếu tố sau đây:

1. Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ, như là cơ quan trách nhiệm thi hành công tác chuyển hóa sẽ nghiên cứu đề án cải tổ, trình lên Tổng Thống. Sau đó, với sự đề nghị của Tổng Thống, Quốc Hội sẽ thông qua sắc luật và ngân sách cần thiết để cải tổ.
2. Tác động cải tổ sẽ nhằm vào các mục tiêu sau đây:
 - (i) Thay đổi phẩm trật và cấp bậc trong ngành công an, tránh không xử dụng những phẩm trật và cấp bậc tương tự với quân đội.
 - (ii) Tu chính Luật Công An Nhân dân, nhất là điều 16, nghiêm cấm sự xen lấn của bất cứ cá nhân hay chính đảng vào sự hoạt động của ngành công an.
 - (iii) Phân loại và tinh giản các nhiệm vụ khác nhau trong ngành công an thành các loại chính như:
 - Giao thông (Traffic)
 - An ninh và trật tự xã hội (Security and public order)
 - Các vấn đề hình sự (Crimes)
 - Nhu cầu phản gián (Anti-espionage)
 - Nhu cầu tình báo bên ngoài (Foreign intelligence gathering)
 - (iv) Áp dụng nguyên tắc địa phương phân quyền: Để giải quyết các vấn đề liên hệ đến thẩm quyền trị an của các chính quyền trung ương và địa phương trong hiến pháp (Constitutional division of powers), Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu, trong phạm vi cho phép của hiến pháp, phân phối một phần lực lượng công an cho các chính quyền địa phương toàn quyền quản trị, hầu đáp ứng nhu cầu trị an trong địa phương mình.
 - (v) Để đáp ứng các vấn đề hình sự và nhu cầu phản gián, Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu đề án thành lập một cơ quan phản gián tương tự như Tổng Cục Điều Tra Liên Bang Hoa Kỳ (FBI- Federal Bureau of Investigation), từ trong lực lượng công an. Vị tổng giám đốc cơ quan này phẩm trật ngang hàng với một bộ trưởng, sẽ do tổng thống đề cử, với sự phê chuẩn của Thượng Viện Quốc Hội và chịu trách nhiệm trực tiếp với tổng thống.
 - (vi) Để đáp ứng nhu cầu tình báo hải ngoại, Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu đề án thành lập một Cơ Quan Tình Báo Trung Ương tương tự CIA (Central Intelligence Agency) của Hoa Kỳ, từ trong lực lượng công an. Vị tổng giám đốc cơ quan này phẩm trật ngang hàng với một bộ trưởng, sẽ do tổng thống đề cử, với sự phê chuẩn của Thượng Viện Quốc Hội và chịu trách nhiệm trực tiếp với tổng thống.
3. Trong một chế độ dân chủ chân chính, công an và cảnh sát là một thành phần cấu trúc của guồng máy chính quyền, chính vì thế, cũng như các công viên chức khác, họ có các nhu cầu cải tổ sau đây:

(i). Nhu cầu chuyên nghiệp hóa và tách rời khỏi sự chi phối của bất cứ cá nhân, tập thể chính trị hoặc ý thức hệ chính trị nào trong môi trường chính trị hoặc xã hội. Giai cấp chính trị qua các cá nhân chính trị gia, hoặc tập thể như tổ chức và đảng phái chính trị, có thể thay đổi theo nhiệm kỳ hoặc các kỳ bầu cử khác nhau, nhưng các công an và cảnh sát chuyên nghiệp không lệ thuộc vào các chu kỳ này, thông thường làm việc vĩnh viễn (trừ những trường hợp có giao kèo lao động ngắn hạn) và phục vụ cho nhân dân bền vững đến tuổi hưu trí hoặc đến khi muốn từ chức theo sự chọn lựa của mình. Luật pháp sẽ nghiêm chỉnh và nghiêm khắc bảo vệ tính độc lập và chuyên nghiệp của các công an và cảnh sát theo luật định. Luật pháp cũng sẽ nghiêm trị như một tội hình luật bất cứ một cá nhân hay tập thể nào xen lấn, ảnh hưởng hoặc áp đặt ý chí của mình trên những công an cảnh sát trong tiến trình thi hành nhiệm vụ pháp định của họ.

(ii). Một nhu cầu quan trọng nữa là triệt để bảo vệ phúc lợi cho công an cảnh sát. Một quốc gia chỉ có một nền trị an tốt, nếu nhân viên công lực hoan hỉ và hãnh diện khi làm việc cho chính quyền, phục vụ cho nhân dân và nhất là quyền lợi của họ được pháp luật bảo vệ. Muốn như thế chúng ta phải thành lập nghiệp đoàn công an cảnh sát độc lập hoàn toàn với chính quyền với nhiệm vụ luật định là:

- Bảo vệ quyền lợi và phúc lợi của công an cảnh sát chức cá thể
- Thay mặt công an cảnh sát thương thuyết với chủ nhân (tức chính quyền) về chế độ nhân dụng và lương bổng
- Thay mặt cho công an cảnh sát cá thể, biện minh trước một tòa án có thẩm quyền khi có sự tranh chấp giữa công an cảnh sát cá thể và chủ nhân (tức chính quyền)

(iii). Thêm vào đó, chúng ta cần thành lập một tòa án hành chánh chuyên biệt giải quyết các tranh chấp sau đây không những cho công viên chức nhà nước mà còn có thẩm quyền bao gồm công an cảnh sát:

- Những tranh chấp chủ thợ giữa công an cảnh sát cá thể và chính quyền trên các bình diện: mướn nhân viên và sa thải nhân viên, lương bổng và phúc lợi

Những quyết định của tòa án hành chánh chuyên biệt này có thể được kháng cáo lên các tòa cấp thượng thẩm và sau cùng là tối cao pháp viện của quốc gia.

Hệ thống thứ năm:
Sách lược cải tổ hệ thống pháp lý
(Reform of the legal system)

Tại sao có nhu cầu cải tổ hệ thống pháp lý, trong bối cảnh cải tổ hệ thống hành chính, quân đội và công an CSVN?

Có các lý do chính sau đây:

1. Trong một nền dân chủ chân chính, luôn có nhu cầu duyệt xét pháp lý các quyết định hành chính (Judicial review of administrative actions), ảnh hưởng đế quyền lợi của công dân cá thể.
2. Tiếp theo đó là nhu cầu bảo vệ phúc lợi cũng như điều kiện làm việc của các công viên chức nhà nước (welfare and working conditions of government employees)
3. Tiếp theo là nhu cầu giải quyết các tranh chấp chủ-thợ trong hệ thống công quyền (employer-employees relations within government) và
4. Duyệt xét pháp lý các kháng cáo từ các tòa án quân sự (Judicial review of appeals from military tribunals)

I. Hệ thống pháp lý hiện hành:

1. Những khuyết điểm của hệ thống pháp lý CSVN

Hệ thống pháp lý của CSVN có rất nhiều khuyết điểm, cho phép công an và tòa án đối xử rất tệ với công dân.

a. Những bất công thông thường:

Ngoài những tình trạng tra tấn dã man trong các đồn công an, trong giai đoạn điều tra, đưa đến tử vong, có rất nhiều án oan trái dân oan mất đất, tù nhân lương tâm, báo chí lè trái... phải gánh chịu, còn có tham nhũng tràn lan trong ngành công an, làm cho đời sống công dân càng cơ cực hơn.

Các trường hợp nổi bật gồm Nguyễn Văn Chương, Hồ Duy Hải, Tử tù Lê Văn Mạnh (đã bị hành quyết tháng 9, 2023) đã gây chấn động trên bình diện quốc tế. Nhất là việc thi hành án tử hình đối với Lê Văn Mạnh, hầu như tất cả các quốc gia thành viên EU, Canada, Na Uy và Anh quốc đã kêu gọi CSVN ngừng thi hành án.

b. Địt mẹ tòa:

Hệ thống pháp lý tệ hại và bị nhân dân khinh bỉ đến mức độ câu chửi “Địt mẹ tòa” của tù nhân lương tâm Nguyễn Văn Túc năm 2018, trở thành lời hiệu triệu của toàn dân trước những bất

công của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Bài thơ sau đây của thi sĩ Thái Bá Tân, do Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do đăng trên Facebook ngày 16 tháng 9, 2018, nói lên những bức xúc trong nhân dân.

ĐỊT MẸ TÒA!

Hôm qua xử phúc thẩm

Y án mười ba năm

Với anh Nguyễn Văn Túc,

Một tù nhân lương tâm.

Anh chấp nhận bản án,

Không van xin, kêu ca.

Nghe nói chỉ nhếch mép

Và chửi: “Địt mẹ tòa!”

Một câu chửi vĩ đại,

Ngay ở chốn công đường.

Chửi bộ máy tư pháp

Vớ vẩn và nhiều nhương.

Bộ máy tư pháp ấy

Đáng chửi gấp nghìn lần.

Chỉ giỏi nâng bi đảng,

Gây oan ức cho dân.

Đừng nhắc đến công lý

Với tòa án nước ta.

Tôi, bị đem ra xử,

Cũng nói:”Địt mẹ tòa!”

c. Luật tạm giam chờ điều tra quá bất công:

Đây là một bất công nền tảng của pháp chế xã hội chủ nghĩa vì trong giai đoạn này, mặc dầu nghi can vẫn còn giả định vô tội, nhưng họ đã bị chính quyền đàn áp triệt để. Lý do là vì thời gian một nghi can bị tạm giam để điều tra tính bằng giờ hay ngày tại các quốc gia dân chủ thì phải tính bằng tháng hay năm tại Việt Nam và có thể kéo dài vô giới hạn.

Mặc dầu Hiến pháp 2013 quy định:

Điều 31 (2). “Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai”.

Tuy nhiên chính quyền CSVN phớt lờ và thông qua Điều 173 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, với thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra như sau:

Tội ít nghiêm trọng: không quá hai tháng và được gia hạn, tổng thời gian không quá ba tháng; qua đến những tội nghiêm trọng hơn và cuối cùng là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng: không quá bốn tháng, được gia hạn, tổng thời gian không quá mười hai tháng. Đối với những tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì thời hạn tạm giam có thể được gia hạn thêm cho đến khi kết thúc điều tra.

Nên nhớ giai đoạn này, nghi can vẫn là người vô tội. Thời gian tạm giam như vậy quá dài, thực sự là không tương xứng được và đi đến bất công khi so sánh với các quốc gia dân chủ chân chính.

d. So sánh với quốc tế:

Khi so sánh với các quốc gia dân chủ sau đây, chúng ta sẽ ý thức thêm mức độ bất công của Việt Nam.

Tại New South Wales Úc, thì hình luật là thẩm quyền của tiểu bang. Theo luật NSW thì cảnh sát chỉ có quyền tạm giam một nghi can 6 tiếng đồng hồ. Nếu cảnh sát xin được lệnh tòa án thì có thể kéo dài thêm 6 tiếng nữa. Sau đó phải truy tố hoặc trả tự do cho nghi can.

Tại Tiểu bang California Hoa Kỳ thì cảnh sát chỉ được quyền tạm giam nghi can tối đa là 48 tiếng là phải trả tự do hoặc truy tố ra tòa nếu đủ chứng cứ.

Tại Pháp thì cảnh sát được quyền tạm giam 48 tiếng, sau đó nếu được sự cho phép của một Công Tố Viên cấp Quận có thể thêm 48 tiếng nữa và trong những trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như khủng bố, thì với sự cho phép của một vị quan tòa đặc nhiệm, có thể lên đến 6 ngày.

Khi so sánh như thế, chúng ta mới nhận thấy tính hung ác của pháp chế xã hội chủ nghĩa đối với công dân cá thể, vào thời điểm hung hiểm nhất khi họ phải đối diện với công an hình sự và khi so sánh với công dân các nước dân chủ chân chính.

1. Hệ thống pháp lý Việt Nam trên hình thức:

Theo Wikipedia, hệ thống pháp lý CSVN hiện hành như sau:

(1). Cấu trúc:

- a. Tòa án nhân dân tối cao, trực thuộc Trung ương, là tòa án nhân dân cấp cao nhất trong hệ thống luật pháp.
- b. Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền tư pháp trên phạm vi nhiều đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- c. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- d. Tòa án nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh và tương đương
- e. Ngoài ra còn có Tòa án Quân sự các cấp.”

Công dân trên nguyên tắc cũng có quyền kháng cáo từ tòa án thấp lên đến tòa cấp cao hơn và Tòa án nhân dân tối cao là định chế pháp lý có tiếng nói chung quyết như trong các quốc gia dân chủ.

(2). Nhân số:

a. Nhân sự Tòa Án Nhân Dân Tối Cao:

Theo Wikipedia thì cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao như sau:

“(i) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: gồm Chánh án, các Phó Chánh án và một số Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao. Tổng số không được quá 17 người, không dưới 13 người.

(ii) Tòa án nhân dân tối cao có Chánh án, các Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức và người lao động.

(iii) Chánh án Đương nhiệm là Nguyễn Hòa Bình được bổ nhiệm từ 8 tháng 4 năm 2016. Tác giả không tìm được tên các thành viên khác trong hội đồng thẩm phán.”

Tác giả không tìm được tên các phó chánh án và thẩm phán đương nhiệm. Chỉ tìm được danh sách các chánh án từ trước đến nay, cũng trong Wikipedia tiếng Anh:

“- Phạm Văn Bạch 7/1976–5/1981 Communist Party of Vietnam

- Phạm Hưng 1981–1997 Communist Party of Vietnam

- Trịnh Hồng Dương 1997–2002 Communist Party of Vietnam

- Nguyễn Văn Hiến 2002–2007 Communist Party of Vietnam

- Trương Hòa Bình 2007–2016 Communist Party of Vietnam

- Nguyễn Hòa Bình 2016–incumbent Communist Party of Vietnam”

b. Nhân số thẩm phán toàn quốc:

Theo Website của Công Ty Luật TNHH Minh Khuê ngày 13 tháng 8, 2021 (Thực trạng đội ngũ thẩm phán hành chính ở Việt Nam (luatminhkhue.vn) thì:

“(i) Ngành Tòa án có tầm khoảng 4.790 thẩm phán, trong đó có 116 thẩm phán Tòa án tối cao, 1066 thẩm phán cấp tỉnh và 3.608 thẩm phán cấp huyện.

(ii) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, 100% thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 95% thẩm phán cấp tỉnh và cấp huyện có trình độ cử nhân luật; 90% thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 66% thẩm phán cấp tỉnh và 20% thẩm phán cấp huyện có trình độ cử nhân hoặc cao cấp lý luận chính trị.

(iii) Phẩm chất đạo đức, 100% thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp là đảng viên, đa số đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức đối với người cán bộ, đảng viên theo quy định (hàng năm số thẩm phán bị xử lý kỷ luật do vi phạm phẩm chất đạo đức, kỷ luật công vụ hoặc vi phạm pháp luật khoảng 15-20 người, chiếm tỷ lệ khoảng 0,3%.”

2. Các khuyết điểm của hệ thống pháp lý VN trên thực tế:

Tuy bề mặt hệ thống pháp lý VN không khác các quốc gia dân chủ nhưng trên thực tế rất nhiều khuyết điểm và thiếu tính độc lập tuyệt đối để thi hành công lý:

a. Tính phản công lý của nguyên tắc “tập trung dân chủ”:

Các quan tòa đều là đảng viên đảng CSVN và bị ràng buộc bởi nguyên tắc “tập trung dân chủ” trên 2 tư cách. Trên tư cách đảng viên thì họ bị ràng buộc bởi nguyên tắc này trong của nội quy đảng. Trên tư cách thẩm phán và công viên chức nhà nước thì họ bị ràng buộc bởi cùng nguyên tắc “tập trung dân chủ này” trong điều 8 Hiến Pháp.

Nguyên tắc này quy định “thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng trung ương”. Có nghĩa là các thẩm phán/đảng viên (từ Tòa án Nhân Dân Tối Cao đến tòa án nhân dân huyện) bị ràng buộc bởi nguyên tắc này, nên không thể xử án theo sự kiện và luật pháp khách quan như tại các quốc gia dân chủ, mà phải xử theo mệnh lệnh các cấp ủy liên hệ. Tại các quốc gia dân chủ chân chính, các vị thẩm phán không hề bị ràng buộc bởi bất cứ nội quy của bất cứ chính đảng nào.

Nguyên tắc “Tập trung dân chủ” trói buộc tất cả các thẩm phán từ cấp tòa án thấp nhất đến Tòa Án Nhân Dân Tối Cao (TP Nguyễn Hòa Bình). Mọi cấp tòa đều có cấp đảng ủy liên hệ và phải xử theo chỉ thị đảng.

b. Nhiệm kỳ giới hạn 5 năm:

Các thẩm phán đều có nhiệm kỳ nhất định, thường là 5 năm. Nếu không xử án theo ý của đảng thì trên nguyên tắc, sau 5 năm sẽ không được tái bổ nhiệm. Tuy nhiên trên thực tế thì không cần chờ tới 5 năm, có thể bị kỷ luật đảng và vào tù trước thời hạn. Trong khi đó, tại các quốc gia dân chủ, các thẩm phán thông thường được bổ nhiệm với nhiệm kỳ hoặc vô hạn định, hoặc đến tuổi hưu trí, hoặc đến khi mất khả năng sức khỏe hoặc trí tuệ, hoặc khi tự động rời chức vụ, hoặc khi bị kết án tội hình sự. Họ chỉ có thể bị cách chức với sự đề nghị của chính phủ và được quốc hội thông qua. Chính vì thế họ hoàn toàn công tâm xét xử.

c. Thẩm phán CSVN được bổ nhiệm vì “Hồng” không phải “Chuyên”:

Các thẩm phán tại các quốc gia dân chủ đều là những luật gia không những được huấn luyện chuyên nghiệp sâu và là những chuyên gia nổi tiếng trong xã hội. Họ được bổ nhiệm không phải vì lòng trung với đảng như trong chế độ CSVN mà vì sự uyên bác và tính trung trực liêm khiết của họ.

d. Lương bổng các Thẩm Phán VN không tương xứng với vị trí xã hội:

Các thẩm phán cũng như viên chức cao cấp khác trong guồng máy chính quyền các nước dân chủ đều nhận được lương bổng rất cao. Họ có thể sống thoải mái, nuôi nấng gia đình và nếu hành xử đúng theo lương tri và luật pháp sẽ được xã hội trọng vọng và lưu lại một di sản tinh thần khả kính cho hậu thế. Khác với các thẩm phán CSVN nhận lương không cao và luôn bị cảm dỗ phải hối lộ, chạy án ... để vinh thân phì da. Dĩ nhiên lương bổng chỉ là một trong nhiều yếu tố đưa đến chạy án và tham nhũng.

Theo website Mintsalary (Judge Salary in Vietnam 2024 - In-depth Overview (mintsalary.com)) thì lương của các quan tòa Việt Nam được ấn định từ cấp thấp là \$1.100 đến

cấp cao nhất là \$1.400 mỗi tháng, tức từ \$13.200 đến \$16,800 mỗi năm.

Trước hết, chúng ta phải nhận xét ngay rằng, sau nhiều thập niên thiếu dân chủ, dân tộc chúng ta đã tụt hậu tang thương trong tiến trình xây dựng một chế độ pháp trị nghiêm chỉnh. Chính vì thế, tuy dân ta có một nền văn hóa sâu dày, một nền văn hiến hiển hách, nhưng nền chính trị đất nước lại thiếu thốn những yếu tố căn bản để xây dựng một nền dân chủ pháp trị tiên bộ.

3. Chúng ta cần làm gì hầu cải tổ hệ thống pháp lý VN?

Các yếu tố chúng ta thiếu và cần phải xây dựng là:

- a. Một bản hiến pháp dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên chân chính, căn cứ trên tam quyền phân lập
- b. Sự hiện hữu của một cơ quan tư pháp tối cao, chí công vô tư, như Tối Cao Pháp Viện tại các nước dân chủ chân chính, vượt lên trên mọi đảng phái và phe nhóm chính trị và có thẩm quyền hiến định để phán quyết tính hợp hiến hoặc vi hiến của một sắc luật của lập pháp, hoặc một tác động của hành pháp.
Tối cao pháp viện này cũng có thẩm quyền nguyên thủy giải quyết các xung đột giữa lập pháp và hành pháp, cũng như những xung đột giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương (như chính quyền tỉnh).
- c. Một hệ thống đào tạo cấp đại học hoặc cao đẳng quy mô và phi ý thức hệ hầu huấn luyện chuyên ngành những luật gia và thẩm phán tương lai.
- d- Một luật sư đoàn độc lập tuyệt đối với chính quyền hoặc bất cứ một thể lực đệ tam nào, và bao gồm những thành viên luật sư chuyên nghiệp qua một quá trình học vấn cao cấp nghiêm chỉnh
- e. Một đội ngũ thẩm phán chuyên nghiệp, độc lập và chí công vô tư, không lệ thuộc vào chính quyền
- f. Một công tố viện dưới quyền điều động của một giám đốc công tố mà phẩm trật (status) cũng như phương thức bổ nhiệm (appointment) tương đương với một thẩm phán tối cao pháp viện, hoàn toàn độc lập đối với hành pháp và lập pháp.
- g. Sự hiện diện của một quy ước về đạo đức nghề nghiệp và nguyên tắc hành xử (Ethical and professional code of conduct) thống nhất cho các thẩm phán ngành tư pháp mọi cấp.

II. Đề nghị Hệ Thống Pháp Lý Việt Nam Tương Lai:

Trong một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên của một nước Việt Nam tương lai, thì hệ thống pháp lý thể hiện yếu tố pháp trị vô cùng quan trọng nêu trên.

Đề nghị này nhằm phác họa những đường nét chính của hệ thống luật pháp Việt Nam trong tương lai, không có tính toàn diện và được viết trong khung cảnh của bản dự thảo hiến pháp.

Tôi quan niệm rằng một hệ thống pháp lý Việt Nam tương lai phải bao gồm những thành tố sau đây:

(A). Phương diện cấu trúc hành chính (Administrative structure):

Tuy ngành Tư Pháp ngang hàng với Lập Pháp và Hành Pháp, nhưng guồng máy quản trị các nhân viên của ngành này cũng chỉ là một chi nhánh của hành pháp. Chính vì thế việc quản trị những nhân viên trong hệ thống tòa án, lương bổng của các nhân viên, kể cả các vị thẩm phán, cũng là những chức năng hành chính dưới sự quản trị và điều động của Bộ Tư Pháp. Bộ trưởng bộ tư pháp vẫn là một chức vụ quan trọng của Hành Pháp mà thôi.

Chúng ta phải mừng tượng tập thể các thẩm phán bao gồm những cá nhân đại diện cho tính độc lập tuyệt đối của ngành tư pháp và tinh thần chí công vô tư của yếu tố pháp trị. Tuy nhiên những thẩm phán này sẽ không phát huy được yếu tố pháp trị của hiến pháp nếu không có sự trợ giúp của những nhân viên hành chính bình thường, điều hành và quản trị các cơ quan của ngành tư pháp.

Chính vì thế, ngoài Bộ Tư Pháp tại Trung Ương và chi nhánh tại các tòa án địa phương, với nhiều nhân viên hành chính điều hành, như bất cứ một phần hành nào khác của hành pháp, chúng ta còn sẽ có các tòa án tại các cấp, từ trung ương đến địa phương như:

1. Tối cao pháp viện hoặc một danh từ khác như Tòa án tối cao (Supreme court):

TCPV là cơ quan tư pháp cao nhất của quốc gia, gồm những thẩm phán là những luật gia uyên bác và uy tín nhất. TCPV đại diện cho ý niệm pháp trị và tinh thần chí công vô tư của luật pháp. Trong quốc gia, chỉ có một TCPV mà thôi. Số thẩm phán thành viên tùy nhu cầu nhưng thông thường khoảng 7 đến 11 vị thẩm phán tối cao pháp viện. Phương thức hoạt động của TCPV sẽ do các sắc luật và quy luật nội tại của TCPV quy định. Khi có xung đột giữa một sắc luật và quy luật nội tại thì sắc luật sẽ ưu thắng ở mức độ của xung đột. TCPV sẽ có thẩm quyền nguyên thủy (original jurisdiction) về mọi vấn đề liên hệ đến hiến pháp.

2- Các tòa thượng thẩm cấp quốc gia (National courts of superior jurisdiction):

Các tòa thượng thẩm cấp quốc gia này chỉ dưới TCPV và số lượng tòa án cũng như số thẩm phán trong mỗi tòa sẽ do luật định. Tòa sẽ có thẩm quyền rộng trên mọi lãnh vực pháp lý, y như TCPV (trừ những vấn đề liên hệ đến hiến pháp), từ hình dên hộ, từ những tranh chấp dân sự đến các lãnh vực của các tòa chuyên biệt như hành chính, an ninh, quân đội ... Các quyết định của tòa có thể kháng cáo lên TCPV và tòa có thể xử phúc thẩm các kháng cáo từ các tòa

án cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương hoặc các tòa chuyên biệt, theo luật định.

3. Các tòa án cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương (provincial or city level courts of superior jurisdiction):

Dưới các tòa thượng thẩm có các tòa án cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương. Tùy theo nhu cầu và dân số, số thẩm phán cần bổ nhiệm có thể tăng hay giảm. Tuy nhiên phiên xử thông thường chỉ cần một thẩm phán chủ tọa. Trong nhiều trường hợp, thay vì kháng cáo lên tòa án trên (tức TCPV), các phe có thể kháng cáo lên “toàn tòa” được quy định như một phiên xử gồm 3 quan tòa chẳng hạn. Sau đó vẫn có thể tiếp tục kháng cáo lên tòa án trên.

4. Các tòa án cấp quận hoặc huyện (district courts):

Đây là cấp tòa án thấp nhất. Cũng tùy theo nhu cầu và dân số, số thẩm phán cần bổ nhiệm cũng tăng hay giảm. Nguyên tắc hoạt động cũng tương tự như tòa án tỉnh. Trong hệ thống chính quyền địa phương hiện tại quận là đơn vị hành chính dưới thành phố trực thuộc trung ương (như TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, TP Đà Nẵng, TP Cần Thơ, TP Huế...) trong khi đó huyện là đơn vị hành chính dưới tỉnh.

4. Các tòa án chuyên biệt (courts of special jurisdictions):

Các tòa án chuyên biệt có thể được quốc hội thành lập. Nhu cầu pháp lý trong một quốc gia rất đa diện. Các tòa án bình thường đôi khi thiếu trình độ chuyên môn để giải quyết và cần những thẩm phán hoặc chuyên gia có hiểu biết chuyên môn. Chính vì thế, trong các quốc gia tiên bộ, chúng ta thấy sự xuất hiện của các tòa án chuyên biệt này.

Các tòa án chuyên biệt có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở các ví dụ sau đây:

- (vii) Tòa án quân sự (military tribunals)
- (viii) Tòa án hành chính (administrative tribunals)
- (ix) Tòa án quan hệ lao động và chủ nhân (employer-employees tribunal or industrial relations tribunal)
- (x) Tòa án chống kỳ thị (anti-discrimination tribunal)
- (xi) Tòa án thiết kế đô thị (Urban planning tribunal)
- (xii) Tòa án gia đình (Family law courts or tribunals)
- (xiii) Tòa án luật môi trường (Environment law courts or tribunals)

(B). Tương quan giữa công viên chức trong ngành tư pháp và các thẩm phán chủ tọa các phiên xử của tòa (Relationship between administrative employees and members of the judiciary):

Trong mỗi tòa án như thế chúng ta phải phân biệt hai trách nhiệm: một trách nhiệm có tính cách hành chính lệ thuộc vào hành pháp, chịu trách nhiệm với Bộ Tư Pháp. Trách nhiệm kia thuộc các thẩm phán liên hệ đến sự phán quyết của các thẩm phán, hoàn toàn độc lập đối với

hành pháp và lập pháp.

Chính vì thế, trong khi các viên chức hành chánh chỉ là những công chức bình thường, được bổ nhiệm bởi hành pháp và có thể được tuyển chọn hoặc bị sa thải như những công chức bình thường khác, thì các thẩm phán có một vị trí đặc biệt hơn nhiều.

Các vị thẩm phán này thông thường phải xuất phát từ hàng ngũ những chuyên gia luật pháp có uy tín, được hành pháp đề cử (qua sự đề cử hoặc của chính người đứng đầu ngành hành pháp như Tổng Thống trong trường hợp các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện, hoặc Bộ Trưởng Tư Pháp trong trường hợp các tòa án thấp hơn tùy hiến pháp hoặc luật pháp mỗi quốc gia), và phải được hoặc lưỡng viện quốc hội hoặc ít nhất Thượng Viện thông qua chẳng hạn, tùy theo quy định của hiến pháp hoặc luật pháp.

Một thẩm phán chỉ có thể bị ngưng chức khi bị mất trí năng, tác phong bại hoại, hoặc phạm tội trọng hình và bị lưỡng viện quốc hội hoặc ít nhất Thượng Viện bắt tước nhiệm, hoặc đến tuổi hưu trí. Ngoài vị trí xã hội ra thì lương bổng các thẩm phán cũng rất cao. Chỉ như thế các thẩm phán mới thực sự độc lập và sẽ phán quyết chí công vô tư, không lệ thuộc bất cứ một thế lực nào.

(C). Phương diện động lực vận hành (Aspects of functional dynamics):

1. Tiến trình thi hành công lý (process of administration of justice):

Đối với nhiều quốc gia, Tính độc lập tuyệt đối của ngành tư pháp, trên nguyên tắc, phát xuất từ hiến pháp. Tuy nhiên trên thực tế, chính phương thức tuyển chọn (qua sự đề cử của hành pháp và được sự phê chuẩn của lập pháp) và những bảo đảm hiến định cũng như luật định để các thẩm phán có thể yên tâm hành xử trách nhiệm của mình, mà không bị bất cứ một thế lực nào chi phối, là những bảo đảm cụ thể nhất. Một trong những trọng tội về hình luật, cần phải hiến định hóa hoặc luật hóa trong một chế độ dân chủ pháp trị là tội xen lấn, cản trở tiến trình thi hành công lý. Tội này bao gồm việc ngăn cản, phá hoại tiến trình điều tra của cảnh sát hoặc các cơ quan hữu trách khác, cho đến ngăn chặn hoặc hăm dọa, hoặc hối lộ ... các thẩm phán trong khi họ thi hành nhiệm vụ. Những kẻ vi phạm, dù là chủ tịch hạ viện hoặc nguyên thủ quốc gia, hoặc một kẻ cùng đinh, cũng sẽ bị nghiêm khắc chế tài như nhau.

2. Tính bình đẳng của mọi hữu thể pháp lý (equality between all legal entities):

Dĩ nhiên tập thể các thẩm phán là biểu tượng rõ rệt nhất của ý niệm pháp trị. Tuy nhiên, ý niệm pháp trị được thể hiện ở điểm cao nhất khi một hay nhiều thẩm phán đồng đàn xử án. Trước một tòa án có thẩm quyền thì mọi thế lực từ những thành tố của chính quyền (như các bộ, ngành của hành pháp) cho đến các thành tố của xã hội dân sự (như các thương vụ, ngân hàng) hoặc các cá nhân dù quyền lực lớn đến bao nhiêu, đều trở về vị trí khiêm nhường của mình như là một hữu thể pháp lý, tuyệt đối bình đẳng với bất cứ hữu thể pháp lý nào khác trước tòa. Mọi phán quyết của tòa án, sẽ có hiệu lực ràng buộc không những một công dân bình thường, mà còn ràng buộc tuyệt đối các cơ quan chính quyền của hành pháp nữa.

3. Phân biệt giữa hình và hộ (distinction between criminal and civil matters):

Tòa án mọi cấp (trừ các tòa án đặc nhiệm) đều có thẩm quyền trên cả hai phương diện hình lẫn hộ. Hình luật liên hệ đến những vi phạm bộ luật hình sự và cảnh sát có trách nhiệm điều tra để sau đó trao hồ sơ cho công tố viện truy tố. Hộ thì bao gồm những tranh tụng, thông thường giữa hai hữu thể pháp lý và mục tiêu của những sự tranh chấp là đòi lại sự công bằng qua hình thức bồi thường tài chánh, hoặc danh dự, hoặc thực hành một tác động, hoặc không được tiến hành một tác động.

Vì tính nghiêm trọng, có thể liên hệ đến mất tự do, hoặc mất tính mạng của một bị cáo hình luật, nên cấp độ chứng minh về hình luật trước khi kết án phải rất cao là “không còn lý do chính đáng để nghi ngờ” (beyond reasonable doubt). Trong khi đó, cấp độ chứng minh, trên phương diện hộ, để một phe có thể thắng, chỉ cần ở mức độ “có xác suất phải chăng” (on the balance of probability) là đủ. Đây là những cấp độ chứng minh hiện hành trong các quốc gia theo hệ thống Common Law của Anh Quốc, kể cả Hoa Kỳ. Trên bình diện hình luật, một bị cáo luôn luôn được giả định là vô tội cho đến khi bị kết án. Đây là một nhân quyền và dân quyền căn bản của một công dân.

4. Nguyên tắc kháng cáo (the appeal process):

Các sắc luật khác nhau sẽ chi tiết hóa thủ tục kháng cáo, vốn là một khía cạnh quan trọng của hệ thống pháp lý. Tuy nhiên, thông thường thì phiên xử trước một quan tòa duy nhất có thể được kháng cáo đến một phiên xử toàn tòa (thông thường trước 3 quan tòa thay vì 1), phiên xử tại một tòa án cấp dưới có thể được kháng cáo lên tòa án trên. Cuối cùng, sau khi đã kháng cáo đến tòa cao nhất là Tối Cao Pháp Viện thì trở thành chung thẩm và không thể kháng cáo tiếp tục.

5. Thẩm quyền các tòa án và thẩm quyền đặc biệt của Tối Cao Pháp Viện (Jurisdiction of courts and special jurisdiction of the Supreme Court):

Hiến pháp hoặc các sắc luật sẽ quy định thẩm quyền các cấp tòa án khác nhau. Mức độ thẩm quyền có thể qua hình thức số tiền tranh chấp cao hay thấp, tầm quan trọng hoặc phức tạp của vấn đề... Riêng Tối Cao Pháp Viện không những có thẩm quyền vô giới hạn về mức độ tài chánh, thẩm quyền chung quyết về những kháng cáo của các tòa án cấp dưới mà còn có thẩm quyền nguyên thủy về các vấn đề liên hệ đến hiến pháp (theo truyền thống luật hiến pháp Úc Đại Lợi). Chẳng hạn khi có một tranh chấp giữa hành pháp và lập pháp về tính cách hợp hiến hoặc vi hiến của một sắc luật, thì các phe tranh tụng chỉ có thể đưa ra TCPV để phân xử. Không một tòa án nào khác có thẩm quyền. Tương tự, khi có sự tranh chấp giữa chính phủ trung ương và một chính quyền địa phương như chính quyền tỉnh, về giới hạn quyền lực của mỗi bên, thì chỉ có TCPV là có thẩm quyền để phân xử.

6. Vị trí của nền luật pháp truyền thống (The special status of our traditional Hong Duc Legal Code):

Việt Nam là một quốc gia có 5,000 năm văn hiến. Luật Hồng Đức hoặc Quốc Triều Hình Luật là một bộ luật truyền thống của dân ta, nói lên nền văn hóa và truyền thống đặc thù của dân tộc. Đây là vốn liếng vô giá của tiền nhân trao lại. Mọi thể hệ con dân Việt cần phải trân quý. Các luật gia và các cấp chính quyền cần phải nghiên cứu, tu chính, cập nhật hóa và luật hóa để trở thành một trong những rường cột của đất nước Việt Nam. Dĩ nhiên khi tu chính và cập nhật hóa, chúng ta phải lưu tâm đến những bằng giá trị hiện đại nhất của nhân loại về dân quyền và nhân quyền, lẫn những hiệp ước quốc tế mà chính phủ đã và sẽ cần ký kết trong tương lai.

7. Tương quan vận hành giữa các cấp tòa án (The functional dynamics between courts of various levels):

Trên thế giới hôm nay, có hai hệ thống luật pháp với hai khuynh hướng khác nhau. Một bên, chúng ta thấy có hệ thống Common Law của các quốc gia chịu ảnh hưởng Anh Quốc và Hoa Kỳ. Bên kia chúng ta thấy có hệ thống Civil Law của các quốc gia chịu ảnh hưởng hệ thống luật pháp của lục địa Âu Châu, nhất là bộ luật Nã Phá Luân (The Napoleonic Code). Ngoài ra chúng ta còn thấy hệ thống luật cộng sản. Tuy nhiên sau khi nghiên cứu kỹ, các chuyên gia cho rằng, luật cộng sản chỉ là một hệ thống luật Civil Law trá hình.

Đặc tính nguyên thủy của Common Law là chủ thuyết Stare Decisis. Theo tiếng La Tinh, Stare Decisis có nghĩa là “tuân theo những gì đã được quyết định” trừ khi có một sắc luật của Lập Pháp quy định rõ rệt khác đi. Một khi một tòa án đã quyết định rồi thì những quyết định sau, không thể trái với những nguyên tắc nêu ra trong quyết định trước. Mục đích của chủ thuyết này là để tránh tình trạng tiền hậu bất nhất trong các quyết định của các tòa án.

Có hai loại Stare Decisis, một là hàng ngang khi một tòa án phải tuân hành những quyết định trước của tòa. Hai là hàng dọc khi một tòa án cấp dưới phải tuân hành quyết định của tòa cấp trên. Stare Decisis hàng ngang là một quy luật không phải bất di bất dịch, nhưng thông thường được tuân thủ mà thôi.

Hậu quả của chủ thuyết Stare Decisis là các tòa án đôi khi lấn quyền làm ra luật của lập pháp khi diễn giải luật pháp theo ý mình và các phán quyết trở thành những tiền lệ và có quyền ràng buộc không những các tòa án cấp dưới mà các phiên xử của chính mình sau đó.

Trong khi đó, theo hệ thống Civil Law thì quy định rằng, chỉ có Lập Pháp là làm ra luật mà thôi. Các tòa án chỉ có trách nhiệm áp dụng luật. Vì không có các tiền lệ ràng buộc, mỗi quan tòa có quyền diễn giải luật theo ý của mình, tạo ra tình trạng xử án không đồng nhất trong một quốc gia. Ý thức được khuyết điểm này, các quốc gia theo Civil Law cũng có tạo ra chủ thuyết “pháp lý đồng bộ” để bổ khuyết. Bên Pháp, Tòa Kháng Cáo Tối Cao và Hội Đồng Quốc Gia đều được công nhận là những pháp đình hầu như có thẩm quyền làm luật giới hạn.

Tuy điều 52 (2) của DTHP có nêu nguyên tắc “những quyết định của các tòa án cấp cao hơn sẽ có tác dụng ràng buộc các quyết định của các tòa án thấp hơn”, nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng mỗi hệ thống đều có ưu và khuyết điểm. Trong một nước Việt Nam tương lai, một trong những giải pháp là chúng ta không cần phải theo triệt để hệ thống Common Law hoặc Civil

Law. Tuy có nhu cầu phân biệt hai trách nhiệm là làm luật của Lập Pháp và áp dụng luật của Tư Pháp (các tòa án), nhưng chúng ta có thể trao quyền tương tự Stare Decisis hoặc jurisprudence constante và giới hạn quyền này nơi các tòa án cao nhất là các tòa thượng thẩm cấp quốc gia và Tối Cao Pháp Viện mà thôi. Như thế chúng ta sẽ giữ được sự phân biệt rõ rệt giữa Lập Pháp và Tư Pháp, nhưng đồng thời giữ mức độ đồng bộ tương đối giữa các phiên xử của các tòa án trong quốc gia.

8. Những vấn đề khác cần nghiên cứu (Matters for further studies):

Bài này chỉ nêu ra một số vấn đề căn bản. Nhiều vấn nạn hoặc chọn lựa khác cần phải nghiên cứu trước khi quyết định để hoàn chỉnh một hệ thống luật pháp cho Việt Nam hậu cộng sản. Chẳng hạn:

a. Trên bình diện hình luật lẫn dân luật, cần những quy luật về chứng cứ nghiêm khắc và nghiêm chỉnh theo kiểu rule of evidence tại Anh Quốc, Hoa Kỳ, Úc và các quốc gia theo

Common Law hay không?

b. Làm sao giảm thiểu chi phí quá cao các vụ tranh tụng hoặc hình sự, hoặc dân sự và từ đó giảm bớt bất công xã hội. Lý do là vì ngay cả tại những quốc gia tiên bộ nhất, chi phí pháp lý nằm ngoài tầm tay của một người dân có lợi tức trung bình.

c. Làm sao phát triển một hệ thống giải quyết các tranh chấp bên ngoài tòa án (alternative dispute resolution) để giảm chi phí và gần gũi người dân bình thường hơn.

d. Trên phương diện hình luật, cần phải cân nhắc ưu và khuyết điểm của việc xử án qua:

Hoặc quan tòa mà thôi như là pháp đình về luật lẫn sự kiện.

Hoặc một quan tòa như là pháp đình về luật và một bồi thẩm đoàn như là pháp đình về sự kiện.

Hoặc bị cáo hoặc hai bên có thể chọn lựa một trong hai mô thức.

Nếu theo mô thức thứ hai thì những đòi hỏi và điều kiện gì để được chọn vào bồi thẩm đoàn?

(D). Kết luận:

Việc kiến tạo một hệ thống luật pháp thể hiện đúng tinh thần pháp trị, trong một xã hội vắng bóng các yếu tố pháp trị nên tảng vô cùng khó khăn, đòi hỏi kiên kiên, thời gian và sự đóng góp trí tuệ tập thể của toàn dân.

Tác giả chỉ nêu ra và đặt một số vấn đề căn bản và mong mỏi được sự đóng góp ý kiến của quý vị thức giả yêu nước, nhất là những luật gia Việt Nam trong lẫn ngoài nước.

Dự Luật Chuyển Hóa Dân Chủ Việt Nam hậu cộng sản
(Cải tổ nền tảng Hệ Thống Hành Chánh, Quân Đội, Tri An và Hệ Thống Pháp
Lý):

Sau đây là một Dự luật chuyển tiếp (transitional) mà một quốc hội hậu cộng sản có thể thông qua như một sắc luật có tính chuyển tiếp từ độc tài sang dân chủ:

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA VIỆT NAM

Luật số: ...

Thủ Đô, ngày...tháng ...năm 20...

LUẬT CHUYỂN HÓA DÂN CHỦ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật chuyển hóa dân chủ.

Chương I. Tổng quan:

Bộ luật này mang tính chuyển tiếp giữa giai đoạn chính thể cộng sản sang chính thể dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên. Mục đích chính là giúp khai triển hiến pháp, đem lại cho chính quyền nước Cộng Hòa Việt Nam một cơ sở pháp lý chi tiết cụ thể hầu sự điều hành guồng máy chính quyền, trong giai đoạn chuyển tiếp, không bị gián đoạn.

Chương II. Phạm vi thẩm quyền và nguyên tắc chỉ đạo của Bộ luật này:

Điều 1. (Các hệ thống cần cải tổ) Bộ luật này tập chú vào các hệ thống sau đây:

- a. Hệ thống hành chánh trung ương
- b. Hệ thống hành chánh địa phương
- c. Hệ thống quân đội
- d. Hệ thống trị an bao gồm cảnh sát và công an
- e. Hệ thống pháp lý quốc gia

Điều 2. (Xung đột luật pháp quá khứ) Tất cả những điều khoản của các Bộ luật ra đời trước ngày Bộ luật này được ban hành, nếu xung đột với bất cứ điều khoản nào của hiến pháp hoặc Bộ luật này, đều vô hiệu lực đến mức độ của sự xung đột và trong thời gian sớm nhất, cần phải hủy bỏ hoặc tu chính cho phù hợp.

Điều 3. (Tu chính) Bộ luật này có thể được tu chính bằng những Bộ luật tương lai, theo trình tự và tinh thần của hiến pháp nước Cộng Hòa Việt Nam.

Điều 4. (Xung đột luật pháp tương lai) Trong trường hợp có sự xung đột giữa bộ luật này và một bộ luật tương lai, thì bộ luật tương lai sẽ ưu thắng đến mức độ của sự xung đột.

Điều 5. (Ủy ban đặc nhiệm) Một “Ủy Ban Đặt Nhiệm Luật Pháp quốc hội” bao gồm những dân biểu cấp cao, với sự giúp đỡ và cố vấn của những chuyên gia về hành chính và luật gia chuyên nghiệp, sẽ được thành lập hầu duyệt xét các Bộ luật hiện hành và đề nghị hủy bỏ hoặc tu chính tất cả những Bộ luật hoặc điều luật vi phạm bất cứ điều khoản nào của hiến pháp hoặc Bộ luật này.

Điều 6. (Tính vô hiệu lực) Bộ luật này sẽ từng phần vô hiệu lực sau khi quốc hội thông qua những bộ luật tu chính và khi mọi sắc luật liên hệ đều được tu chính thì bộ luật này sẽ toàn phần vô hiệu lực.

Điều 7. (Nguyên tắc chỉ đạo) Nguyên tắc chỉ đạo của tiến trình chuyển hóa dân chủ là:

7.1 (Quan điểm chính trị) Không một công viên chức nhà nước nào có thể bị cách chức hoặc kỷ luật vì quan điểm chính trị cá nhân của mình

7.2 (Tính tiệm tiến) Tiến trình chuyển hóa dân chủ phải tiệm tiến, giảm thiểu tối đa những xáo trộn nhân sự, đưa đến bất ổn trong thị trường nhân dụng và trong xã hội

7.3 (Phân biệt giữa chính trị và hành chánh) Tiến trình chuyển hóa dân chủ phải phân biệt biên giới rõ rệt giữa giai cấp chính trị gia dân cử, có nhiệm kỳ bên này và giới công viên chức hành chánh nhà nước bên kia, không giới hạn nhiệm kỳ và phục vụ cho nhân dân đến tuổi hưu trí.

7.4 (Tránh cưỡng bách sa thải) Tiến trình tinh giản guồng máy công quyền luôn nghiên về khía cạnh “thôi việc tự nguyện” (natural attrition) hay “huấn luyện bỏ túc” thay vì “cưỡng bách sa thải”.

7.5 (Tội hình luật) Cưỡng bách sa thải sai trái trong hệ thống hành chánh nhà nước, là một tội trọng hình. Hình phạt có thể lên đến 3 năm tù giam.

Chương III. Cải tổ định chế:

Điều 8. (Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia)

- a. (Tội hình luật) Tổng Cục Thống Kê Quốc Gia là một cơ cấu chuyên nghiệp, độc lập và phi chính trị. Bất cứ một cá nhân hay thực thể pháp lý nào cố tình ảnh hưởng, ngăn trở, xen lấn vào sự thi hành trách nhiệm luật định của nhân viên mọi cấp của tổng cục sẽ vi phạm một trọng tội hình luật. Hình phạt có thể lên đến 5 năm tù giam.
- b. (Tổng giám đốc) Tổng giám đốc tổng cục và phó tổng giám đốc do chính phủ đề nghị bổ nhiệm với sự đồng ý của quốc hội, nhiệm kỳ là 8 năm, có thể được tái bổ nhiệm và chỉ có thể bị cách chức với sự đồng thuận của quốc hội.
- c. (Trách nhiệm tổng giám đốc) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp với quốc hội, trên phương diện vận hành và phúc trình với quốc hội mỗi năm về công tác và tình trạng thi hành các công tác luật định của tổng cục. Trên phương diện hành chánh, tổng giám đốc chịu trách nhiệm với bộ trưởng liên hệ.

Điều 9. (Nhu cầu công dân tiếp cận thông tin)

9.1(Sắc Luật Tự Do Tiếp Cận Thông Tin): Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ, theo điều 10 của Bộ Luật này, như là cơ quan trách nhiệm thi hành công tác chuyển hóa sẽ nghiên cứu đề án cải tổ, trình

lên Tổng Thống một Sắc Luật bảo đảm quyền tự do tiếp cận thông tin của mọi công dân. Sau đó, với sự đề nghị của Tổng Thống, Quốc Hội sẽ thông qua sắc luật quan trọng này. Nguyên tắc chỉ đạo sẽ là: “công dân được quyền tiếp cận tất cả những thông tin không bị cấm đoán, chứ không phải chỉ được tiếp cận những thông tin được cho phép”.

9.2 (Trách nhiệm minh bạch thông tin) Trong thời gian chờ đợi sự ban hành bộ luật “Tiếp cận thông tin”, tất cả mọi cơ cấu chính quyền, từ cấp bộ trở lên, đều phải minh bạch những thông tin căn bản cho quần chúng qua các cổng thông tin chính thức của mình, bao gồm nhưng không giới hạn ở mức độ các chức vụ lãnh đạo, nhân số, ngân sách, trình độ học vấn của công viên chức, địa chỉ liên lạc, điện thoại hay điện thư liên lạc, phương pháp khiếu nại...

9.3 (Quyền tiếp cận thông tin) Tất cả mọi công dân nước Cộng Hòa Việt Nam đều có quyền tiếp cận những thông tin căn bản liên hệ tới bất cứ một cơ quan chính quyền nào, mà hiến pháp và luật pháp không nghiêm cấm, bằng một văn thư yêu cầu cung cấp thông tin.

9.4 (Tờ chối yêu cầu tiếp cận thông tin) Trong trường hợp một cơ quan từ chối cung cấp thông tin, cơ quan đó cần có văn thư chính thức, thông báo lý do tại sao không cung cấp thông tin, và cho biết phương pháp khiếu nại quyết định từ chối này.

9.5 (Khiếu nại) Mỗi cơ quan liên hệ sẽ thành lập một “Ủy ban duyệt xét tự do tiếp cận thông tin” hầu duyệt xét nội bộ các khiếu nại từ các công dân không được tiếp cận thông tin và hòa giải các tranh chấp khi cần thiết.

9.6 (Kháng cáo) Công dân cá thể có thể kháng cáo các quyết định của các cơ quan chính quyền qua các tòa án. Công dân có thể kháng cáo lên các tòa thượng thẩm quốc gia trong trường hợp các chính quyền trung ương, và các tòa án cấp quận hay tỉnh trong trường hợp các chính quyền địa phương.

Điều 10. (Bộ Chuyển hóa dân chủ) Song song với Ủy Ban Đặc Nhiệm Luật Pháp Quốc Hội, hành pháp phải thành lập một cơ quan cấp bộ, dưới quyền điều khiển của một bộ trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổng Thống, hầu điều hợp sự thi hành và áp dụng các sắc luật của quốc hội liên hệ đến sự nghiệp chuyển hóa dân chủ. Tên của cơ quan này sẽ là “Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ”.

Điều 11. (Thẩm quyền) Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ bao gồm:

- a. (Thi hành và áp dụng các sắc luật) Thi hành và áp dụng các sắc luật của quốc hội liên hệ đến sự nghiệp chuyển hóa dân chủ hầu hoàn tất tiến trình dân chủ hóa guồng máy chính quyền.
- b. (Liên lạc và điều hợp) Liên lạc và điều hợp mọi công tác chuyển hóa dân chủ liên bộ, liên ngành, liên cơ quan trong nhà nước và những thành phần liên hệ ngoài xã hội dân sự như các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức chuyên gia, trong lẫn ngoài nước.
- c. (Liên lạc và điều hợp các chính quyền địa phương) Liên lạc và điều hợp tiến trình chuyển hóa dân chủ tại các cấp chính quyền địa phương bao gồm tỉnh, các thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận xã và các chính quyền địa phương khác.
- d. (Sách lược) Soạn thảo sách lược chuyển hóa dân chủ, đệ trình sách lược cho tổng thống và nội các, đề nghị ngân sách và nhân sự, thi hành sách lược và duyệt xét thành quả của sách lược chuyển hóa dân chủ.

Chương IV. Hệ thống hành chính trung ương:

Hệ thống hành chính trung ương sẽ được cải tổ theo các nguyên tắc sau đây:

Điều 12. (Tổ quốc, hiến pháp và chính quyền dân cử) Công viên chức nhà nước mọi cấp sẽ ký giao kèo mới với chính phủ bao gồm lời tuyên thệ trung thành với tổ quốc, bảo vệ hiến pháp và thi hành mọi chính sách và chỉ thị hợp pháp của các chính quyền dân cử.

Điều 13. (Phi chính trị) Luật pháp nghiêm cấm sự hiện diện của tất cả các cơ cấu đảng ủy từ mọi chính đảng trong các cấu trúc của hệ thống hành chính trung ương hoặc ngoài các cấu trúc này, nhưng với mục tiêu ảnh hưởng hay điều hướng các cấu trúc này. Vi phạm điều luật này là một trọng tội hình luật. Hình phạt có thể lên đến mức độ 5 năm tù giam.

Điều 14. (Quyền chính trị) Công viên chức có quyền tham gia làm thành viên các đảng phái chính trị do mình chọn lựa. Tuy nhiên:

14.1 Không được vận động, tuyên truyền cổ võ cho một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.

14.2 Không chỉ trích, đả phá một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.

14.3 Vi phạm các điều trên sẽ là một lý do chính đáng để bị cưỡng bách sa thải.

14.4 Cá nhân công viên chức có quyền vận động, tuyên truyền, cổ võ, chỉ trích, đả phá một chính đảng và thi hành những trách nhiệm đảng mình theo giao phó, trong hoàn cảnh và thời điểm riêng tư của mình và trong phạm vi luật pháp và hiến pháp quy định.

Điều 15. (Huấn luyện bổ túc). Mọi công viên chức phải trải qua một chương trình huấn luyện bổ túc với mục tiêu hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa mọi công viên chức nhà nước, do Bộ Chuyên Hóa Dân chủ chủ trương và thực hiện.

Điều 16. (Thường trực hóa). Khác với các chức vụ chính trị dân cử trung ương tùy thuộc vào nhiệm kỳ, Công viên chức hành chính nhà nước trung ương là những nhân viên thường trực, được chính quyền bổ nhiệm thi hành các chính sách nhà nước. Họ không thể bị kỷ luật hoặc sa thải bất công và không có lý do chính đáng. Mọi tiến trình kỷ luật hoặc sa thải phải theo luật định và họ có đủ mọi quyền pháp lý để biện minh và kháng cáo.

Điều 17. (Nghịệp đoàn hóa) Chính quyền khuyến khích sự thành lập các nghiệp đoàn tu nhân, đại diện cho công viên chức nhà nước, hoặc trong mỗi cơ quan, mỗi bộ, mỗi ngành, hoặc liên cơ quan, liên bộ, liên ngành, hầu tranh đấu cho quyền lợi cá nhân, tập thể, hoặc đại diện cho cá nhân hay tập thể, trong các cuộc thương thuyết về lương bổng, phúc lợi cho công viên chức, kể cả các cuộc đình công toàn phần hoặc từng phần, theo luật định.

Điều 18. (Quyền tham gia nghiệp đoàn) Mọi công dân nhà nước có quyền tham gia hay không tham gia nghiệp đoàn theo sự chọn lựa của mình. Chính phủ tạo cơ hội và điều kiện thuận tiện cho công viên chức tham gia các hội họp và hoạt động của các nghiệp đoàn.

Chương V. Hệ thống hành chính địa phương:

Hệ thống hành chính địa phương bao gồm tỉnh, các thành phố trực thuộc trung ương và các cấp thấp hơn, sẽ được cải tổ theo các nguyên tắc sau đây:

Điều 19. (Tổ quốc, hiến pháp và chính quyền dân cử) Công viên chức nhà nước địa phương mọi cấp sẽ ký giao kèo mới với các chính quyền địa phương liên hệ, bao gồm lời tuyên thệ trung thành với tổ quốc, bảo vệ hiến pháp và thi hành mọi chính sách và chỉ thị hợp pháp của các chính quyền dân cử địa phương.

Điều 20. (Phi chính trị) Luật pháp nghiêm cấm sự hiện diện của tất cả các cơ cấu đảng ủy từ mọi chính đảng trong các cấu trúc của hệ thống hành chính địa phương, hoặc ngoài các cấu trúc này, nhưng với mục tiêu ảnh hưởng hay điều hướng các cấu trúc này. Vi phạm điều luật này là một trọng tội hình luật. Hình phạt có thể lên đến mức độ 3 năm tù giam.

Điều 21. (Quyền chính trị) Công viên chức có quyền tham gia làm thành viên các đảng phái chính trị do mình chọn lựa. Tuy nhiên:

- 21.1 Không được vận động, tuyên truyền cổ võ cho một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.
- 21.2 Không chỉ trích, đả phá một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.
- 21.3 Vi phạm các điều trên sẽ là một lý do chính đáng để bị cưỡng bách sa thải.
- 21.4 Công viên chức có quyền vận động, tuyên truyền, cổ võ, chỉ trích, đả phá một chính đảng và thi hành những trách nhiệm đảng mình theo giao phó, trong hoàn cảnh và thời điểm riêng tư của mình và trong phạm vi luật pháp và hiến pháp quy định.

Điều 22. (Huấn luyện bổ túc). Mọi công viên chức phải trải qua một chương trình huấn luyện bổ túc với mục tiêu hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa mọi công viên chức nhà nước, do Bộ Chuyển Hóa Dân chủ chủ trương và thực hiện.

Điều 23. (Thường trực hóa). Khác với các chức vụ chính trị dân cử địa phương tùy thuộc vào nhiệm kỳ, công viên chức hành chính nhà nước địa phương là những nhân viên thường trực, được chính quyền địa phương bổ nhiệm thi hành các chính sách nhà nước địa phương. Họ không thể bị kỷ luật hoặc sa thải bất công và không có lý do chính đáng. Mọi tiến trình kỷ luật hoặc sa thải phải theo luật định và họ có đủ mọi quyền pháp lý để biện minh và kháng cáo.

Điều 24. (Nghịệp đoàn hóa) Chính quyền địa phương khuyến khích sự thành lập các nghịệp đoàn tư nhân, đại diện cho công viên chức nhà nước địa phương, hoặc trong mỗi cơ quan, mỗi sở, mỗi ngành, hoặc liên cơ quan, liên sở, liên ngành, hầu tranh đấu cho quyền lợi cá nhân, tập thể, hoặc đại diện cho cá nhân hay tập thể, trong các cuộc thương thuyết về lương bổng, phúc lợi cho công viên chức, kể cả các cuộc đình công toàn phần hoặc từng phần, theo luật định.

Điều 25. (Quyền tham gia nghịệp đoàn) Mọi công dân nhà nước địa phương có quyền tham gia hay không tham gia nghịệp đoàn theo sự chọn lựa của mình. Chính quyền địa phương tạo cơ hội và điều kiện thuận tiên cho công viên chức tham gia các hội họp và hoạt động của các nghịệp đoàn.

Chương VI. Hệ thống quân đội quốc gia:

Hệ thống quân đội quốc gia sẽ được cải tổ theo các nguyên tắc sau đây:

Điều 26. (Tổ quốc, hiến pháp và chính quyền dân cử) Quân nhân mọi cấp phải long trọng tuyên thệ trung thành với tổ quốc, bảo vệ hiến pháp và thi hành mệnh lệnh các chính quyền dân cử.

Điều 27. (Phi chính trị) Luật pháp nghiêm cấm sự hiện diện của tất cả các cơ cấu đảng ủy từ mọi chính đảng trong các cấu trúc của hệ thống quân đội hoặc ngoài các cấu trúc này, nhưng với mục tiêu ảnh hưởng hay điều hướng các cấu trúc quân đội này. Vi phạm điều luật này là một trọng tội hình luật. Hình phạt có thể lên đến mức độ 10 năm tù giam.

Điều 28. (Quyền chính trị) Quân nhân có quyền tham gia làm thành viên các đảng phái chính trị do mình chọn lựa. Tuy nhiên:

28.1 Không được vận động, tuyên truyền cổ võ cho một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.

28.2 Không chỉ trích, đả phá một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.

28.3 Vi phạm các điều trên sẽ là một lý do chính đáng để bị cưỡng bách sa thải.

28.4 Quân nhân có quyền vận động, tuyên truyền, cổ võ, chỉ trích, đả phá một chính đảng và thi hành những trách nhiệm đảng mình theo giao phó, trong hoàn cảnh và thời điểm riêng tư của mình và trong phạm vi luật pháp và hiến pháp quy định.

Điều 29. (Huấn luyện bổ túc). Quân nhân mọi cấp phải trải qua một chương trình huấn luyện bổ túc với mục tiêu hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa mọi quân nhân, do Bộ Chuyển Hóa Dân chủ chủ trương và thực hiện.

Điều 30. (Trách nhiệm của Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ):

Nghiên cứu và đưa ra đề án liên hệ đến các vấn đề sau đây:

30.1 (Tăng cường ngân sách quốc phòng)

Ngân sách quốc phòng VN sẽ tăng từ 2% GDP lên đến 4% GDP trong ngắn hạn và trong dài hạn sẽ không bao giờ dưới 3% GDP.

30.2 (Trên bình diện binh pháp):

Buông bỏ binh pháp Mao Trạch Đông và học hỏi binh pháp hiện đại từ Hoa Kỳ và nhất là binh pháp của Hoa Kỳ đã được ứng dụng thực tế tại các quốc gia đang đối đầu với TQ như Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan.

30.3 (Hiện đại hóa Hải Lục Không Quân):

- Tập chú vào các vũ khí phẩm chất cao của Hoa Kỳ và các nước tây phương,
- Từng bước đào thải vũ khí của Nga và TQ vì phẩm chất kém.
- Phát triển kỹ nghệ vũ khí nội địa.
- Xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh, bao gồm cả tàu sân bay hầu có thể tuần tra trên vùng biển mệnh mông của đất nước và cảnh báo răn đe tất cả những kẻ có dã tâm bá quyền đối với chúng ta.

30.4 (Phân biệt giữa quốc phòng và trị an):

Quân đội là lực lượng vũ trang duy nhất có trọng trách bảo vệ tổ quốc.

30.5 (Đứng về phía nhân dân và chống lại mọi hình thức độc tài):

Trách nhiệm cao quý nhất của một quân nhân Việt Nam là:

- (i) Sống và thể hiện trong mọi tình huống những giá trị nhân bản cốt lõi của dân tộc Việt.
- (ii) Chặn đứng độc tài, đứng về phía nhân dân, trân trọng sinh mạng và nhân phẩm của từng cá nhân con dân nước Việt.

30.6 (Đạo đức của quân nhân):

Một quy chế về đạo đức và nguyên tắc hành xử (code of moral and ethical conduct) cho những quân nhân sẽ được ban hành và luật hóa.

30.7 (Cải tổ hệ thống Tòa Án Quân Sự):

Hệ thống tòa án quân sự sẽ được cải tổ theo các nguyên tắc sau đây:

- i. Bản chất của tòa phải là chuyên nghiệp và phi chính trị.
- j. Các thẩm phán không thể là quân nhân hiện dịch vì không đủ tinh thần độc lập, đi ngược với tinh thần của HP.
- k. Các thẩm phán phải có sự hiểu biết về quân đội nhưng không lệ thuộc vào quân đội.
- l. Quy ước về nguyên tắc hành xử của quân nhân cập nhật của thời đại sẽ được soạn thảo và được luật hóa.
- m. Các quân nhân vi phạm các tội hình sự trong bộ luật hình sự sẽ bị truy tố như những người dân bình thường, tuy nhiên cơ quan tài phán sẽ là tòa quân sự thay vì tòa án bình thường.
- n. Ngoài ra quân nhân vi phạm quân kỷ và những tội liên hệ đến luật quân đội cũng sẽ bị truy tố và cơ quan tài phán sẽ là tòa quân sự.
- o. Các bị cáo hay nguyên cáo có quyền kháng cáo lên Tối Cao Pháp Viện Hoặc Tòa Án Tối Cao như cơ quan tài phán chung thẩm.
- p. Các tòa án quân sự các cấp sẽ có 2 loại thẩm quyền chính:
 - (i) Thẩm quyền quân kỷ và hình sự: khi các quân nhân vi phạm quân kỷ và các tội hình luật
 - (ii) Thẩm quyền về các tranh tụng có tính hành chính như thăng cấp, sa thải hoặc lương bổng và các phúc lợi khác của quân nhân.

Chương VII. Hệ Thống trị an quốc gia:

Hệ thống trị an, tức cảnh sát và công an, sẽ được cải tổ theo các nguyên tắc sau đây:

Điều 31. (Tổ quốc, hiến pháp và chính quyền dân cử) Cảnh sát và công an mọi cấp phải long trọng tuyên thệ trung thành với tổ quốc, bảo vệ hiến pháp và thi hành mệnh lệnh các chính quyền dân cử.

Điều 32. (Phi chính trị) Luật pháp nghiêm cấm sự hiện diện của tất cả các cơ cấu đảng ủy từ mọi chính đảng trong các cấu trúc của hệ thống trị an hoặc ngoài các cấu trúc này, nhưng với mục tiêu ảnh hưởng hay điều hướng các cấu trúc trị an này. Vi phạm điều luật này là một trọng tội hình luật. Hình phạt có thể lên đến mức độ 10 năm tù giam.

Điều 33. (Quyền chính trị) Cá nhân cảnh sát và công an có quyền tham gia làm thành viên các đảng phái chính trị do mình chọn lựa. Tuy nhiên:

- 14.5 Không được vận động, tuyên truyền cổ võ cho một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.
- 14.6 Không chỉ trích, đả phá một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.
- 14.7 Vi phạm các điều trên sẽ là một lý do chính đáng để bị cưỡng bách sa thải.
- 14.8 Cá nhân cảnh sát và công an có quyền vận động, tuyên truyền, cổ võ, chỉ trích, đả phá một chính đảng và thi hành những trách nhiệm đảng mình theo giao phó, trong hoàn cảnh và thời điểm riêng tư của mình và trong phạm vi luật pháp và hiến pháp quy định.

Điều 34. (Huấn luyện bổ túc). Cảnh sát và công an mọi cấp phải trải qua một chương trình huấn luyện bổ túc với mục tiêu hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa, do Bộ Chuyển Hóa Dân chủ chủ trương và thực hiện.

Điều 35. (Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ). Như là cơ quan trách nhiệm thi hành công tác chuyên hóa sẽ nghiên cứu đề án cải tổ hệ thống trị an, trình lên Tổng Thống. Sau đó, với sự đề nghị của Tổng Thống, Quốc Hội sẽ thông qua sắc luật và ngân sách cần thiết để cải tổ. Tác động cải tổ sẽ nhằm vào các mục tiêu sau đây:

- 35.1 Thay đổi phẩm trật và cấp bậc trong ngành công an, tránh không xử dụng những phẩm trật và cấp bậc tương tự với quân đội.
- 35.2 Tu chính Luật Công An Nhân dân, nhất là điều 16, nghiêm cấm sự xen lấn của bất cứ cá nhân hay chính đảng vào sự hoạt động của ngành công an.
- 35.3 Phân loại và tinh giản các nhiệm vụ khác nhau trong ngành công an thành các loại chính như:

- (i) Giao thông (Traffic)
- (ii) An ninh và trật tự xã hội (Security and public order)
- (iii) Các vấn đề hình sự (Crimes)
- (iv) Nhu cầu phản gián (Anti-espionage)
- (v) Nhu cầu tình báo bên ngoài (Foreign intelligence gathering)
- (vi) Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu, trong phạm vi cho phép của hiến pháp, phân phối một phần lực lượng công an cho các chính quyền địa phương toàn quyền quản trị, hầu đáp ứng nhu cầu trị an trong địa phương mình.
- (vii) Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu đề án thành lập một cơ quan phản gián tương tự như Tổng Cục Điều Tra Liên Bang Hoa Kỳ (FBI), từ trong lực lượng công an. Vị tổng giám đốc cơ quan này phẩm trật ngang hàng với một bộ trưởng, sẽ do tổng thống đề cử, với sự phê chuẩn của Thượng Viện Quốc Hội và chịu trách nhiệm trực tiếp với tổng thống
- (viii) Bộ Chuyển Hóa Dân Chủ sẽ nghiên cứu đề án thành lập một Cơ Quan Tình Báo Trung Ương tương tự CIA của Hoa Kỳ, từ trong lực lượng công an. Vị tổng giám đốc cơ quan này phẩm trật ngang hàng với một bộ trưởng, sẽ do tổng thống đề cử, với sự phê chuẩn của Thượng Viện Quốc Hội và chịu trách nhiệm trực tiếp với tổng thống.

35.4 Như những công viên chức khác của quốc gia, công an cảnh sát cũng có những nhu cầu và quyền lợi như sau:

- (i). (Huấn luyện bổ túc). Mọi công an cảnh sát phải trải qua một chương trình huấn luyện bổ

túc với mục tiêu hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa mọi công an cảnh sát, do Bộ Chuyển Hóa Dân chủ chủ trương và thực hiện.

(ii). (Thường trực hóa). Khác với các chức vụ chính trị dân cử trung ương hay địa phương tùy thuộc vào nhiệm kỳ, công an cảnh sát trung ương hay địa phương là những nhân viên thường trực, được chính quyền liên hệ bổ nhiệm thi hành các chính sách nhà nước trung ương hay địa phương. Họ không thể bị kỷ luật hoặc sa thải bất công và không có lý do chính đáng. Mọi tiến trình kỷ luật hoặc sa thải phải theo luật định và họ có đủ mọi quyền pháp lý để biện minh và kháng cáo.

(iii). (Nghịệp đoàn hóa) Chính quyền trung ương hay địa phương khuyến khích sự thành lập các nghiệp đoàn tư nhân, đại diện cho công an cảnh sát, hầu tranh đấu cho quyền lợi cá nhân, tập thể, hoặc đại diện cho cá nhân hay tập thể, trong các cuộc thương thuyết về lương bổng, phúc lợi cho công an cảnh sát, kể cả các cuộc đình công toàn phần hoặc từng phần, theo luật định.

(iv). (Quyền tham gia nghiệp đoàn) Mọi công an cảnh sát trung ương hay địa phương có quyền tham gia hay không tham gia nghiệp đoàn theo sự chọn lựa của mình. Chính quyền trung ương hay địa phương tạo cơ hội và điều kiện thuận tiên cho công an cảnh sát tham gia các hội họp và hoạt động của các nghiệp đoàn.

Chương VIII. Hệ Thống pháp lý quốc gia:

Điều 36. (Tổ quốc, hiến pháp và luật pháp hiện hành) Các thẩm phán được bổ nhiệm phải tuyên thệ trung thành với tổ quốc, bảo vệ hiến pháp và thi hành nghiêm minh mọi sắc luật được quốc hội thông qua và tổng thống ban hành.

Điều 37. (Phi chính trị) Luật pháp nghiêm cấm sự hiện diện của tất cả các cơ cấu đảng ủy từ mọi chính đảng trong các cấu trúc của hệ thống pháp lý quốc gia hoặc ngoài các cấu trúc này, nhưng với mục tiêu ảnh hưởng hay điều hướng các cấu trúc này. Vi phạm điều luật này là một trọng tội hình luật. Hình phạt có thể lên đến mức độ 10 năm tù giam.

Điều 38. (Tính pháp bất vị thân) Trước khi chính thức nhậm chức, các tân thẩm phán phải hủy bỏ tư cách đảng viên của các chính đảng hoặc tổ chức chính trị liên hệ. Các thẩm phán đương nhiệm phải hủy bỏ tư cách đảng viên tương tự trong thời gian 1 tháng từ ngày sắc luật được ban hành.

Điều 39. (Lập trường phi chính trị):

- (i) Các thẩm phán không được vận động, tuyên truyền cổ võ cho một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.
- (ii) Các thẩm phán không được chỉ trích, đả phá một chính đảng nào trong môi trường và thời điểm thi hành công vụ.
- (iii) Các thẩm phán phải đứng ngoài mọi tranh chấp chính trị trong thời gia tại chức.
- (iv) Vi phạm các điều trên sẽ là một lý do chính đáng để bị đưa ra quốc hội đàn hạch và đưa đến cưỡng bách sa thải.

Điều 40. (Huấn luyện bổ túc). Mọi thẩm phán phải trải qua một chương trình huấn luyện bổ túc với mục tiêu hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa mọi thẩm phán trong hệ thống pháp lý, do Bộ Chuyên Hóa Dân chủ chủ trương và thực hiện.

Điều 41. (Bộ Chuyên Hóa Dân Chủ). Như là cơ quan trách nhiệm thi hành công tác chuyên hóa sẽ nghiên cứu đề án cải tổ, trình lên Tổng Thống. Sau đó, với sự đề nghị của Tổng Thống, Quốc Hội sẽ thông qua sắc luật và ngân sách cần thiết để cải tổ. Tác động cải tổ hệ thống pháp lý sẽ nhằm vào các mục tiêu sau đây:

- (i) Thi hành các điều khoản trong Chương IV Hiến Pháp về Ngành Tư Pháp
- (ii) Thành lập các tòa án cấp dưới Tối Cao Pháp Viện gồm các tòa thượng thẩm cấp quốc gia, các tòa cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, các tòa cấp quận hoặc huyện, các tòa chuyên biệt (quân sự, hành chánh, quan hệ lao động- chủ nhân, chống kỳ thị, thiết kế đô thị, luật gia đình, luật môi trường...)
- (iii) Một nhu cầu quan trọng trong tiến trình cải tổ pháp lý là thiết lập một hệ thống tòa án bảo vệ quyền lợi của giới quân nhân, công an-cảnh sát và công viên chức mọi cấp.
- (iv) Tiến trình thi hành công lý là bất khả xâm phạm và vô úy. Bất cứ ai xen lấn, ngăn chận, phá hoại hay cản trở tiến trình này là vi phạm một trọng tội hình luật. Hình phạt lên đến 10 năm tù giam.
- (v) Mọi hữu thể pháp lý đều tuyệt đối bình đẳng trước tòa án.
- (vi) Mức độ chứng minh thắng thua trên bình diện dân luật (tức hộ) là “Có xác suất phải chăng” (on the balance of probability) và mức độ chứng minh có tội trên bình diện hình luật là “Không còn lý do chính đáng để nghi ngờ” (Beyond a reasonable doubt)
- (vii) Quy định nguyên tắc kháng cáo.
- (viii) Nghiên cứu, cập nhật hóa và luật hóa Bộ Luật Hồng Đức.
- (ix) Quy định minh thị những quyết định của các tòa án như Tối Cao Pháp Viện và các tòa thượng thẩm cấp quốc gia có hiệu lực như những án lệ các tòa thấp hơn phải tuân theo.
- (x) Quy định sự hình thành các bồi thẩm đoàn cho các phiên tòa hình luật. Các bị cáo hình luật có thể chọn xử bằng cả bồi thẩm đoàn lẫn quan tòa. Lúc đó quan tòa sẽ là pháp đình về luật (tribunal of law) và bồi thẩm đoàn là pháp đình về sự kiện (tribunal of facts). Các bị cáo cũng có thể chọn xử bằng quan tòa mà thôi. Lúc đó quan tòa không những là pháp đình về luật mà là cả pháp đình về sự kiện.
- (xi) Các vấn đề nghiên cứu bổ túc như: làm sao giảm chi phí ra tòa để công lý có thể đến với người nghèo, những hình thức giải quyết tranh chấp không phải ra tòa, có cần luật về chứng cứ khi ra tòa hay không (rule of evidence).
- (xii) Thành lập một “Quy tắc về đạo đức và ứng xử” (Code of ethics and judicial conduct) phi chính trị và phi ý thức hệ cho các quan tòa, cùng với một Ủy Ban Pháp Lý (Judicial Commission) gồm những luật gia và thẩm phán uy tín, với trách nhiệm và quyền hạn giám sát quan tòa, và khi cần thiết đề nghị quốc hội đàn hạch những thẩm phán vi phạm nghiêm trọng.

Chương IX. Nhu cầu phục hưng văn hóa dân tộc:

Điều 42. (Bộ Chuyên Hóa Dân Chủ). Như là cơ quan trách nhiệm thi hành công tác chuyên hóa sẽ nghiên cứu một đề án phát động một phong trào phục hưng văn hóa dân tộc hùng mạnh hầu phục hồi nền văn hiến và đạo đức ngàn đời của dân tộc, trình lên Tổng Thống. Sau đó, với sự

đề nghị của Tổng Thống, Quốc Hội sẽ thông qua sắc luật và ngân sách cần thiết để phát động phong trào này, hầu hỗ trợ cho sách lược chuyên hóa dân chủ.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa Việt Nam khóa..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 20XX.

**CHỦ TỊCH THƯỢNG VIỆN
QUỐC HỘI: XXXX**

**CHỦ TỊCH HẠ VIỆN QUỐC
HỘI: XXXX**

Phu Đính A
Phu Lục
Dự Thảo Hiến Pháp Việt Nam

(Trên quan điểm dân chủ Hiến Định, Pháp Trị và Đa Nguyên)

(Bản thảo nguyên thủy đã đăng trên Bán Tuần Báo Việt Luận Úc Châu trong các số ngày 8/May/2001, 11/May/2001 và 15/May/2001)

Lời Mở Đầu của Dự Thảo Hiến Pháp:

Sau mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của toàn dân và các bậc anh hùng lịch sử, dân tộc chúng ta đã trải qua nhiều cuộc thăng trầm. Bên cạnh những giai đoạn lịch sử vinh quang như các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần hoặc Quang Trung Đại Đế, dân tộc chúng ta cũng đã từng bị một ngàn năm đô hộ từ phương Bắc, nội chiến liên miên trong suốt các giai đoạn Thập Nhị Sứ Quân và Trịnh Nguyễn phân tranh, gần 100 năm thực dân Pháp đô hộ và tác hại hơn hết là từ hơn nửa thế kỷ nay toàn thể dân tộc trên cả 2 miền Nam và Bắc Việt Nam đã trở thành nạn nhân và con cò của những thế lực ý thức hệ và giáo điều quốc tế, đẩy dân tộc chúng ta vào một cuộc nội chiến phi dân tộc, huynh đệ tương tàn và khốc liệt .

Hơn nữa, nền văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam được hình thành qua gần 5,000 lịch sử là một nền văn hóa khai phóng, nhân bản, khoan hòa và trung dung, không hề chấp nhận bất cứ một cực đoan chủ nghĩa nào.

Hiến pháp của dân tộc Việt Nam phải hoàn toàn đặt căn bản trên quan điểm phi ý thức hệ và phi giáo điều. Những con người Việt Nam tự do và trí tuệ khai sáng, sống một cuộc đời hạnh phúc trong một xã hội thịnh vượng và một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên, là ước nguyện chính đáng của mọi người Việt Nam.

Chương I. Dự Thảo Hiến Pháp Về Những Quyền lợi và nghĩa vụ căn bản:

Điều 1 (Quyền bình đẳng)

Mọi người đều có quyền được công nhận có tư cách pháp nhân và bình đẳng trước luật pháp

bất kể phái tính, tôn giáo, chủng tộc, giai cấp xã hội, chính kiến, khuynh hướng tình dục, tuổi tác, ngôn ngữ hoặc có khuyết tật hay không, hoặc bất cứ một tiêu chuẩn phi lý nào, theo luật pháp quy định.

Điều 2 (Quyền tư hữu)

Quyền tư hữu của mọi người hoặc riêng hoặc chung với người khác phải được tuyệt đối tôn trọng, kể luôn cả quyền chuyển nhượng tư hữu của mình. Không một quyền lực nào có thể độc đoán tước đoạt quyền tư hữu của một cá nhân.

Điều 3 (Nền tảng gia đình)

Gia đình là nền tảng ngàn đời của xã hội truyền thống và có một vị trí đặt biệt trong lòng dân tộc. Nền tảng gia đình phải được luật pháp tôn trọng và bồi dưỡng như là một yếu tố quan trọng của nền văn hóa Việt Nam.

Điều 4 (Quyền tự do tư tưởng và tự do báo chí)

Quyền tự do tư tưởng phải được tôn trọng kể cả tự do phát biểu tư tưởng của mình bằng mọi phương tiện báo chí, truyền thông, truyền hình và mọi phương tiện khác.

Điều 5 (Quyền tự do đi lại)

Mọi người đều có quyền tự do đi lại và cư ngụ trong quốc gia và rời khỏi quốc gia mình. Mọi sự giới hạn không chính đáng quyền tự do đi lại đều có tính cách vi hiến và vô hiệu lực.

Điều 6 (Quyền tự do tín ngưỡng)

Mọi người đều có quyền tự do tôn giáo, kể cả quyền tự do thay đổi tôn giáo, thực hành và thờ phượng theo tôn giáo của mình.

Điều 7 (Quyền tự do hội họp và lập hội)

Mọi người đều được quyền tự do hội họp trong tinh thần bất bạo động và lập hội (kể cả các hội đoàn, tổ chức và đảng phái chính trị). Không ai có thể bị bắt buộc gia nhập một hội đoàn nào.

Điều 8 (Quyền được hưởng sự riêng tư)

Không ai có thể bị bắt buộc phải chịu những sự xâm phạm độc đoán về sự riêng tư, gia đình, nơi cư ngụ, thư tín, điện thoại, các hình thức liên lạc thông tin cũng như những sự xâm phạm về danh dự. Mọi người đều được quyền có sự bảo vệ của luật pháp trên các lãnh vực này.

Điều 9 (Các quyền liên hệ đến tự do cơ thể và sự giam cầm)

Không ai có thể bị xâm phạm cơ thể, bắt bớ, giam cầm hay lưu đày một cách độc đoán.

Điều 10 (Quyền được xét xử)

Mọi người đều được quyền được xét xử một cách công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập không thiên vị, để phán xét về những quyền lợi và trách nhiệm của mình, và để phán xét về những cáo buộc có tính cách hình sự đối với đương sự, hoặc để phán xét về những hành động bị cáo buộc là vi phạm những quyền căn bản mà hiến pháp và luật pháp ban cho họ.

Điều 11 (Quyền được luật sư đại diện)

Mọi người đều được quyền đại diện và cố vấn bởi những luật sư độc lập chuyên nghiệp không chịu áp lực từ bất cứ phe nhóm hoặc cá nhân nào để bênh vực cho mình.

Điều 12 (Quyền được hưởng một trình độ giáo dục tối thiểu)

Giáo dục tối thiểu là miễn phí và bắt buộc. Luật lệ sẽ quy định mức độ và những yếu tố của

mức độ giáo dục tối thiểu này.

Điều 13 (Quyền không bị tra tấn, bạo hành và chịu những sự đối xử dã man khác)

Không ai có thể bị tra tấn, bạo hành hoặc chịu những hình phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc tôn thương đến phẩm giá con người.

Điều 14 (Quyền thành lập và gia nhập nghiệp đoàn)

Mọi người đều được quyền thành lập và gia nhập những nghiệp đoàn độc lập để bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 15 (Quyền lợi và nghĩa vụ bầu cử và ứng cử)

Ý dân là căn bản của quyền lực quốc gia được thể hiện qua quyền bầu cử và ứng cử. Điều này cũng phải được thể hiện qua các cuộc bầu cử chân thật và thường xuyên. Những cuộc bầu cử này phải có tính cách phổ thông và bình đẳng và phải có tính cách kín hay qua những thủ tục bầu cử tự do tương đương. Mọi công dân từ 18 tuổi trở lên đều có quyền và trách nhiệm hành xử việc bầu cử và ứng cử theo luật định. Bầu cử là một nghĩa vụ có tính cách bắt buộc.

Điều 16 (Quyền của một bị cáo về hình luật được giả định là vô tội cho đến khi bị tòa án chính thức kết tội)

Khi bị truy tố về hình luật, mọi người đều có quyền được giả định là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội theo đúng luật pháp, trong một phiên xử công khai mà bị can có tất cả những sự bảo đảm cần thiết để bảo vệ cho mình.

Cấp độ để chứng minh trong những phiên xử án về dân sự (hoặc hộ) sẽ là “có xác xuất phải chăng”. Tuy nhiên cấp độ chứng minh để kết án một bị cáo trong một phiên xử hình sự phải là cấp độ “không còn lý do chính đáng để nghi ngờ”.

Điều 17 (Quyền giữ các chức vụ trong các cơ quan chính quyền)

Mọi người đều có cơ hội bình đẳng để phục vụ trong các cấp chính quyền từ trung ương đến

địa phương.

Điều 18 (Nghĩa vụ quân sự)

Mọi người đều có trách nhiệm bình đẳng thi hành nghĩa vụ quân sự theo luật định.

Điều 19 (Nghĩa vụ đóng thuế)

Mọi người đều có trách nhiệm đóng thuế theo luật định.

Điều 20 (Quyền có quốc tịch)

Mọi người sinh ra tại Việt Nam đều có quyền có quốc tịch Việt Nam. Không ai có thể bị tước bỏ quốc tịch hoặc từ chối quyền thay đổi quốc tịch một cách độc đoán.

Điều 21 (Tính cách không toàn vẹn và không đầy đủ)

Những quyền lợi và trách nhiệm nêu ra trong bản hiến pháp chỉ có tính cách nền tảng mà không có tính cách toàn vẹn hoặc đầy đủ. Khi cần thiết luật pháp sẽ quy định thêm những quyền lợi và nghĩa vụ khác miễn là không đi ngược lại với tinh thần của hiến pháp hiện hành.

Điều 22 (Cá nhân và tha nhân)

Trong khi hành xử những quyền và trách nhiệm của mình mọi người đều phải chịu sự giới hạn của luật pháp chỉ vì mục tiêu duy nhất là đem lại sự công nhận và tôn trọng đúng mức những quyền tự do của tha nhân và với mục đích đáp ứng những nhu cầu hợp lý trên phương diện đạo đức, trật tự xã hội chung của một xã hội dân chủ.

Chương II. Dự Thảo Hiến Pháp Về Ngành Lập Pháp Tại Trung Ương

Điều 23 (Quốc hội và lập pháp):

Mọi quyền lập pháp trung ương đều nằm nơi Quốc Hội. Quốc Hội gồm 2 viện: Thượng Viện và Hạ Viện.

1. Mọi Thượng nghị sĩ và dân biểu đều không thể bị truy tố trên phương diện hộ tức dân luật vì những lời phát biểu của mình trong phiên họp quốc hội.

2. Mọi công dân Việt Nam 21 tuổi trở lên, nếu có quyền bầu cử, đều có quyền ứng cử vào hạ viện quốc hội, và nếu 30 tuổi trở lên, nếu có quyền bầu cử, đều có quyền ứng cử vào thượng viện.

3. Thượng nghị sĩ và dân biểu là những công việc toàn thời và các đương sự không thể trong nhiệm kỳ, đảm nhận những công việc có lợi nhuận khác.

4. Một thượng nghị sĩ không thể đồng thời làm dân biểu và ngược lại. Cả 2 đều không thể giữ các chức vụ dân cử khác hoặc làm công chức từ trung ương đến địa phương.

5. Một thượng nghị sĩ hoặc dân biểu, trong nhiệm kỳ của mình, không thể bị bắt, giam cầm, lục soát hoặc cơ thể lục soát. Trừ phi bị bắt quả tang đang vi phạm một tội hình luật thì có thể bị lục soát hoặc lục soát cơ thể. Nếu bị truy tố vì một tội hình luật và bị kết án thì sẽ lập tức mất chức. Trong khi bị truy tố được đương nhiên tại ngoại hầu tra và tiếp tục hành xử chức vụ của mình.

6. Chi tiết hình thức tổ chức nội bộ của 2 viện quốc hội, thủ tục bỏ phiếu nội bộ và tái nhóm quốc hội, thủ tục bầu cử các chủ tịch và phó chủ tịch mỗi viện, những thủ tục để quốc hội chu toàn nhiệm vụ hiến định của mình sẽ được mỗi viện tự quy định.

7. Mỗi thượng nghị sĩ hoặc dân biểu đều có quyền đưa ra các dự luật và trình qua viện của mình trước, trừ trường hợp các dự luật liên hệ đến thuế hoặc các biện pháp thu lợi tức cho quốc gia đều phải đệ trình và thông qua hạ viện trước.

Điều 24 (Thượng Viện):

1. Thượng Viện sẽ gồm 2 thượng nghị sĩ từ mỗi tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương. Nhiệm kỳ Thượng Viện là 6 năm. Mỗi thượng nghị sĩ sẽ có một phiếu.

2. Mọi quyết định của thượng viện chỉ có hiệu lực khi được đa số quá bán các thương nghị sĩ hiện diện thông qua.

3. Thẩm quyền của thượng viện bao gồm:

(i) Duyệt xét và thông qua các dự luật của quốc hội.

(ii) Phê chuẩn hoặc phủ quyết tình trạng tuyên chiến hoặc việc ký hòa ước với một hay nhiều quốc gia khác sau khi được tổng thống đề nghị.

(iii) Phê Chuẩn hoặc phủ quyết đề nghị bổ nhiệm các vị thẩm phán Tối Cao Pháp Viện và các vị thẩm phán các tòa án thấp hơn sau khi các vị này được Tổng Thống (trong trường hợp Tối Cao Pháp Viện) hoặc bộ trưởng tư pháp (trong trường hợp các tòa án thấp hơn) đề cử.

(iv) Phê chuẩn hoặc phủ quyết đề nghị bổ nhiệm Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia sau khi vị này được tổng thống đề cử.

(v) Phê Chuẩn hoặc phủ quyết đề nghị bổ nhiệm các vị Bộ Trưởng hoặc Tổng Trưởng hoặc các chức vụ tương xứng trong nội các chính phủ sau khi các vị này được tổng thống đề cử.

(vi) Phê chuẩn hoặc phủ quyết đề nghị bổ nhiệm các vị Tư Lệnh Quân Lực và Tư Lệnh các lực lượng cảnh sát hoặc công an quốc gia sau khi các vị này được tổng thống đề cử.

(vii) Phê chuẩn hoặc phủ quyết đề nghị bổ nhiệm các thành viên của Hội Đồng Bầu Cử Quốc Gia sau khi các vị này được tổng thống đề cử.

4. Khi một thương nghị sĩ từ chức hoặc mất khả năng phục vụ vì một lý do khác, nếu nhiệm kỳ còn lại hơn 2 năm thì phải bầu cử bổ túc riêng cho chức vụ này, nếu ít hơn 2 năm thì hành pháp địa phương sẽ bổ nhiệm người thay thế.

Điều 25 (Hạ Viện):

1. Hạ Viện gồm các dân biểu được bầu từ các đơn vị tranh cử đơn danh và các dân biểu được bầu theo danh sách chính đảng theo Chương VI. Số dân biểu bầu theo danh sách gấp 2 lần số

dân biểu bầu theo đơn danh. Nhiệm kỳ Hạ Viện là 4 năm. Mỗi dân biểu có một phiếu.

2. Mọi dự luật phải được hạ viện thông qua bằng đa số quá bán dân biểu họp và trong vòng 8 tuần sau đó phải chuyển lên thượng viện để phê chuẩn.

3. Một dự luật không cần được thượng viện phê chuẩn nếu thượng viện không xét đến trong vòng 8 tuần, hoặc nếu thượng viện từ chối không phê chuẩn và hạ viện thông qua lần thứ 2 với đa số ít nhất 2/3 dân biểu hiện diện. Trong 2 trường hợp này thì dự luật phải được chuyển trực tiếp lên tổng thống trong vòng 8 tuần để ký phê chuẩn hoặc phủ quyết. Nếu tổng thống phủ quyết thì phải gửi trả lại hạ viện trong vòng 8 tuần, kèm theo một văn bản nói lên những bất đồng ý kiến của mình. Trong trường hợp này nếu hạ viện thông qua lần thứ 3 với đa số ít nhất là 3/4 dân biểu hiện diện thì dự luật đương nhiên trở thành luật. Nếu tổng thống không gửi lại hạ viện dự luật trong vòng 8 tuần khi nhận được như quy định ở trên thì dự luật cũng đương nhiên trở thành luật.

4. Hạ viện có thể đề xướng và thông qua tất cả các dự luật trên tất cả mọi lãnh vực thuộc thẩm quyền của mình như quy định trong chương V của hiến pháp.

5. Khi một dân biểu đắc cử từ danh sách chính đảng từ chức hoặc mất khả năng phục vụ vì một lý do khác, chính đảng đó bổ nhiệm người thay thế.

6. Khi một dân biểu đắc cử từ một đơn vị tranh cử từ chức hoặc mất khả năng phục vụ vì một lý do khác, nếu nhiệm kỳ còn lại hơn 2 năm thì phải bầu cử bổ túc. Nếu ít hơn 2 năm thì có hai trường hợp: Một là chính đảng liên hệ sẽ bổ nhiệm người thay thế trong trường hợp dân biểu của chính đảng. Hai là hành pháp địa phương sẽ bổ nhiệm người thay thế trong trường hợp dân biểu độc lập.

Điều 26 (Thẩm quyền hành pháp):

Tất cả mọi quyền hành pháp trung ương của quốc gia được ủy thác cho Tổng Thống. Tổng thống có các trách nhiệm và quyền hạn như sau:

1. Là nguyên thủ quốc gia, tổng tư lệnh tối cao quân lực và các lực lượng an ninh.
2. Ký để phê chuẩn hoặc phủ quyết các dự luật được quốc hội thông qua. Trong trường hợp phủ quyết, tổng thống phải gửi trả lại quốc hội dự luật kèm theo một văn bản nói lên những bất đồng ý kiến của mình. Nhưng nếu cả 2 viện của quốc hội một lần nữa thông qua với tỷ số ít nhất $\frac{2}{3}$ của thành viên hiện diện mỗi viện, hoặc nếu hạ viện thông qua với tỷ số ít nhất $\frac{3}{4}$ dân biểu hiện diện, thì dự luật đương nhiên có hiệu lực và trở thành luật. Trong trường hợp một dự luật không được tổng thống gửi trả lại trong vòng 8 tuần thì đương nhiên có hiệu lực và trở thành luật.
3. Công bố tình trạng thiết quân luật sau khi đã được quốc hội phê chuẩn với tỷ số ít nhất $\frac{3}{4}$ thành viên của mỗi viện và sau khi đã được Tối Cao Pháp Viện thông qua trong một phiên xử chính thức toàn viện. Tình trạng thiết quân luật không thể kéo dài hơn 12 tháng và không thể vượt quá nhiệm kỳ tổng thống.
4. Có đặc quyền ân xá.
5. Bổ nhiệm các thành viên của nội các chính phủ.
6. Chủ tọa các phiên họp của nội các.
7. Bổ nhiệm và cách chức người giữ các chức vụ dân sự và quân sự trong chính quyền theo luật định.
8. Đề trình quốc hội (bắt đầu bằng hạ viện) cứ 3 tháng trước tài khóa mỗi năm một dự luật về ngân sách quốc gia cho tài khóa sắp tới.
9. Đề trình và đề nghị trước hạ viện những dự luật phát xuất từ hành pháp.
10. Hành xử tất cả mọi quyền hành pháp để điều hành quốc gia trong phạm vi của hiến pháp và luật pháp.

Điều 27 (Quyền bầu cử và ứng cử):

Mọi công dân Việt Nam 30 tuổi trở lên, nếu có quyền bầu cử, đều được quyền ứng cử và đắc cử vào các chức vụ tổng thống và phó tổng thống.

Điều 28 (Nhiệm kỳ):

Nhiệm kỳ tổng thống và phó tổng thống là 4 năm và không ai có thể giữ hơn 2 nhiệm kỳ.

Điều 29 (Điều khuyết chức vụ):

Trong trường hợp chức vụ tổng thống bỏ trống quá 6 tháng thì phó tổng thống sẽ thay thế cho hết nhiệm kỳ. Trong trường hợp cả 2 chức vụ bỏ trống quá 6 tháng thì chủ tịch thượng viện sẽ thi hành nhiệm vụ tổng thống cho đến hết nhiệm kỳ, trừ khi phần còn lại của nhiệm kỳ quá 2 năm thì phải tổ chức bầu cử trở lại. Thứ tự thừa nhiệm kế tiếp sẽ là phó tổng thống, chủ tịch hạ viện và ngoại trưởng cho đến hết nhiệm kỳ, trừ khi phần còn lại của nhiệm kỳ quá 2 năm thì phải tổ chức bầu cử trở lại. Trong trường hợp chức vụ tổng thống bỏ trống không quá 6 tháng thì thứ tự thừa nhiệm nêu trên sẽ áp dụng cho đến khi tổng thống trở lại nhiệm vụ.

Điều 30 (Quyền miễn nhiệm):

Ngoại trừ trong trường hợp trọng tội hình luật theo luật định, tổng thống được quyền miễn nhiệm không thể bị truy tố trên cả 2 phương diện hình lẫn hộ, trong nhiệm kỳ của mình. Trong trường hợp bị truy tố trọng tội và chờ xét xử thì tổng thống phải tạm thời rời chức vụ. Nếu bị kết án vì trọng tội tổng thống lập tức mất chức. Trong trường hợp chờ xét xử thì điều kiện 6 tháng của điều 29 không áp dụng và phó tổng thống sẽ lập tức xử lý thường vụ chức vụ tổng thống cho đến khi vụ án chấm dứt.

Chương IV: Ngành Tư Pháp.

Điều 31 (Tối Cao Pháp Viện):

1. Là cơ quan tư pháp tối cao của quốc gia.

2. Tối Cao Pháp Viện gồm 11 vị thẩm phán và một trong 11 vị này là chủ tịch Tối Cao Pháp Viện.

3. Các vị thẩm phán và chủ tịch Tối Cao Pháp Viện được tổng thống bổ nhiệm, với sự phê chuẩn của thượng viện, sau khi được sự đề cử của tổng thống và không thể bị cách chức trừ khi cả lưỡng viện quốc hội yêu cầu tổng thống cách chức, vì lý do tác phong bại hoại hoặc mất trí năng.

4. Lương bổng và lợi nhuận các vị này do quốc hội quy định và không suy giảm trong suốt nhiệm kỳ.

5. Nhiệm kỳ các vị chấm dứt vào lúc họ được 70 tuổi. Không ai được bổ nhiệm vào các chức vụ này từ 70 tuổi trở lên.

6. Mỗi vị có thể từ chức bằng văn thư gửi cho tổng thống.

7. Là cơ quan xử án cuối cùng và chung quyết cho tất cả mọi phiên xử và các thủ tục kháng cáo.

8. Là cơ quan có thẩm quyền nguyên thủy trên các lãnh vực sau đây:

(i) Liên hệ đến sự xung đột quyền hạn giữa hành pháp và lập pháp từ trung ương đến địa phương.

(ii) Liên hệ đến sự xung đột quyền hạn giữa các chính quyền địa phương và trung ương.

(iii) Phát xuất từ các hiệp ước ký kết với các quốc gia khác.

(iv) Duyệt xét các quyết định của Ủy Ban Bầu Cử Quốc Gia liên hệ đến bầu cử các cơ cấu chính quyền trung ương.

(v) Những lãnh vực khác do luật pháp quy định.

9. Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện thay mặt cho toàn dân chấp nhận lời tuyên thệ tuyệt đối trung thành với hiến pháp và quyết tâm bảo vệ hiến pháp của tổng thống, phó tổng thống, các thành viên của nội các, chủ tịch thượng viện, chủ tịch hạ viện, chủ tịch ủy ban bầu cử quốc gia khi

các vị này chính thức nhậm chức.

Điều 32 (Quyền lợi của thẩm phán và sự vận hành của TCPV):

(1) Luật pháp sẽ quy định ngân sách, lương bổng và lợi nhuận của các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện.

(2) Việc quản trị tổng quát guồng máy hành chánh của tối cao pháp viện, và các thủ tục cần thiết cho các phiên xử của tòa sẽ do chính Tối Cao Pháp Viện quyết định.

(3) Quyết định tối hậu và chung quyết của Tối Cao Pháp Viện phải là quyết định của đa số quá bán thẩm phán hiện diện trong một phiên xử chính thức. Nếu không có đa số quá bán thì vị thẩm phán chủ tọa có thêm một phiếu quyết định.

Điều 33 (Các tòa án bên dưới Tối Cao Pháp Viện):

Luật pháp sẽ quy định việc thành lập các tòa án khác từ trung ương đến địa phương, hoặc bổ nhiệm các thẩm phán, lương bổng các vị này, tổ chức nội bộ, ngân sách và việc quản trị tổng quát cho các tòa án khác nhau và ở nhiều đẳng cấp khác nhau bên dưới tối cao pháp viện để hoàn chỉnh ngành tư pháp.

Điều 34 (Quyền hạn tòa án địa phương):

Mỗi tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương phải có ít nhất một tòa án có thẩm quyền giải quyết mọi vấn đề từ hình đến hộ.

Điều 35 (Vấn đề quản trị hành chánh các tòa án):

Việc quản trị hành chánh các tòa án sẽ trực thuộc chính quyền trung ương.

Điều 36 (Sự tương quan giữa tòa án và chính quyền địa phương):

Các chính quyền địa phương không có quyền thành lập các tòa án.

Chương V: Phân Chia Quyền Lực Giữa Chính Quyền Trung Ương Và Các Chính Quyền Địa Phương.

Điều 37 (Quyền hạn của chính quyền trung ương):

Chính quyền trung ương có thẩm quyền thông qua các sắc luật và thi hành các sắc luật này trên các lãnh vực sau đây:

1. Ngoại giao.
 2. Quốc phòng
 3. Quốc tịch và di trú
 4. Hình luật, Dân Luật và luật thương mại.
 5. Quản trị hành chánh ngành tư pháp.
 6. Giao thông và vận tải.
 7. Kinh tế, Tài chánh, ngân sách quốc gia và thuế khóa toàn quốc.
 8. Tiền tệ, thị trường chứng khoán và ngân hàng.
 9. Ấn định cân lường và đo lường.
 10. Ngoại thương.
 11. Ấn định biên giới giữa các tỉnh và các thành phố trực thuộc trung ương kể cả việc thành lập các đơn vị mới hoặc sát nhập các đơn vị hiện hành.
 12. Thông tin và thư tín.
 13. Luật lao động.
 14. Cảnh sát và trị an.
 15. Chế độ lao động và lương bổng của các viên chức trong thẩm quyền của mình, kể cả các chức vụ dân cử.
 16. Thương mại xuyên đơn vị địa phương.
 17. Phục hưng văn hóa và bảo tồn di tích lịch sử.
- Phó tổng thống sẽ là thành viên của nội các chịu trách nhiệm về lãnh vực này cùng với lãnh

vực giáo dục.

18. Bầu cử Quốc Hội, Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Các Hội Đồng Lập Pháp, Tỉnh Trưởng và Phó Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng và Phó Thị Trưởng các thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 38 (Trung ương chuyển quyền):

Chính quyền trung ương có thẩm quyền thông qua các sắc luật nhưng phải chuyển quyền thi hành các sắc luật thông qua cho các chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương trên các lãnh vực sau đây:

1. Luật Gia đình.
2. Giáo dục.
3. Nông nghiệp và ngư nghiệp.
4. An Sinh xã hội.
5. Thống kê.
6. Y tế.

Điều 39 (Quyền hạn chính quyền địa phương):

Các chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền thông qua và thi hành các sắc luật trên các lãnh vực sau đây trong địa phận của mình:

1. Kinh tế, Tài chánh và thuế khóa trừ thuế lợi tức và các thuế liên hệ đến các lãnh vực thuộc thẩm quyền chính quyền trung ương.
2. Cầu cống và đường sá.
3. Y tế .
4. Giáo dục
5. Quy hoạch đất đai.
6. Kỹ nghệ, nông nghiệp và ngư nghiệp.

7. Các lĩnh vực từ thiện và vô vị lợi.
8. Tài sản hoặc nợ nần của tỉnh hoặc thành phố.
9. Cảnh sát và trị an.
10. Phục hưng văn hóa và bảo tồn di tích lịch sử.
11. Chế độ lao động và lương bổng của các viên chức trong thẩm quyền của mình kể cả các chức vụ dân cử.
12. Ấn định số lượng và ranh giới giữa các đơn vị hành chính trong phạm vi các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương
13. Chế độ và phương thức quản trị các đơn vị hành chính trong phạm vi các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 40 (Các lĩnh vực quyền hạn còn lại):

Tất cả những lĩnh vực nào không được nhắc tới trong chương V đều thuộc về thẩm quyền của chính quyền trung ương. Tuy nhiên với sự đồng thuận của các chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương liên hệ, chính quyền trung ương có thể thông qua các sắc luật nhưng chuyển quyền thi hành các sắc luật này cho các chính quyền tỉnh hoặc thành phố này.

Chương VI: Chế Độ Bầu Cử Hành Pháp Và Lập Pháp Từ Trung Ương Đến Địa Phương Gồm Các Tỉnh Và Các Thành Phố Trực Thuộc Trung Ương.

Điều 41 (Chế độ bầu cử):

Bầu cử sẽ tiến hành theo luật định. Tuy nhiên các điều căn bản sau đây cần phải tuân hành:

1. Hành Pháp tại trung ương (Tổng Thống và Phó Tổng Thống trong cùng liên danh trên toàn quốc) và địa phương (Tỉnh Trưởng và Phó Tỉnh Trưởng trong cùng một liên danh trong tỉnh, hoặc Thị Trưởng và Phó Thị Trưởng trong cùng một liên danh trong thành phố trực thuộc trung ương) phải bầu phiếu kín, liên danh đặc cử phải đạt đến đa số quá bán. Nếu kết quả chính thức vòng đầu không hội đủ điều kiện này thì bầu cử vòng nhì phải được tổ chức trong vòng một tháng kể từ ngày có kết quả. Vòng nhì chỉ 2 liên danh cao phiếu nhất được quyền tranh cử,

sau khi đã loại trừ những liên danh cao phiếu hơn nhưng đã rút lui hợp pháp, nếu có. Sau vòng nhì, liên danh cao phiếu hơn sẽ thắng cử.

2. Hạ Viện Quốc Hội và các Hội Đồng Lập Pháp của các tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương phải bầu phiếu kín như sau:

(i) Có 2 hình thức tranh cử song hành: ứng cử đơn danh trực tiếp từ các đơn vị tranh cử liên hệ, hoặc ứng cử theo danh sách ứng viên chính thức được các chính đảng thành lập. Cử tri trong các đơn vị tranh cử sẽ bầu cho các cá nhân tranh cử. Cử tri toàn quốc hoặc toàn tỉnh hay thành phố liên hệ sẽ bầu cho toàn thể chính đảng theo danh sách.

(ii) Mỗi đơn vị tranh cử chỉ được cử một đại diện vào Hạ Viện Quốc Hội hoặc Hội Đồng Lập Pháp liên hệ. Ứng viên nào đạt được đa số tương đối sẽ đắc cử.

(iii) Đơn vị tranh cử Hạ Viện do Ủy Ban Bầu Cử Quốc Gia quy định theo chương IX trên các nguyên tắc sau đây:

(iv) Mỗi tỉnh và thành phố trực thuộc Trung Ương chia thành những đơn vị tranh cử trung bình 500.000 dân mỗi đơn vị.

(v) Tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 1 đơn vị cho dù dân số thấp hơn 500.000

(vi) Khi dân số thặng dư trong tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương không đạt đến 300.000 thì không được thành lập đơn vị tranh cử thêm mà dân số thặng dư này được phân phối đều cho các đơn vị khác

(vii) Dân số căn cứ trên thống kê chính thức mới nhất của chính phủ.

(viii) Đơn vị tranh cử Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương là các quận, huyện và những đơn vị trực thuộc khác

(ix) Sau khi đã có kết quả cuộc bầu cử từ các đơn vị tranh cử, mỗi chính đảng sẽ được bổ sung bằng một số ứng viên đắc cử từ trong danh sách đã nộp với mục tiêu làm cho số ứng viên đắc cử của mỗi chính đảng đạt đến con số tương xứng nhất với tỷ lệ số phiếu tổng quát mà họ đạt được. Các ứng cử viên đắc cử từ các đơn vị tranh cử không được thay đổi.

(x) Số lượng ứng viên đắc cử từ danh sách cao gấp 2 lần số đơn vị tranh cử toàn quốc, toàn tỉnh hoặc toàn thành phố trực thuộc trung ương.

(xi) Chính đảng nào không đạt được tỷ lệ số phiếu 5% toàn quốc trở lên (cho Hạ Viện) hoặc toàn tỉnh hoặc toàn thành phố trực thuộc trung ương (cho Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương) sẽ không được bổ sung từ danh sách.

(xii) Chính đảng nào đạt được con số ứng viên đắc cử từ các đơn vị tranh cử cao hơn tỷ lệ số phiếu toàn quốc hoặc toàn tỉnh hoặc toàn thành phố mà họ có, sẽ được giữ số ghế thặng dư.

(xiii) Các chức vụ chủ tịch và phó chủ tịch hạ viện cũng như chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng lập pháp địa phương do các dân biểu và nghị viên liên hệ bầu lên trong vòng 8 tuần sau ngày có kết quả bầu cử, từ hàng ngũ các dân biểu và nghị viên đắc cử.

3. Thượng Viện Quốc Hội phải bầu phiếu kín và đơn danh như sau:

Cử tri mỗi tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương được quyền bầu 2 thượng nghị sĩ vào Thượng Viện Quốc Hội. Hai ứng viên được số phiếu cao nhất sẽ đắc cử. Các chức vụ chủ tịch và phó chủ tịch thượng viện được các thượng nghị sĩ bầu lên trong vòng 8 tuần sau ngày có kết quả bầu cử từ hàng ngũ các thượng nghị sĩ.

4. Tổng Thống sẽ công bố các ngày tổng tuyển cử các cơ cấu chính quyền trung ương và địa phương. Bầu cử phải diễn ra không sớm hơn 3 tháng, nhưng không trễ hơn 4 tháng, từ ngày mãn nhiệm kỳ, trong một ngày Chủ Nhật. Công bố phải đưa ra từ 6 đến 7 tháng trước ngày bầu cử.

5. Ngày tổng tuyển cử các cơ cấu chính quyền địa phương sẽ diễn ra 2 năm sau ngày tổng tuyển cử trung ương, sai biệt trước sau không quá 1 tháng.

Chương VII: Quyền hạn của Hành Pháp Và Lập Pháp Tại Địa Phương:

Điều 42 (Quyền hạn của tỉnh trưởng và thị trưởng):

Tỉnh trưởng hoặc Thị trưởng các thành phố trực thuộc trung ương có các trách nhiệm và quyền hạn như sau:

1. Là viên chức cao cấp nhất của Tỉnh hoặc Thành Phố liên hệ và chỉ huy trưởng các lực lượng an ninh, cảnh sát và công an địa phương, trừ các lực lượng trị an và quân đội thuộc thẩm quyền trung ương.

2. Ký để phê chuẩn hoặc phủ quyết các dự luật được Hội Đồng Lập Pháp thông qua. Trong trường hợp phủ quyết phải gửi lại Hội Đồng trong vòng 8 tuần kèm theo một văn bản nói lên

những bất đồng ý kiến của mình. Nếu Hội Đồng một lần nữa thông qua với đa số ít nhất 2/3 thì dự luật đương nhiên trở thành luật. Trong trường hợp tỉnh trưởng hoặc thị trưởng không gửi trả dự luật lại Hội Đồng trong vòng 8 tuần thì sẽ đương nhiên trở thành luật.

3. Đề trình Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương cứ 3 tháng trước tài khóa mỗi năm một dự luật về ngân sách địa phương cho tài khóa sắp tới.

4. Bổ nhiệm các uỷ viên của uỷ ban hành chính tỉnh hoặc thành phố liên hệ cũng như tất cả các chức vụ công chức trong địa phương.

5. Chủ tọa các phiên họp của uỷ ban hành chính.

6. Đề trình trước Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương những dự luật xuất phát từ hành pháp địa phương.

7. Hành xử tất cả mọi quyền hành pháp để điều hành công việc địa phương.

Điều 43 (Bầu cử và ứng cử):

Mọi công dân Việt Nam 21 tuổi trở lên, nếu có quyền bầu cử, đều được quyền ứng cử và đắc cử vào các chức vụ Tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng hoặc Thị Trưởng, phó thị trưởng các thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 44 (Nhiệm kỳ):

Nhiệm kỳ tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng, thị trưởng, phó thị trưởng là 4 năm.

Điều 45 (Điền khuyết chức vụ):

Trong trường hợp các chức vụ nêu trong điều 44, nếu chức vụ của vị trưởng nhiệm bị bỏ trống quá 6 tháng thì vị phó nhiệm sẽ thay thế cho hết nhiệm kỳ. Trong trường hợp chức vụ phó nhiệm bị bỏ trống quá 6 tháng, thì vị trưởng nhiệm có thể đề cử người thay thế với sự phê chuẩn của Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương. Nếu cả 2 chức vụ bỏ trống quá 6 tháng thì Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương sẽ đề cử người thay thế cho đến hết nhiệm kỳ, trừ khi phân còn lại của nhiệm kỳ quá 2 năm thì phải tổ chức bầu cử lại. Trong trường hợp bỏ trống không quá 6

tháng thì thứ tự thừa nhiệm nêu trên sẽ áp dụng cho đến khi đương sự trở lại chức vụ.

Điều 46 (Quyền miễn nhiệm):

Ngoại trừ trong trường hợp trọng tội theo luật định, tỉnh trưởng và thị trưởng được quyền miễn nhiệm không bị truy tố trên cả 2 phương diện hình lẫn hộ, trong nhiệm kỳ của mình. Trong trường hợp bị truy tố trọng tội và chờ xét xử thì phải tạm thời rời khỏi chức vụ. Nếu bị kết án thì lập tức mất chức vụ. Trong trường hợp chờ xét xử thì điều kiện 6 tháng của điều 45 không áp dụng và vị phó nhiệm sẽ lập tức xử lý thường vụ cho đến khi vụ án chấm dứt.

Điều 47 (Hội Đồng Lập Pháp Địa Phương):

1. Hội Đồng gồm các nghị viên được bầu từ các đơn vị tranh cử đơn danh và các nghị viên được bầu theo danh sách theo Chương VI. Số nghị viên theo danh sách gấp 2 lần số nghị viên bầu theo đơn vị. Nhiệm kỳ Hội Đồng là 4 năm. Mỗi nghị viên có một phiếu trong hội đồng.
2. Mọi dự luật phải được Hội Đồng thông qua bằng đa số quá bán nghị viên họp và trong vòng 8 tuần phải chuyển lên tỉnh trưởng hoặc thị trưởng để ký và phê chuẩn để trở thành luật.
3. Một dự luật không cần được tỉnh trưởng hoặc thị trưởng phê chuẩn nhưng vẫn trở thành luật và có hiệu lực nếu được thông qua từ đầu với ít nhất 2/3 nghị viên trong hội đồng hiện diện.
4. Hội Đồng có thể đề xướng và thông qua tất cả các dự luật trên tất cả mọi lãnh vực thuộc thẩm quyền của mình như quy định trong Chương V của hiến pháp.
5. Mọi nghị viên đều không thể bị truy tố trên phương diện hộ tức dân luật vì những lời phát biểu của mình trong Hội Đồng.
6. Mọi công dân Việt Nam 21 tuổi trở lên, nếu có quyền bầu cử, đều có quyền ứng cử vào Hội Đồng.
7. Nghị viên là một công việc toàn thời và các đương sự không thể trong nhiệm kỳ, đảm nhận những công việc có lợi nhuận khác, kể luôn cả các chức vụ dân cử hoặc công chức từ trung

ương đến địa phương.

8. Một nghị viên, trong nhiệm kỳ của mình, không thể bị bắt, giam cầm, lục soát hoặc lục soát cơ thể, trừ phi bị bắt quả tang đang vi phạm một tội hình luật thì có thể bị lục soát hoặc lục soát cơ thể. Nếu bị truy tố vì một tội hình luật và bị kết án thì sẽ lập tức mất chức. Trong khi bị truy tố được đương nhiên tại ngoại hầu tra và hành xử chức vụ của mình.

9. Chi tiết hình thức tổ chức nội bộ của Hội Đồng, thủ tục bỏ phiếu nội bộ và nhóm họp hội đồng, những thủ tục để hội đồng chu toàn nhiệm vụ hiến định của mình sẽ được luật pháp địa phương quy định.

10. Mỗi nghị viên đều có quyền đưa ra các dự luật đệ trình hội đồng để thông qua.

11. Khi một nghị viên đắc cử từ danh sách chính đảng từ chức hoặc không thể tiếp tục phục vụ vì một lý do khác, chính đảng bổ nhiệm người thay thế.

12. Khi một nghị viên đắc cử từ một đơn vị tranh cử từ chức hoặc không thể tiếp tục phục vụ vì một lý do khác, nếu nhiệm kỳ còn lại hơn 2 năm thì phải bầu cử bổ túc. Nếu ít hơn 2 năm thì có hai trường hợp: một là chính đảng liên hệ sẽ bổ nhiệm người thay thế trong trường hợp nghị viên của chính đảng, hai là hành pháp địa phương sẽ bổ nhiệm người thay thế trong trường hợp nghị viên độc lập.

Chương VIII: Những điều khoản nền tảng khác:

Điều 48 (Ngân sách giáo dục, khoa học và phục hưng văn hóa):

Giáo dục, khoa học và phục hưng văn hóa: Ít nhất là 15% ngân sách trung ương và 15% ngân sách địa phương phải dành cho các vấn đề giáo dục, khoa học và phục hưng văn hóa.

Điều 49 (Hậu quả của tính vi hiến):

Tất cả mọi luật pháp, tất cả mọi tác động, sắc lệnh của các ngành hành pháp hoặc lập pháp, từ địa phương đến trung ương, đi ngược với hiến pháp đều không có hiệu lực.

Điều 50 (Thi hành hiến pháp và luật pháp):

1. Các chính quyền liên hệ sẽ thông qua những luật pháp cần thiết để thi hành các điều khoản của hiến pháp.
2. Các tòa án có trách nhiệm áp dụng và giải thích hiến pháp và các luật pháp đã được thông qua.
3. Cố tình xen lấn vào hoặc cản trở tiến trình công lý hoặc sự làm việc của quan tòa trong khi quan tòa thi hành nhiệm vụ của mình là một trọng tội hình luật.

Điều 51 (Tài trợ ngân sách cho địa phương):

Chính quyền trung ương có trách nhiệm tài trợ ngân sách cho các chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương từ ngân sách trung ương, trong phạm vi khả năng của trung ương và theo luật định. Tuy nhiên mọi sự tài trợ đều phải theo nguyên tắc bình đẳng và không thiên vị.

Điều 52 (Xung đột quyền lực):

1. Khi có sự xung đột giữa các sắc luật, sắc lệnh hoặc tác động của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương thì chính quyền trung ương sẽ ưu thắng và chính quyền địa phương sẽ nhường bước ở mức độ và trong phạm vi của sự xung đột.
2. Những quyết định của các tòa án cấp cao hơn sẽ có tác dụng ràng buộc các quyết định của các tòa án thấp hơn.

Điều 53 (Tương quan giữa sắc luật và ngân sách):

1. Tất cả mọi chi khoản của ngân sách từ trung ương đến địa phương đều phải được thông qua bởi một sắc luật chính thức của chính quyền liên hệ. Không bao giờ có chi khoản mà không có sắc luật liên hệ cho phép.
2. Trong trường hợp quá thời hạn mà ngân sách mới chưa được thông qua thì các chi khoản đương nhiên được duy trì ở mức độ ngân sách cũ. Khi ngân sách mới thông qua thì sẽ có hiệu

lực hồi tố.

3. Trong trường hợp thượng viện hoặc hạ viện quốc hội không chấp nhận thông qua dự luật ngân sách của tổng thống thì viện liên hệ phải nêu ra bằng văn bản những lý do và đề án tu chính cụ thể trong vòng 8 tuần kể từ ngày tổng thống đệ trình, nếu không, dự luật ngân sách đương nhiên có hiệu lực.

4. Trong trường hợp hội đồng lập pháp địa phương không chấp nhận thông qua dự luật ngân sách của tỉnh trưởng hoặc thị trưởng thì hội đồng phải nêu ra bằng văn bản những lý do và đề án tu chính cụ thể trong vòng 8 tuần kể từ ngày tỉnh trưởng hoặc thị trưởng đệ trình, nếu không, dự luật ngân sách đương nhiên có hiệu lực.

Điều 54 (Tính bất khả hồi tố):

Không một sắc luật nào có thể được áp dụng hồi tố trừ khi được quy định trong hiến pháp.

Chương IX: Ủy Ban Bầu Cử Quốc Gia (UBBCQG)

Điều 55 (Trách nhiệm UBBCQG)

UBBCQG có các trách nhiệm sau đây:

1. Thành lập, duy trì và cập nhật danh sách cử tri toàn quốc và tại các địa phương
2. Hướng dẫn quần chúng về hệ thống chính trị và phương thức bầu cử
3. Quy định các điều lệ cần thiết và duyệt xét đơn ghi danh chính thức các chính đảng sinh hoạt trong môi trường chính trị
4. Giám sát hoạt động và tài chánh các chính đảng
5. Tổ chức, giám sát và hoàn tất các cuộc bầu cử từ trung ương đến địa phương trong tinh thần chí công vô tư và trong phạm vi luật pháp cũng như hiến pháp
6. Quy định và điều chỉnh biên giới giữa các đơn vị tranh cử hạ viện quốc hội theo công bằng và lẽ phải, căn cứ trên các yếu tố dân số, kinh tế, địa lý và những yếu tố cần thiết khác.

Điều 56 (Thành phần UBBCQG)

1. Ủy Ban Bầu Cử Quốc Gia sẽ gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 3 ủy viên, làm việc toàn thời, được tổng thống đề cử và thượng viện thông qua, với nhiệm kỳ là 6 năm và có thể được tái đề cử không giới hạn nhiệm kỳ.
2. Ủy ban quyết định theo đa số quá bán và vị chủ tịch có phiếu quyết định
3. Lương bổng các ủy viên, cơ cấu hành chính và chi tiết khác của Ủy Ban sẽ do luật định.

Điều 57 (Thẩm quyền duyệt xét các quyết định của UBBCQG)

1. Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền nguyên thủy duyệt xét các quyết định của ủy ban liên hệ đến các cuộc bầu cử các định chế trung ương, hoặc vì chính Tối Cao Pháp Viện nhận thấy có nhu cầu, hoặc vì qua kháng cáo một quyết định của ủy ban từ một nguyên đơn.
 2. Các tòa án cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền duyệt xét các quyết định của ủy ban liên hệ đến các cuộc bầu cử các định chế địa phương, qua kháng cáo một quyết định của ủy ban từ một nguyên đơn.
 3. Các tòa án cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền duyệt xét các quyết định của ủy ban có tính hành chính hoặc thủ tục khác.
- (4) Trụ sở chính thức hoặc nơi cư trú của nguyên đơn sẽ quyết định tòa án cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương nào có thẩm quyền.

Chương X: Tu Chính hiến pháp:

Điều 58 (Điều kiện tu chính)

Hiến pháp có thể được tu chính theo các điều kiện như sau:

1. Điều khoản tu chính phải được ít nhất 1/ 5 số dân biểu đề nghị và

2. Điều khoản tu chính phải được lưỡng viện quốc hội thông qua bằng đa số ít nhất $\frac{3}{4}$ thành viên mỗi viện trong nhóm họp riêng.

Tài liệu tham khảo:

I. Hiến pháp các quốc gia sau đây:

Hoa Kỳ

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Úc Đại Lợi

Pháp

Đài Loan

Nhật Bản

Liên Bang Nga

Gia Nã Đại

Tân Tây Lan

Basic Laws của Do Thái

Hòa Lan

Web pages:

www.fairvotecanada.org

www.fairvote.org

www.jica.go.jp/E-info-part

www.un.org/docs/SG/agdev

www.fbc.binghamton.edu/arhamsel

www.visualeconomics.creditloan.com/how-countries-spend-their-money

Liên Hiệp Quốc:

Universal Declaration of Human Rights

International Covenant on Civil and Political Rights and Australian Reservations and Declarations

II. Sách:

Nho Giáo, Trần Trọng Kim (Tân Việt Sài Gòn xuất bản)

Political Science by Jacobson and Lipman (Barnes & Nobble xuất bản) Longman World Histiry (Ed 1989)

A Histiry of Political Theory by George H Sabine (Ed 1963) Comparative Government by SE Finer (Allen Lane Ed)

Sử Ký Tư Mã Thiên của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê (Ed Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam tại Úc Châu)

The Rise and Development of Western Civilization by Stipp, Hollister and Dirrim (2nd Ed)

Đông Châu Liệt Quốc của Mộng Bình Sơn (Ed Hương Hoa)

Việt Nam Dân Chủ Tranh Đấu Luận của Luật Sư Đào Tăng Dực (Việt Luận xuất bản 1997)

The Two Marxisms, Gouldner, New York 1980, pp355-373

Chi tiết Liên lạc:

Luật sư Đào Tăng Dực

Email: khaicat2@gmail.com Website: www.daotangduc.blogspot.com